Ngày soạn: 1/12/2024

Ngày dạy: 3/12/2024

Tiết 49,50

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Trò chơi: “Trạm luân chuyển thời gian”

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương đương với 4 trạm

+ Trạm 1: Ở trạm 1, HS sẽ được GV phát 1 mật thư trong đó chứa hình vẽ ẩn chứa ý nghĩa của một câu thành ngữ. HS có nhiệm vụ không viết, không đọc câu tục ngữ đó, hãy dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho các thành viên ở trạm 2 hiểu

+ Trạm 2: Sau khi được trạm 1 gợi ý. Trạm 2 đưa ra câu thành ngữ tiếp tục dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho trạm 3

+ Trạm 3: Đoán thành ngữ và dùng ngôn ngữ cơ thể giải thích cho trạm 4

+ Trạm 4: Đọc đúng câu thành ngữ và giải nghĩa câu

( các trạm liên tục thay đổi thành viên nhận câu thành ngữ)

- HS suy nghĩ trả lời

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.Mục tiêu:**

- HS xác định được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

- HS giải thích được nghĩa của một số thành ngữ

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***Nghĩa tường minh*** là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trongcâu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  ***Nghĩa hàm ẩn*** là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến  Ví dụ: Có công mài sắt, có ngày nên kim. (Tục ngữ)  Câu tục ngữ trên có nghĩa tường minh: Nếu bỏ công sức ra mài một thanh sắt thì có ngày sẽ có được một cây kim. Tuy nhiên, nghĩa hàm ăn, ý nghĩa thật sự mà câu tục ngữ muốn đề cập đến là: Nếu kiên trìnỗ lực vượt qua khó khănthử thách thì có ngày sẽ thành công. Để suy ra nghĩa hàm ăn, chúng ta phải sử dụng tri thức nền của bản thần và chú ý đến các từ ngữ quan trọng trong cấu. Chẳng hạn, trong câu tục ngữ này. chúng ta phải chú ý đến các từ ngữ "mài sắt", nên kim".  Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 86-87

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 86-87

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, giải nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ được sử dụng trong các câu văn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học giải nghĩa một số câu thành ngữ, tục ngữ

**c. Sản phẩm học tập**: Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Em hãy nêu cách hiểu về một số tục ngữ, thành ngữ:

- Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

- Cháy nhà mới ra mặt chuột.

- Đổ mồ hôi sôi nước mắt

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**\* Đáp án bài tập**

**Câu 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:**

a, – Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?

Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

**(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của*)**

b, – Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?

**(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)**

***Trả lời:***

**a.**

**– Nghĩa tường minh**: Bác có thấy con lợn chạy qua đây không, Tôi không thấy con lợn nào cả.

**– Nghĩa hàm ẩn**: Muốn khoe con lợn của mình, tôi có chiếc áo mới.

**b.**

**– Nghĩa tường minh:** Con rắn to dài vừa tròn hai mươi thước là con rắn vuông à.

**– Nghĩa hàm ẩn:** làm gì có con rắn nào dài hai mươi thước.

**Câu 2: Đọc lại truyện Vắt cổ chày ra nước và thực hiện yêu cầu sau:**

a, Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: ” *Thế thì tao cho mượn cái này*” của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó?

b, Người đầy tớ thực sự muốn nói gì qua câu: “*Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!*“?

c, Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ*Vắt cổ chày ra nước*? Đặt câu có sử dụng thành ngữ này.

***Trả lời:***

**a, Nghĩa hàm ẩn:** Tao không cho mày tiền uống nước đâu, mày tự lo lấy đi. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu: Vận vào người khi khát vặn ra mà uống.

**b,** Người đầy tớ muốn nói ông chủ thật keo kiệt bủn xỉn.

**c, Thành ngữ** *“Vắt cổ chày ra nước”* để chỉ sự bủn xỉn, hà tiện, keo kiệt đến quá đáng.

– Câu thành ngữ *“Vắt cổ chày ra nước”* thường dùng để ám chỉ kẻ keo kiệt thông thường chứ ít người hiều chính xác là chỉ mấy tên chủ và loại trọc phú chuyên bóc lột sức lao động của người làm công.

**Câu 3: Đọc truyện cười Văn hay trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau:**

a, Câu nói của người vợ: “*Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?*” có nghĩa hàm ẩn gì?

b, Thấy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó?

c, Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao?

***Trả lời:***

**a,** Câu nói có nghĩa là ông viết chữ sấu.

**b,** Thầy đồ hiểu sai câu nói của vợ mình. Dựa vào việc ông đắc chí.

**c,** Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra không phải lúc nào cũng trùng nhau không. Vì không phải lúc nào người nghe/ người đọc có thể hiểu được nghĩa hàm ẩn trong các câu nói.

**Câu 4:** Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó.

***Trả lời:***

Có người thư sinh nọ quen thói ba hoa khoác lác, từng nói với bạn mình rằng:

"Từ cổ chí kim, thánh nhân chính là những người khó tìm nhất. Năm xưa kể từ lúc Bàn Cổ vương khai thiên lập địa, vạn vật sống trên đời không ai có thể so với ngài. Cho nên ngài được tính là người thứ nhất".

Nói xong câu này, thư sinh giơ lên 1 ngón tay để xác nhận.

"Sau đó là tới Khổng Tử, người am hiểu thi thư lễ nhạc, được mệnh danh là thầy của vạn nhà, không ai dám bất kính. Ngài được tính là người thứ hai." - thư sinh lại giơ thêm một ngón tay, tỏ ý đang đếm.

Thư sinh nói tiếp:

"Từ sau hai người này, không còn có ai đủ khiến tôi cảm thấy nể phục…".

Thế nhưng chỉ sau vài giây chần chừ, người này lại hớn hở quay sang khẳng định với bạn mình:

"Anh thấy tôi nói có đúng không? Bậc thánh nhân trên đời quả nhiên rất ít, tính cả tôi mới có đúng 3 người".

Nghĩa hàm ẩn: Anh kia tự đề cao mình lên quá

Bài học rút ra: Ngạo mạn, cuồng vọng thực chất điều ngốc nghếch và sai lầm nhất của đời người.

**Câu 5:** Các từ ngữ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm?

a, *Qua tôi****nom****thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*

( Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông*)

b, *Khoai sắn tình quê rất****thiệt thà****!*

(Tố Hữu,*Nhớ đồng*)

c, *Thò tay mà bứt cọng ngò*

*Thương em đứt ruột****giả đò****ngó lơ*

( Ca dao)

***Trả lời:***

a, nom thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

b, thiệt thà thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

c, giả dò thường được sử dụng ở miền nam. Có tác dụng làm cho câu văn dí dỏm và thể hiện bối cảnh của câu chuyện

**Câu 6:** Viết một đoạn hội thoại ( không đến ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

**Trả lời:**

Thủ trưởng hỏi người cán bộ tổ chức:  
- Dạo này anh thấy anh Nam thế nào?  
- Anh ấy hay đi chơi khuya với một người đã có chồng ạ.  
- Tệ quá nhỉ … thế anh có biết người đàn bà đó là ai không?  
- Có ạ. Đó là vợ anh ta.  
Hàm ý ở đoạn hội trên nằm ở một người đàn bà đã có chồng, không cần một tri thức nền nào, người nghe cũng có thể hiểu được người đàn bà đó chắn chắn là không phải vợ anh Nam, chính điều này mới tạo ra hàm ý.

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 5/12/2024

Tiết 51,52

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: ***Quan sát những hình ảnh sau và cho cô biết “Em đã từng tham gia hoạt động xã hội nào?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK trang 88  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và theo dõi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***1/ Kiểu bài***  Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự kiện của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản**  • Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.  • Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.  • Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí  • Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo  ***Mở bài:*** giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc  ***Thân bài:*** Nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động xã hội; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm  ***Kết bài:*** Khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nếu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được quy trình viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài *Chuyến thăm bệnh nhi tại bệnh viện ung bứu*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.    **\*Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Câu 1:** Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?  Bài văn viết về hoạt động tình nguyện xã hội là thăm bệnh nhân nhi ung thư.  Các sự việc trong bài viết được kể theo trình tự thời gian.  **Câu 2:** Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.  Đoạn văn thứ hai giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động được kể.  **Câu 3:** Xác định ngôi kể của bài viết? Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?  Bài viết được viết theo ngôi thứ nhất. Người viết chọn ngôi kể ấy vì đây là bài văn kể lại một hoạt động xã hội, người viết phải chọn ngôi kể thứ nhất để đảm bảo tính chính xác và chân thực của văn bản.  **Câu 4:** Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?  Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung chân thực các sự việc mà người kể đã thực hiện về hoạt động xã hội được kể trong bài viết.  ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  *Đề bài: Hãy viết bài văn kể lại một họat động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.*  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***  Để việc viết hiệu quả, em cần xác định:  – Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính mình,...)?  – Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?  – Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?  ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***  Có thể thực hiện theo phiếu sau:    Em chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lý :  Mở bài: giới thiệu hoạt động xã hội định kể  Thân bài:  1.Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,…  2.Kể lại trình tự hoạt động:  - Sự việc 1  - Sự việc 2  - Sự việc 3  => Kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm  Kết bài:  - Khẳng định ý nghĩa hoạt động  - Nêu suy, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa vào dàn ý. Khi viết, em cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài  ***Bước 4: Xem và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  Sau khi viết xong em đọc lại bài viết và ghi nhận những tiêu chí đã đạt, đề xuất cách chỉnh sửa những tiêu chí chưa đạt dựa vào bảng kiểm sau  (xem phụ lục) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV xem và nhận xét bảng kiểm

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các bước viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | | Đạt | Chưa đạt |
| Mở bài | Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể |  |  |
| Thân bài | Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất |  |  |
| Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động |  |  |
| Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lý |  |  |
| Sử dụng hợp lí yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố này |  |  |
| Kết bài | Khẳng địng ý nghĩa của hoạt động |  |  |
| Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân |  |  |
| Diễn đạt | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ |  |  |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 10/12/2024

Tiết 53,54

**NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đưa ra các từ khóa: môi trường, ô nhiễm, bạo lực, học đường, trẻ em, bình đẳng giới, tình nguyện,….yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV

- GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong đời sống của chúng ta ngày nay?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:  Chuẩn bị trước khi nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Bước 1: Chuẩn bị**  • Một nhóm nhỏ thảo luận nên gồm sáu thành viên.  Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn đất buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận  • Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ đánh bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?  • Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi. Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe của em là ai? Với đối tượng người nghe đó, em sẽ chọn cách nói cao để thuyết phục  • Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi dựa vào những gợi ý sau  – Ý kiến của em về ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến  – Những ý kiến trái chiếu và phản hồi của em (dự kiến)  ***Bước 2: Thảo luận***  • Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày, Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến. Cần đảm bảo mỗi thành viên đều trình bày dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.  • Sau khi ghi nhận ý kiến của thành viên, cả nh ấn tập trung phản hồi các ý kiến trọng tâm, các ý kiến trái chiều được nhiều ..... viên quan tâm. Các thành viên tranh luận, trả lời các câu hỏi cũng như bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người khác.  \* Từ các ý kiến của từng thành viên, cả nhóm thế - nhất những ý kiến tiêu biểu, lựa chọn những lí lẽbằng chứng xác đáng, thuyết phụcKết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy, in-pho-gráp-phich (infographic)  • Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra hai bài học kinh nghiệm cho bản thân dựa vào  1.Những điều em và nhóm đã làm tốt, chưa tốt  2.Gửi pháp khắc phục những điều chưa tốt |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

**a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của cuộc sống  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **II. Các tiêu chí đánh giá**  Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề của đời sống

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút |  |  |
| Nêu rõ vấn đề trình bày |  |  |
| Trình bày trực tiếp , rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe |  |  |
| Trình bày tự tin, nói năng lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định |  |  |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 12/12/2024

Tiết 55

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Kiến thức về truyện cười, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 4: Sắc thái của tiếng cười***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 4 bằng các câu hỏi

Câu 1: Truyện “Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày thuộc thể loại nào? (Đáp án: truyện cười)

Câu 2: Trong truyện Khoe của, tác giả đã phê phán thói xấu nào trong xã hội? (Khoe khoang)

Câu 3: Nghĩa của câu thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng” là gì? ( Chỉ những người hiểu biết nông cạn, không ra ngoài học hỏi, chỉ biết dừng chân ở một chỗ)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV dẫn vào bài Ôn tập

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 4***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành các câu hỏi ôn tập  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), | Xem ở mục lục |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ***Bài 4: Sắc thái của tiếng cười***

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong ***Bài 4*** và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 4***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 4***

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung ***Bài 4: Sắc thái của tiếng cười***

+ ***Soạn bài 5: Những tình huống khôi hài***

**Đáp án bài tập**

**Câu 1:** Đọc lại các truyện cười đã đọc và điền vào bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** |
| *Vắt cổ chày ra nước* |  |  |  |  |
| *May không đi giày* |  |  |  |  |
| *Khoe của* |  |  |  |  |
| *Con rắn vuông* |  |  |  |  |

***Trả lời***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** |
| *Vắt cổ chày ra nước* | châm biếm thói keo kiệt | Người phú ông muốn đầy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước | Phú ông | Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật |
| *May không đi giày* | châm biếm thói keo kiệt | Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày | Người bị chảy máu chân | Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật |
| *Khoe của* | Châm biếm thói khoe khoang | Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang | Hai người đối đáp | Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi |
| *Con rắn vuông* | Châm biếm thói khoác lác | Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy | Người chồng | Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình |

**Câu 2:** Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang sắc thái nào?

***Trả lời:***

Tiếng cười mang sắc thái dí dỏm, bật lên từ lối nói dóc có nghệ thuật

**Câu 3:** Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:

*Đời người có một gang tay*

*Ai hay ngủ ngáy còn lại nửa gang*

***Nghĩa tường minh:*** Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)

***Nghĩa hàm ẩn:*** những ai hay ngủ ngày chỉ còn một nửa, mất đi một nửa thời gian quý giá của sự tồn tại trên đời.

=> Câu tục ngữ có ý phê phán những người hay ngủ ngày, lãng phí thời gian có ích để sống và làm việc. Hãy quý trọng thời gian để cuộc sống có ích, để làm được nhiều việc hơn.

**Câu 4:** Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngữ địa phương nơi em sinh sống.

Chồng chèo thì vợ cũng chèo

Hai đứa cùng nghèo lại đụng với nhau.

**Câu 5**: Nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

Cần tìm ý trước khi viết bài

Nên chú ý đến các yếu tố thực tế như quang cảnh, con người.

**Câu 6:** Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?

Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác đề từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân.

**Câu 7:** Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?

Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời.

Tiếng cười:

* giúp chúng ta suy nghĩ lạc quan
* giúp chúng ta có niềm tin trong cuộc sống
* níu con người lại gần nhau hơn
* níu lại tuổi thanh xuân cho chúng ta

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 12/12/2024

Tiết 56

**BÀI 5 – NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đồng, dân chủ, có thái độ phê phân cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống con người?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn vào chủ đề bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a.Mục tiêu:**

 - Xác định được khái niệm và đặc điểm, một số yếu tố trong hài kịch

- Nhận biết được căn cứ để xác định chủ đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về thể loại hài kịch**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về hài kịch  *+ Hài kịch là gì?*  *+ Nhân vật trong hài kịch thường là đối tượng nào?*  *+ Hành động trong hài kịch có đặc điểm gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1/ Hài kịch**  ***Hài kịch*** là một thể loại kịch dùng biện pháp gây cười để chế giễu các tính cách và hành động xấu xa, lỗ bịch, lỗi thời của con người.Lão hà tiện Tác tuyp(Tartuffe)Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e (Molière)... là những kiệt tác về hài kịch. Hài kịch mang đầy đủ các đặc điểm chung của kịch, đồng thời thể hiện đặc điểm riêng qua các yếu tố như: nhân vật, hành động, xung đột, lời thoại, thủ pháp trào phùng....  ***Nhân vật của hài kịch*** là đối tượng của tiếng cười, gồm những hạng người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biển cổ dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xấu. Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, cử chỉ...) tạo nên nội dung của tác phẩm hải kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công – phân công; thăm dò – làng tránh; chất vấn – chối cãi; thuyết phục – phủ nhận/ bác bỏ, cầu xin – từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hải kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột; qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.  ***Xung đột kịch*** thường này sinh dựa trên sự đối lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thể lực. Có nhiều kiểu xung đột, xung đột giữa cái cao cả với cải cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cải thấp kém với cái thấp kém,... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cái thấp kém. Ví dụ: xung đột giữa những kẻ có mưu đồ đen tối với nhau hay xung đột giữa thói keo kiệt, bủn xỉn của một kẻ cho vay nặng lãi với nhu cầu tiêu pha lãng phi của những đứa con hư...  ***Lời thoại*** là lời của các nhân vật hải kịch nói với nhau (đối thoại) nói với bản thân (độc thoại) hay nói với khán giả (bằng thoại) góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.  ***Lời chỉ dẫn sân khấu*** là những lời chú thích ngắn gọn của tác giả biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào – ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục,hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ, ...  ***2/ Căn cứ để xác định chủ đề***  Chủ đề là vấn đề chính mà tác phẩm muốn nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Để xác định chủ đề của tác phẩm văn họccần dựa trên nhiều yếu tố như nhan đề, hệ thống các chi tiết và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm; giọng điệu, ngôn từ. thái độ, tình cảm, cảm xúc của chủ thể trở tỉnh (trong tác phẩm thơ); cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng tình huống, hành động, xung đột,... (trong tác phẩm truyện và tác phẩm kịch) |

**Hoạt động 2: Đọc văn bản “Ông Giuốc – đanh mặc lễ phục” (tiết 57,58)**

**2.1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và tìm kiếm những thông tin về tác giả, tác phẩm  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Tác giả :** Môlie (1622-1673) là nhà soạn kịch lớn của pháp, đồng thời là diễn viên thường đóng các vai chính trong một số vở kịch của chính mình.  **2. Tác phẩm :**  Trích trong vở kịch năm hồi: “Trưởng giả học làm sang”(1670)  - Đoạn trích là lớp kịch kết thúc hồi II.  - Vở kịch nói về Ông giuốc đanh một nhà buôn giàu có nhưng dốt nát quê kệch học đòi làm sang → nhiều kẻ lợi dụng, nịnh hót để moi tiền.  - Thể loại: Hài kịch  - Bố cục:  - Gồm 2 cảnh :  +) Cảnh 1:Từ đầu→ cho các nhà quý phái, gồm 4 nhân vật Giuốc-đanh,gia nhân, phó may, thợ phụ, cảnh này chỉ có lời thoại của 2 nhân vật Giuốc- đanh và tay thợ phụ→ nói chuyện trang phục nhất là chiếc áo.  +) Cảnh 2: Phần còn lại, tăng thêm 4 nhân vật ( thợ phụ) và cộng thêm rất nhiều động tác : bốn tay thợ phụ cởi quần cộc áo ngắn của ông Giuốc-đanh rồi mặc lại cho ông bộ lễ hục theo nhịp điệu của dàn nhạc , ông Giuốc- đanh đi đi lại lại phô áo mới, chân bước , miệng nói theo điệu nhạc => Giuốc đanh mặc lễ phục. |

**2.2 Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1 :Thảo luận nhóm đôi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Liệt kê các nhân vật xuất hiện trong vở kịch. Ghi lại 3 từ khóa liên quan đến tính cách của nhân vật*  *+ Theo em vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong hài kịch trên lại làm bật lên tiếng cười?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng      **Nhiệm vụ 2 : Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  Cho biết:  a, Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: .... " Ông Giuốc-đanh ( nhìn áo của bác phó may)...", " Ông Giuốc-đanh .... (nói riêng) ..." là lời của ai và có vai trò như thế nào trong văn bản kịch?  b, Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Một số yếu tố của hài kịch trong văn bản: xung đột, nhân vật, cốt truyện**  **a. Cảnh 1: ông Giuốc- đanh và phó may.**  - Tại phòng khách nhà ông Giuốc- đanh bác phó may mang bộ lễ phục đến  - Có 4 nhân vật : ông Giuốc đanh , bác phó may , tay thợ phụ,gia nhân của giuốc đanh.  - Đối thoại chính: ông Giuốc- đanh và phó may.  - Chuyện xoay bộ trang phục mới của ông Giuốc - đanh (bộ lễ phục, đôi bít tất, giày, bộ tóc giả và lông đính mũ…)Chủ yếu là bộ lễ phục.  - Chiếc áo ngược hoa. Có thể do sơ xuất cũng có thể là cố tình mà phó may đã may chiếc áo hoa ngược khiến Giuốc - đanh thành trò cười.  - Ông Giuốc-đanh chưa phải mất hết tỉnh táo, vẫn nhận ra chiếc áo ngược hoa.  - Phó may vụng chèo khéo chống bịa ra lí lẽ thuyết phục khiến ông Giuốc-đanh hài lòng.  - Giuốc đanh phát hiện phó may ăn bớt vải. Phó may lảng sang chuyện khác→ nhắc Giuốc đanh mặc thử áo, đánh vào tâm lí.  => Đoạn kịch có kịch tính cao Phó may đang ở thế bị động sang chủ động, tiếp đến ông Giuốc đanh phát hiện ra phó may ăn bớt vải chuyển sang chủ động  → phó may chống trả yếu ớt. Nhưng ông ta đã đảo ngược tình huống bằng một nước cờ cao tay đánh vào tâm lí trưởng giả học làm sang của ông Giuốc- đanh.  .  \* Ông Giuốc đanh dốt nát dễ bị mắc lừa mà vẫn tưởng mình “sang”.  **b. Cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tốp thợ phụ.**  - Tác giả chuyển cảnh hết sức tự nhiên và khéo léo bằng việc ông Giuốc - đanh mặc lễ phục xong là được tốp thợ phụ tôn xưng → khiến ông ta tưởng mặc lễ phục vào là thành quý phái.  - Chúng nắm được điểm yếu để nịnh hót, tâng bốc → moi tiền.  - Phép tăng tiến trong lời tâng bốc  → Sự học đòi làm sang càng ngày càng mãnh liệt (sẵn sàng cho hết tiền để được sang hão )  => Ông Giuốc- đanh, thích học đòi, mua danh hão mâu thuẫn với sự dốt nát, bị người khác lợi dụng, kiếm chác => Cười h/ả Giuốc đanh mặc lễ phục thật hài trên sân khấu.  **c. Nhân vật hài kịch bất hủ:**  - Khán giả cười sự ngu dốt khiến phó may lợi dụng kiếm chác( tất chật, giày chật, ăn bớt vải …)  - Cười ông ngớ ngẩn mặc áo ngược hoa mà tưởng mình sang trong quý phái , cười ông ta bỏ tiền để mua danh hão.  - Nhất là cảnh 4 tay thợ phụ lột quần áo ông Giuốc- đanh mặc cho ông ta bộ lễ phục ngược hoa lố lăng, sặc sỡ mà ông ta vẫn vênh váo tưởng mình quý phái làm cho khán giả cười vỡ rạp.  **2. Chủ đề và thông điệp của văn bản**  a/ Chủ đề:  - Vở hài kịch không chỉ mang tính chất giải trí mà còn qua đó phê phán những con người đã dốt còn học đòi làm sang, tạo nên những tiếng cười đáng suy ngẫm.  - Khắc họa tài tình tính cách lố lắng của nhân vật thông qua lời nói, hành động  - Dựng lên lớp hài kịch ngắn, với những mâu thuẫn kịch được thể hiện sinh động, hấp dẫn, gây cười  b/ Thông điệp   * Cần sống đúng với hoàn cảnh của bản thân. * Không vì hư danh, ảo vọng, xu nịnh mà bị người khác lợi dụng và thay đổi * Lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh và lứa tuổi |

**2. 3 Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nêu nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **a. Nghệ thuật:**  - Khắc họa tài tình tính cách lố lăng của nhân vật thông qua lời nói, hành động  - Vở kịch ngăn nhưng mâu thuẫn kịch sinh động, hấp dẫn và gây cười  **b. Nội dung**  Phê phán thói học đòi cao sang của  tầng lớp trưởng giả |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Ông Giuốc đanh mặc lễ phục

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: TRÒ CHƠI “THỬ TÀI THÔNG THÁI” qua các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày suy nghĩ

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Câu 1: Lớp kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục nằm ở vị trí nào trong vở kịch Trưởng giả học làm sang ?

A. Kết thúc hồi II của vở kịch      C. Kết thúc cả vở kịch

B. Mở đầu hồi II của vở kịch      D. Kết thúc hồi III của vở kịch

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục gồm mấy cảnh ?

A. Bốn cảnh      C. Hai cảnh

B. Ba cảnh      D. Một cảnh

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.

B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.

C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.

D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?

A. Màu đen      C. Trang nhã, rẻ tiền

B. Hoa ngược      D. Gồm ý A và B

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Thái độ của ông Giuốc -đanh khi nghe bác phó may giải thích những người quí phái đều mặc áo may hoa ngược như thế nào ?

A. Chê chiếc áo may hoa ngược và yêu cầu bác phó may phải may lại.

B. Chấp nhận chiếc áo may hoa ngược và tỏ ý muốn mặc thử nó.

C. Tán thưởng vẻ sang trọng của chiếc áo may hoa ngược.

D. Thắc mắc vì sao những người quí phái lại mặc áo hoa ngược.

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

B. Dốt nát, kém hiểu biết.

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hỉnh.

**Chọn đáp án: B**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để Thực hiện yêu cầutrả lời câu hỏi: Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

***Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên, một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?***

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện viết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 18/12/2024

Tiết 59,60

**VĂN BẢN 2. CÁI CHÚC THƯ**

**(Vũ Đình Long)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Cái chúc thư

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức được sự bình đồng, dân chủ, có thái độ phê phân cái xấu, trân trọng tiếng cười trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

**b. Nội dung:** Trò chơi “ VUA TIẾNG VIỆT”

**c. Sản phẩm:** Các từ khóa HS sắp xếp được

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Vua Tiếng Việt” với yêu cầu HS sắp xếp thứ tự các chữ cái tạo thành từ có nghĩa.

a. i/k/c/h/a/n/m

b.ư/t/i/n/ê/g/c/ơ/i

c. ư/c/h/c/u/h/t

d. n/a/h/đ/ê/n

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản **Cái chúc thư**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Ghi lại 3 thông tin về tác giả Vũ Đình Long  + Xác định thể loại của văn bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1.Tác giả**  - Vũ Đình Long (1896 -1960), quê ở thôn Mục Xá, xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Hà Đông (cũ) nay thuộc Hà Nội.  - Ông sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, rất mê ca kịch dân tộc  - Ông là tác giả của nhiều vở kịch hiện đại như: Chén thuốc độc (1921), Tòa án lương tâm (1923), Đàn bà mới (1944), Tổ quốc trên hết (1949, phóng tác), Gia tài (1958, phóng tác)  **2. Tác phẩm**  a. Thể loại: Kịch  b. Xuất xứ:  - Tác phẩm trích Hồi IV (Lớp thứ III, IV, V , VI ) của vởi hài kịch Gia tài  In trong Tuyển tập kịch Vũ Đình Long, NXB hội nhà văn, 2009 |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a.Mục tiêu:**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ KHĂN TRẢI BÀN**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu một số biểu hiện cụ thể của hành động kịch trong văn bản*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng    **\* Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Ghi lại 3 từ khóa tương ứng với tính cách mỗi nhân vật trong vở kịch + Nhận xét đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa ba nhân vật này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức** | **1/ Hành động kịch trong văn bản**  a.Nhân vật Hy Lạc  **Hành động kịch qua lời đối thoại**  - Thuyết phục nhân vật Khiết đóng giả chữ ký thay của người cụ bị tê liệt tay.  - Trấn an nhân vật Khiết.  - Làm mọi chuyện chỉ vì tình yêu và để lấy được người yêu.  - Vờ đau đớn khi người bác để lại gia tài cho mình.  - Tức tối, chửi rủa khi biết mình nhận được tiền.  **Hành động kịch qua lời độc thoại**  - Chửi thầm Khiết khi tự ý để tiền lại cho mình và không làm theo kế hoạch ban đầu  **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**  - Tức giận  - Vui mừng  -Vờ khóc, vờ đau đớn  - Chửi thầm  b. Nhân vật Khiết  **Hành động kịch qua lời đối thoại**  - Lúc đầu sợ sệt, nhưng khi nghe Hy Lạc cổ vũ thì vẫn làm liều.  - Ngồi cạnh Hy Lạc để tránh bị mọi người phát hiện.  - Không muốn làm đám tang của mình quá to.  - Không làm như đã thỏa thuận ban đầu với Hy Lạc, để lại toàn bộ gia sản cho bản thân mình.  **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**  - Vui mừng  c. Nhân vật Lý  **Hành động kịch qua lời đối thoại**  - Giúp khiết đóng giả bác  - Muốn ở bên cạnh Khiết để xem xét  - Giả vờ cảm ơn khi Khiết bảo sẽ để lại cho gia tài  - Vui mừng khi được để cho hai trăm ngàn đồng  **Hành động kịch qua lời độc thoại**  - Sợ Khiết quên mình  - Mừng khi việc làm giả hoàn thành  **Hành động kịch qua cử chỉ, hành vi**  - Bất ngờ  - Vui mừng  **2. Tính cách nhân vật**  Điểm giống là **cả ba đều ham tiền tài, tham của, và sẵn sàng làm mọi chuyện để đạt lợi ích cho mình.** Đặc biệt, qua cách thể hiện ta còn thấy ba người đều là **những kẻ giả dối, là đại diện cho cả một xã hội loạn lạc và suy đồi đạo đức.**  Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa họ như sau:  *- Hy Lạc:* Mưu mô, tính toán nhưng vẫn bị Khiết trục lợi mà không thể làm gì.  *- Khiết:* Ban đầu thì lo sợ bị phát hiện, nhưng vì tiền nên dám liều, lợi dụng sơ hở để trục lợi cho mình.  *- Lý:* Là một kẻ ba phải, khi thấy mình được lợi thì vui mừng dù không can thiệp vào tranh chấp của hai nhân vật trên. Chị ta còn là kẻ ngu muội, bị tiền tài làm mờ mắt và có thể mua chuộc bằng 200 ngàn đồng.  **3. Thủ pháp trào phúng**  Thủ pháp trào phúng được tác giả thể hiện qua rất nhiều chi tiết, từ hành động đến lời nói của các nhân vật.  - Khiết rất sợ, nhưng khi thấy tiền liền nổi lòng tham, đồng ý vào vai nhân vật và biết cách lợi dụng sơ hở để trục lợi cho bản thân.  - Hy Lạc rất vui vì Khiết đã nhận lời diễn kịch, nhưng khi thấy lợi không về mình thì liền tức tối và thậm chí chửi rủa Khiết.  - Lý là một kẻ ba phải, bất ngờ vì hành vi lật lọng của Khiết nhưng vì mình cũng được chia lợi liền vui mừng.  - Những lời nói của nhân vật thể hiện rõ tính cách của các nhân vật, lại càng làm tăng thêm bộ mặt giả nhân giả nghĩa. Các hành động giả vờ cũng được thể hiện một cách rất mỉa mai, làm nổi bật được sự tương phản sâu sắc. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu**:  - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh  **b. Nội dung hoạt động:**  GV sử dụng KT đặt câu hỏi  HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nêu nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1/Nghệ thuật**  - Xây dựng tình huống truyện đặc sắc  - Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng  - Xây dựng tính cách nhân vật chân thực  **2/ Nội dung**  Qua văn bản trên, tác giả muốn gửi đến người đọc người xem thông điệp là sự phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Cái chúc thư

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Cho biết ý kiến của em về một trong hai nhận định dưới đây:

a. Nhân vật cụ Di Lung tuy không xuất hiện nhưng thực ra vẫn luôn luôn có mặt trong các Lớp kịch III, IV, V, VI.

b. “Cái chúc thư” cũng là một nhân vật văn học có nhiều ý nghĩa.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với trải nghiệm của bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai các nhân vật trong vở kịch, trình diễn trước lớp

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Các tổ phân vai diễn lại vở kịch

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện đóng kịch

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung của văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 26/12/2024

Tiết 61

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: LOẠI VI TRÙNG QUÝ HIẾM**

**(A-zit Nê - xin)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

**b. Nội dung:** TRÒ CHƠI “GIẢI MÃ Ô CHỮ”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi: GIẢI MÃ Ô CHỮ, luật chơi:

+ GV sẽ chiếu hình ảnh bị che một số phần, để lật mở những mảnh bị che tìm ra đáp án chìa khóa, HS phải trả lời đúng được các câu hỏi của GV đưa ra

+ Đáp án ô chữ: Giáo sư

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Loài vi trùng quý hiếm*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Loài vi trùng quý hiếm”*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả A -zit Nê - xin  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***1. Tác giả***  Azit Nexin (Aziz Nesin), tên khai sinh Mehmet Nusret Nesin (20/12/1915 — 6/7/1995), là một nhà văn châm biếm nổi tiếng thế giới của Thổ Nhĩ Kỳ.  ***2. Tác phẩm***  Theo Tuổi trẻ cười, số ra ngày 11/9/2019  - Thể loại: Hài kịch |

**Hoạt động 2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a.Mục tiêu:**

- HS nhận biết được thể loại và đề tài của văn bản

- HS phân tích được tính cách nhân vật ông giáo sư và các cộng sự

- HS chỉ ra và phân tích được yếu tố gây cười trong văn bản

- HS nhận xét được cách đặt nhan đề của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm đôi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người nào?*  *+ Người kể chuyện có thái độ với các nhân vật này như thế nào? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ và bày tỏ quan điểm cá nhân:  *+Nhận xét về cách đặt nhan để cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức** | **1. Tình huống truyện – yếu tố gây cười trong văn bản**  - Tình huống của truyện: Một bệnh nhân đau mắt đến gặp giáo sư, ông giáo sư tự mãn vì tìm thấy con vi trùng quý hiếm trong mắt bệnh nhân. Sự ngược đời ở chỗ, các trợ giảng cảm thấy vui mừng, tự hào vì phát minh được cho là vĩ đại này mà quên mất không chữa trị mắt cho bệnh nhân, khiến bệnh nhân bị mù.  => Đó chính là sự châm biếm của tác giả cho những con người tự mãn ở trong truyện.  **2/ Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự** - Nhân vật ông giáo sư và các cộng sự của ông ta hiện thân cho hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang, mừng rỡ khi phát hiện ra loại vi trùng quý hiếm mà không quan tâm đến sức khỏe, tính mạng của bệnh nhân.  - Người kể chuyện có thái độ dè bỉu với các nhân vật này.  - Dựa vào lời văn trong văn bản và những cuộc hội thoại giữa các nhân vật.  **3. Cách đặt nhan đề**  Cách đặt nhan đề cho văn bản và cách sử dụng cụm từ “Loại vi trùng quý hiếm” trong văn bản hoàn toàn nhằm mục đích châm biếm chứ không phải ca ngợi phát minh vĩ đại.  - Đã là vi trùng gây đau mắt và có thể gây mất thị giác cho người bệnh thì nó là vi trùng có hại.  => Điều này hoàn toàn là châm biếm vị giáo sư tự mãn này.  - Việc phát hiện ra con vi trùng khiến ông vui mừng đến nỗi không để tâm việc chữa trị cho bệnh nhân trong khi trọng trách lớn nhất của người bác sĩ là cứu người, những điều nên là thì bác sĩ lại quên.  - Khi bệnh nhân đã bị mù thì ông ta lại tươi cười rạng rỡ khẳng định mình đã nói đúng về con vi trùng.  **III/ TỔNG KẾT**  1/ Nghệ thuật  - Sử dụng thành công thủ pháp trào phúng, tạo tiếng cười cho người đọc  - Khắc họa rõ nét tính cách nhân vật qua lời thoại  2/ Nội dung  Phê phán hạng người tự cao, tự mãn, cho rằng mình xuất chúng, giỏi giang |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Loài vi trùng quý hiếm

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 -9 câu nhận xét về nhân vật ông giáo sư và các cộng sự trong văn bản trên**

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học, bày tỏ quan điểm cá nhân

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu hỏi: Bày tỏ quan điểm của em về ranh giới giữa “tự tin” và “tự cao”, làm thế nào để hạn chế được cái “tôi” quá cao?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được nội dung bài học

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 26/12/2024

Tiết 62,63

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

1. **Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Trò chơi: “THỬ TÀI NHANH MẮT”

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Luật chơi: GV sẽ phát cho HS phiếu tra từ. Khi nghe hiệu lệnh, GV sẽ đọc các từ, nhiệm vụ của HS là nhanh tay khoanh vào các từ giáo viên đọc.

Sau đó HS có nhiệm vụ ghép các từ thành câu có nghĩa. Bạn nào ghép thành câu đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.Mục tiêu:**

- HS nhận biết và xác định được trợ từ, thán từ

- HS nêu được chứ năng của trợ từ, thán từ

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | - Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu  Ví dụ: những, có, chính, mỗi, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...  Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:  +Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  + Trợ từ tình thái (tiểu từ tính thái) (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối cuối, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn , câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói  - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:  + Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)  + Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, ừ....)  Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 115 - 116

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 115 - 116

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về trợ từ, thán từ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học tạo lập đoạn văn sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

**c. Sản phẩm học tập**: Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu (chủ đề tự do) trong đó có sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các kiến thức tiếng việt

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập:

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**\* Đáp án bài tập**

**Câu 1**

**Câu 1 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Xác định trợ từ và thán từ được sử dụng trong các lời thoại sau:

a. – *A! Bác đã tới đấy à? Tôi sắp phát khùng lên vì bác đây.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – *Vâng, phải bảo chứ. Vì những người quý phái đều mặc như thế cả.*

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. –*Nhưng mà tôi lo lắm, cậu ạ. Nếu làm không khéo, lộ chuyện ra thì tù mọt gông, chứ chẳng chơi đâu.*

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Thán từ: A!

Trợ từ: à

b. Trợ từ: chứ, cả

c. Thán từ: ạ

**Câu 2**

**Câu 2 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Tìm thán từ trong các câu sau, giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng:

a. – Ớ này! Vào đây, các chú.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

b. – “Cụ lớn”, ồ ồ, cụ lớn!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

c. – Ô kìa, bác phó! Vải này là thứ hàng tôi đưa bác may bộ lễ phục trước của tôi đây mà. Tôi nhận ra đúng nó rồi.

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức thán từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Thán từ: Ớ này! => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

b. Thán từ: ồ ồ => Thán từ thực hiện chức năng bộc lộ cảm xúc

c. Thán từ: Ô kìa => Thán từ thực hiện chức năng gọi đáp

**Câu 3**

**Câu 3 (trang 115, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Trong các cặp câu a1 – a2; b1 – b2 dưới đây, những từ in đậm nào là trợ từ? Căn cứ vào đâu để em khẳng định như vậy?

a1. Tôi đau đớn quá! Tôi chết **mất** thôi.

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

a2. Tôi đi từ nhà đến trường **mất** hơn nửa giờ

(Nhóm biên soạn)

b1. Cái tội giả mạo chữ kí là một trọng tội, tôi run lắm **kia**, cậu ạ

(Vũ Đình Long, Cái chúc thư)

b2. Người ấy chỉ tay ra xa và nói: “Ông ta đang gặt lúa ở cánh đồng **kia**”.

(Truyện dân gian Việt Nam)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ:

**Lời giải chi tiết:**

Từ “mất” trong câu a1 và từ “kia” trong câu b1 là trợ từ. Em xác định như vậy vì từ “mất” và “kia” dùng để nhấn mạnh thông tin được đề cập tới.

**Câu 4**

**Câu 4 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Các câu sau sử dụng những trợ từ nào? Hãy giải thích nghĩa và nêu chức năng của chúng.

a. Một tên đầy tớ mà bác cho nhiều thế ư?

(Vũ Đình Long, *Cái chúc thư*)

b. Bệnh nhân mới à? Anh ta làm sao?

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

c. Bẩm, đúng ạ!

(Mô-li-e, Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục)

d. Ngài và đoàn tùy tùng của ngài làm việc đến quên ăn quên ngủ để duy trì sự sống cho nó.

(A-zit Nê-xin, Loại vi trùng quý hiếm)

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ

**Lời giải chi tiết:**

a. Trợ từ: “ư” thể hiện thái độ bất ngờ, ngỡ ngàng, không tin đó là sự thật

b. Trợ từ: “à” diễn tả một việc đó đã diễn ra rất nhiều lần, đến chán nản

c. Trợ từ: “ạ” thể hiện sự kính cẩn, lễ phép

d. Trợ từ: “đến” diễn tả một việc gì đó vượt ngoài khả năng

=> Chức năng của các trợ từ trên là bổ nghĩa, nhấn mạnh

**Câu 5**

**Câu 5 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Đặt hai câu có sử dụng thán từ và hai câu có sử dụng trợ từ.

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

- Hai câu có sử dụng thán từ:

“Cái áo này đẹp quá!”

“Bất ngờ quá, em cảm ơn anh.”

- Hai câu có sử dụng trợ từ:

“Lạnh đến mức tôi không thể chịu đựng được.”

“Bạn phải chăm chỉ hơn chứ.”

**Câu 6**

**Câu 6 (trang 116, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các em đã sử dụng những trợ từ và thán từ nào? Nêu chức năng của các trợ từ, thán từ đó.

**Phương pháp giải:**

Vận dụng kiến thức về trợ từ và thán từ

**Lời giải chi tiết:**

Trong câu 7 (Suy ngẫm và phản hồi – văn bản 2), khi cùng với bạn nhập vai và thể hiện lời thoại của các nhân vật trong văn bản *Cái chúc thư*, các trợ từ và thán từ đã được sử dụng là:

- Thán từ: quá, ơi, lắm, ôi, Chao ôi.

=> Tác dụng: Thể hiện thái độ bất ngờ, ngạc nhiên, tức giận của các nhân vật

- Trợ từ: a, ạ, đấy, tất cả, này, à, ư

=> Tác dụng: Bổ sung và nhấn mạnh điều được nói đến trong lời thoại

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 26/12/2024

Tiết 61

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**THUYỀN TRƯỞNG TÀU VIỄN DƯƠNG**

**(Lưu Quang Vũ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**2. Phẩm chất:**

- Phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung văn bản

**b. Nội dung:** Câu hỏi gợi mở

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: ***Em đã được xem vở kịch nào chưa? Nếu có đó là tác phẩm nào?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Tóm tắt kịch bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | - Thể loại: kịch  - Tóm tắt:  Ông Toàn Nha, chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã Cà Hạ, vì hảo danh mà phát động một cuộc “thay trời đổi đất, sắp đặt giang sơn”, mong biến xã nhà thành một biểu tượng của phong trào đổi mới nông thôn, mặc dù về trình độ văn hoả, ông mới chỉ “học hết lớp 4”. Với sự tham mưu của thư kí Văn Siêu, ông cho tiến hành một loạt “cải cách” như: đổi tên xã (xã “Cà Hạ” thành xã “Hùng Tâm”); đổi tên các phòng, ban dưới quyền mình thành các “Trung tâm …”; lấy sản xuất pháo nổ, thu mua lông vịt xuất khẩu,… làm trọng điểm phát triển kinh tế xã; coi trọng việc bảo cáo, tuyên truyền về thành tích trong các hội nghị, lễ tổng kết hơn phát triển thực lực của địa phương. Hưng, một anh thợ lái tàu đường sông, người yêu của cô Nhàn, con gái ông Toàn Nha, có chuyển về quê đúng dịp ở địa phương tổ chức lễ tổng kết phong trào đổi mới do ông Toàn Nha chủ trì. Theo lời khuyên của người chủ, anh bất đắc dĩ phải nói dối mình là một thuyền trưởng tàu viễn dương để xuất hiện như một khách mời làm sang cho buổi lễ, nhằm mong được ông Toàn Nha chấp nhận là con rể.  Nhưng vì tự trọng, Hưng bỏ dở “vai diễn”, định lái tàu bỏ trốn. Một vụ cháy nổ lớn xảy ra tại trụ sở Uỷ ban xã, do thuốc pháo không được bảo quản đúng cách, gây nên cảnh náo loạn. Bị bỏng nặng, phải đi cấp cứu bằng đường sông trên chiếc tàu chở phân đạm của Hưng, ông Toàn Nha vẫn mơ màng, hãnh diện rằng ông đang được chở đi trên chuyển “tàu viễn dương” (tàu đi lại trên các vùng biển xa) do chàng rể tương lai – một vị thuyền trưởng dạn dày với hành trình trên các đại dương – điều khiển. Phần văn bản trong bài này được trích ở cảnh cuối của vở kịch. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a.Mục tiêu:**

- Xác định được diễn biến các sự kiện, tác động qua lại trong hành động của các nhân vật

- Nhận biết xung đột kịch qua quá trình nảy sinh, phát triển, giải quyết xung đột kịch

- Xác định được ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật và chỉ dẫn sân khấu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1: KHĂN TRẢI BÀN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+Ghi lại 5 hành động, chi tiết cho thấy tính cách của nhân vật Ông Toàn Nha*  *+ Từ đó cho biết:* ***Giữa người coi trọng “sĩ diện” với người mắc “bệnh sĩ” có gì khác nhau?***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* Nhiệm vụ 2: Thực hiện cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Điều gì khiến ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương?*  *+ Tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa một trong các nhóm nhân vật sau: giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn; giữa Hưng và Nhàn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.** | **1/ Nhân vật ông Toàn Nha**  Nhân vật Ông Toàn Nha là hiện thân đầy đủ cho người mắc “bệnh sĩ”  - Ông vì háo danh mà phát động cuộc thay trời đổi đất dù ông chỉ học hết lớp 4, khoe khoang người con rể tương lai đóng giả thuyền trưởng tàu viễn dương…  - Ông làm mọi việc để có thể thể hiện bản thân, nâng cao tên tuổi của mình mà bất chấp thật giả, thậm chí có thể hại người khác.  - Ông Toàn Nha nghĩ rằng ông đang được chở đi cấp cứu trên một “con tàu viễn dương”, mặc dù trên thực tế, đó chỉ là chiếc tàu chở phân đạm cho địa phương là vì ông háo danh nên bảo anh Hưng giả làm thuyền trưởng, giả như mình đang được đi trên một “con tàu viễn dương”.  **2.** **Hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột giữa Tiến và Hưng; giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn, giữa Hưng và Nhàn trong văn bản**  - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến và Hưng là: Khi Hưng cởi bộ quần áo thuyền trưởng ra và có ý định chạy trốn.  → Hành động giải quyết xung đột: Tiến chỉ chỗ trốn cho Hưng vào trong hòm và giúp Hưng đẩy bọn Nhàn ra xa.  - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Tiến, Hưng và Xoan, Nhàn là: Bắt nguồn từ cuộc trò chuyện trên thuyền chở phân đạm cho địa phương. Khi Nhàn và Xoan luôn khen ngợi chiếc tàu viễn dương và tài năng của những người lái chiếc tàu đó, đồng thời phủ nhận chiếc tàu chở phân đạm.  → Hành động giải quyết xung đột: Khi mọi người nghe thấy tiếng nổ lớn và cùng nhau đi dập lửa.  - Hành động làm nảy sinh xung đột giữa Hưng và Nhàn: Hưng nói dối Nhàn về thân phận là người lái con tàu chở phân đạm.  → Hành động giải quyết xung đột: Hưng nói sự thật cho Nhàn biết.  **3. Một số thủ pháp trào phúng trong văn bản.**  – Nhà văn đã tạo ra các tình huống xung đột giữa các nhân vật để làm nổi bật hậu quả của sự giả dối. Ví dụ, Hưng đã nói dối Nhàn nhưng Nhàn lại biết sự thật; Ông Nha đã bị bỏng và được chở đi trên con tàu chở phân đạm nhưng khi tỉnh dậy vẫn nghĩ mình đang trên tàu viễn dương.  – Tác giả sử dụng ngôn từ mang tính châm biếm, ví dụ như việc gọi các nhân vật là “háo danh sĩ”, “viễn dương cơ” hay “biển cơ”. Bản thân việc có “háo danh” làm cho các nhân vật rơi vào những tình huống rắc rối và đau khổ  – Để miêu tả rõ nét tính cách của các nhân vật và chỉ ra sự thái quá của thói sống háo danh, mắc bệnh sĩ, tác giả đã sử dụng câu từ châm biếm và tạo ra các tình huống xung đột trong truyện.  **III/ TỔNG KẾT**  1/ Nghệ thuật  + Có bố cục rõ ràng, có lời kể, lời thoại, lời dẫn.  + Tình huống truyện vừa mỉa mai, vừa hài hước, thể hiện nét châm biếm của tác giả.  + Sử dụng hiệu quả thủ pháp trào phúng  2/ Nội dung  Phê phán những thói hư tật xấu của con người đặc biệt là “bệnh sĩ diện” |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học đóng vai diễn lại câu chuyện

**c. Sản phẩm học tập:** Vở kịch của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản, em hãy đưa ra bài học rút ra qua vở kịch

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *rút ra bài học*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Sau khi học xong văn bản, em rút ra được bài học gì?

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các thông tin cơ bản trong văn bản

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 31/12/2024

Tiết 64

**VIẾT VĂN BẢN KIẾN NGHỊ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: ***Em đã từng viết đơn từ bày tỏ nguyện vọng, ý kiến nào chưa? Nếu có thì đó là về vấn đề nào?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản và yêu cầu đối với kiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về kiểu văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK trang 123  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và theo dõi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***1/ Kiểu bài***  Văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống là kiểu văn bản thông tin, trình bày ý kiến, nguyện vọng của người viết đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét, giải quyết một vấn đề của đời sống thuộc thẩm quyền của họ.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản**   * Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về thời gian, địa điểm, tên tổ chức hoặc cá nhân nhận kiến nghị, thông tin về người viết kiến nnghị; lí do, nội dung kiến nghị. * Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc * Bố cục văn bản thường các phần: |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được quy trình viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích văn bản mẫu  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.    **\*Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Câu 1. Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,…) của một bản kiến nghị?**  ***Trả lời:***  – Văn bản đã đáp ứng được những yêu cầu nào về hình thức (bố cục, cách trình bày thông tin trong từng phần,…) của một bản kiến nghị:  – Bố cục: 3 phần (Mở đầu, nội dung, kết thúc)  – Cách trình bày thông tin trong từng phần: Phù hợp, chính xác, tường minh, dễ hiểu, rành mạch.  **Câu 2. Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị.**  ***Trả lời:***  – Liệt kê các loại thông tin cần phải nêu rõ ở phần mở đầu của bản kiến nghị: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản kiến nghị, cụm từ tóm tắt nội dung vấn đề kiến nghị, tên các tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.  **Câu 3. Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị là gì? Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng.**  ***Trả lời:***  – Vấn đề của đời sống mà người viết văn bản kiến nghị: Về việc tạo không gian yên tĩnh, thuận lợi cho sinh hoạt, học tập.  – Nêu một số bằng chứng cho thấy nội dung kiến nghị đã được trình bày rõ ràng:  + Đầy đủ 3 phần của một văn bản kiến nghị.  + Nội dung phù hợp với từng phần của văn bản.  + Trình bày rõ ràng logic từng nội dung.  + Tách phần rõ ràng, khoa học.  **Câu 4. Xác định những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị.**  ***Trả lời:***  – Những nội dung chính được trình bày trong phần kết thúc bản kiến nghị: Trình bày mong muốn đơn kiến nghị được xem xét giải quyết, lời cảm ơn.  **\*Hướng dẫn quy trình viết**  **Giả sử em được tập thể lớp giao nhiệm vụ kiến nghị với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức một hoạt động ngoại khóa để nâng cao kĩ năng sống cho học sinh hoặc có giải pháp xây dựng môi trường học tập tốt hơn. Hãy thay mặt lớp viết bản kiến nghị đó.**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  • Đối với đề bài này, nội dung kiến nghị có thể là:  - Mở lớp học bởi nhân dịp nghỉ hè  - Bổ sung nguồn sách tham khảo của thư viện.  – Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho một môn học.  - Các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trước công trưởng vào giờ tan học, đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện của học sinh  • Để bài viết đạt hiệu qua giao tiếp, trước khi viết em xác định  - Mục đích viết bản kiến nghị này là gì?  – Cá nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm nhận và giải quyết kiến nghị  - Với mục đích, đối tượng đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  • Tìm tư liệu liên quan đến bản kiến nghị bằng một số cách sau:  - Tìm tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản kiến nghị trong sách hoặc Internet  – Đọc lại phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để học cách viết bản kiến nghị.  – Ghi chép ý kiến của các bạn trong buổi họp lớp về vấn đề dự định kiến nghị,  những đề xuất liên quan. Nếu vấn đề kiến nghị là của nhiều thành viên trong lớp, em cần thu thập đủ chữ kí của các bạn  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  • Để hình thành ý tưởng cho bài viết, em trả lời các câu hỏi sau:  – Trường hoặc lớp em đang tồn tại vấn đề gì có thể gây bất tiện, bất lợi cho học sinh hoặc những vấn đề có thể điều chỉnh, thay đổi để tạo môi trường học tập, vui chơi tốt hơn cho học sinh?  – Nội dung cụ thể của vấn đề cần kiến nghị là gì?  – Những giải pháp nào có thể giải quyết vấn đề đó?  – Người hoặc tổ chức nào có thẩm quyền giải quyết?  – Có cần và có thể thu thập thông tin gì liên quan đến nội dung cần kiến nghị (ví dụ: ý kiến của học sinh, hình ảnh làm bằng chứng,...) hay không?  Sắp xếp các ý đã tìm theo trình tự bố cục của văn bản:  – Phần mở đầu: tên cơ quan, tổ chức (nếu có); quốc hiệu, tiêu ngữ; địa điểm và thời gian viết kiến nghị; tên văn bản và tóm lược sự việc kiến nghị; người/ tổ chức nhận; thông tin cơ bản về người viết (lưu ý: nếu người viết đại diện cho ý kiến của tập thể, cần ghi rõ người viết được tập thể uỷ quyền). – Phần nội dung: lí do kiến nghị, nội dung kiến nghị, đề xuất các hướng giải pháp  **Bước 3: Viết**  Khi viết em cần:  • Trình bày cụ thể nội dung cần kiến nghị  • Ghi đúng người nhận kiến nghị (cá nhân hoặc cấp thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết).  • Chỉ nêu các nội dung, phản ánh, đề xuất có căn cứ thực tế và mang tính khả thi trong việc giải quyết khắc phục...  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  • Sau khi viết xong, đọc và kiểm tra lại bài viết của mình dựa vào bảng kiểm sau  Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống (xem ở phụ lục) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học về kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV xem và nhận xét bảng kiểm

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được các bước viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | | Đạt | Chưa đạt |
| Bố cục | Đủ 3 phần: mở đầu, nội dung kiến nghị, kết thúc |  |  |
| Phần mở đầu | Tên cơ quan chủ quản, quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng văn bản |  |  |
| Tiêu ngữ: viết chữ thường, cách giữa, dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối |  |  |
| Địa điểm, thời gian viết văn bản: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang bên phải văn bản. |  |  |
| Tên văn bản: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  |
| Dòng tóm tắt nội dung kiến nghị: viết chữ thường, đặt dưới tên văn bản, đặt ở giữa văn bản. |  |  |
| Trình bày đầy đủ thông tin về người nhận/ tổ chức nhận. |  |  |
| Trình bày tóm tắt các thông tin về người viết kiến nghị |  |  |
| Phần kết thúc | Trình bày rõ lí do kiến nghị. |  |  |
| Trình bày chính xác, rõ ràng nội dung cần kiến nghị. |  |  |
| Đề xuất hướng giải quyết hợp lí. |  |  |
| Phần kết thúc | Khẳng định lại lí do kiến nghị hoặc cam đoan những nội dung kiến nghị là đúng sự thật |  |  |
| Có lời cảm ơn. |  |  |
| Có chữ kí và họ tên của người viết. |  |  |
| Diễn đạt | Ngôn ngữ của văn bản chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu. |  |  |

**Ngày soạn: 20/12/2024**

**Ngày dạy: 24/12/2024**

**Tiết 65,66: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của truyện đồng thoại, của bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

- Năng lực viết/ trình bày bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

**2. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.- Biết cách thâu tóm lại kiến thức.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản đã học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS chủ động, hợp tác, biết cảm nhận và thể hiện tình yêu đối với quê hương, đất nước, con người.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS đọc một vài ngữ liệu liên quan đến thể loại thơ Đường luật, truyện đã sưu tầm

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là ôn tập về các kiến thức đã học trong học kì.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu một học sinh đại diện đọc nội dung dã chuẩn bị. Mời cả lớp nhận xét, đánh giá và cho bạn điểm

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe bạn trình bày

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, cả lớp nhận xét, đánh giá phần trình bày của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét, động viên và kết nối vào bài học

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:**

- HS chủ động, phối hợp tốt với các bạn trong nhóm để chắt lọc những nội dung tâm đắc nhất, mạnh dạn trình bày bài nhóm và phản biện trước lớp.

- Ôn tập lại các kiến thức đã học của bài lớn, chủ động nhận thức được những giá trị to lớn của truyện dân gian, thơ ca dân tộc.

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, dựa vào những gì đã chuẩn bị ở nhà, cùng thảo luận và thống nhất câu trả lời và trình bày trước lớp.

**-**  HS lắng nghe bạn đọc và cảm nhận, nhận xét.

**c) Sản phẩm:** Phần trình bày thảo luận nhóm của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm tổ, dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, các nhóm trao đổi, rút ra câu trả lời tâm đắc nhất cho từng câu hỏi, sau đó từng nhóm trình bày phần trả lời của mình.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS:  + Nhóm 1 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 1  + Nhóm 2 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 2  + Nhóm 3 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 3  + Nhóm 4 thảo luận, thống nhất, chuẩn bị trình bày câu hỏi 4  - GV hướng dẫn và giải đáp khúc mắc cho HS trong quá trình trao đổi, thảo luận (nếu cần)  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - Đại diện các nhóm HS lần lượt lên trình bày  - Các HS khác chú ý lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi cho nhóm bạn  - GV nhắc nhở, động viên những HS chưa tập trung (nếu có).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức  Những bài tập còn lại GV gợi ý HD hs về nhà hoàn thành nộp lên zalo, có vướng mắc cần trao đổi thì liên hệ với gv. | **I. Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường, thất ngôn bát cú luật Đường**  **1. Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường:** mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.  - Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.  -Thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú luật Đường là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường  **2. Bố cục: Có nhiều cách chia , nhưng thường gồm** bốn phần  \* **Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường**:  - Câu 1: Khai ( khai mở ý của bài thơ)  - Câu 2: Thừa ( làm rõ ý và mạch cảm xúc)  - Câu 3: Chuyển (chuyển ý)  - Câu 4: Hợp (kết ý).  **\* Thơ thất ngôn bát cú luật Đường:**  - Câu 1, 2: Đề (mở đầu và bắt đầu phát triển ý)  - Câu 3,4: Thực ( triển khai ý của đề tài)  - Câu 5,6: Luận ( mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu vào tâm trạng, cảm xúc)  - Câu 7,8: Kết ( thâu tóm ý nghĩa cả bài).  **3. Luật:** là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ. Luật bằng trắc của thơ thất ngôn tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú đều quy định ở tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu.  + Nếu tiếng thứ 2 câu 1 là tiếng thanh bằng thì bài thơ viết theo luật bằng.  + Nếu tiếng thứ 2 câu 1 là tiếng thanh trắc thì bài thơ viết theo luật trắc.  **4. Niêm:** là sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ. Hai câu niêm với nhau khi tiếng thứ 2 của hai câu cùng theo một luật. *(cùng là bằng hoặc cùng là trắc)*  + Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường: niêm 1- 4; 2 – 3.  + Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: niêm 1 – 8; 2- 3; 4 – 5; 6 – 7.  **5. Vần:** cả bài thơ luật Đường chỉ có một cách gieo vần, gieo ở cuối câu thơ đầu và các câu chẵn. Đó là vần chân, thường là **vần bằng.**  **6. Nhịp:** cách ngắt nhịp thường là 2/2/3 hoặc 4/3.  - **Đối:** là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.  + Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường: không quy định.  + Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: đối câu 3 – 4, 5 – 6.  **II. Truyện**  **1.. Đặc điểm của truyện**  **- Nhân vật chính:**là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.  **- Chi tiết tiêu biểu:** là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mĩ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **2. Tư tưởng của tác phẩm văn học**  -Là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm văn học, cũng như những vấn đề về cuộc sống con người được đặt ra trong tác phẩm.  -Tư tưởng được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo,…  **III. Tiếng Việt**  ***1. Đảo ngữ:*** là biện pháp tu từ thay đổi vị trí các thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.  Ví dụ: Lom khom dưới núi tiều vài chú => việc thay đổi từ “lom khom” trong cụm từ “vài chú tiều lom khom” có tác dụng nhấn mạnh dáng vẻ của các chú tiều, làm cho diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.  ***2. Câu hỏi tu từ:*** là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.  Ví dụ: “Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng/ Nỡ để dân đen mắc nạn này?” => nhấn mạnh sự lo lắng, lòng yêu nước thương dân của tác giả.  **IV. Viết**  **1- Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.**  \* **Bài văn kể lại một hoạt động xã hội** thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự việc của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.  **\* Yêu cầu đối với kiểu bài:**  - Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.  - Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.  - Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.  - Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động  **- Bố cục:**  + Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc.  + Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm.  + Kết bài: khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm các bài tập còn lại.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

HS làm các bài tập còn lại.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân, suy nghĩ để trả lời câu hỏi luyện tập.

- HS suy nghĩ, gạch ý chính ra nháp để chuẩn bị trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày câu trả lời của mình trên giấy nộp lên zalo nhóm lớp

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Khuyến khích, động viên, khen ngợi HS

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**HĐ 4: Vận dụng:**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm các bài tập còn lại.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS viết 1 đoạn văn (6-8 câu) với chủ đề tự chọn có sử dụng phép tu từ mà em đã học.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân, suy nghĩ, trình bày đáp án lên giấy kiểm tra.

- HS suy nghĩ, trình bày theo yêu cầu.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày câu trả lời của mình trên giấy nộp lên zalo nhóm lớp

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng quy định (nếu có).

- Khuyến khích, động viên, khen ngợi HS

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Tiết 67,68**

**Ngày thi: 2/1/2025**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**  **TỔ: VĂN - GDĐP** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **Môn: Ngữ văn 8**  **Năm học: 2024 - 2025**  Thời gian làm bài: 90 phút  *(Không kể thời gian phát đề)*  *(Đề gồm 02 trang)* |

**Đề số 1**

**I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THÀ CHẾT CÒN HƠN**

*Xưa có anh keo kiệt, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, cứ khư khư tích của làm giàu. Một hôm có người bạn rủ ra tỉnh chơi. Trước anh ta còn từ chối, sau người bạn nài mãi, anh ta mới vào phòng lấy ba quan tiền giắt lưng rồi cùng đi.*

*Khi ra đến tỉnh, trông thấy cái gì anh ta cũng muốn mua nhưng sợ mất tiền lại thôi. Trời nắng quá, muốn vào hàng uống nước lại sợ phải thết bạn, không dám vào. Đến chiều trở về, khi qua đò đến giữa sông, anh keo kiệt khát nước quá mới cúi xuống uống nước, chẳng may ngã lộn cổ xuống sông.*

*Anh bạn trên thuyền kêu:*

*- Ai cứu xin thưởng năm quan!*

*Anh keo kiệt ở giữa dòng sông, nghe tiếng cố ngoi lên, nói:*

*- Năm quan đắt quá!*

*Anh bạn chữa lại:*

*- Ba quan vậy!*

*Anh keo kiệt lại ngoi đầu lên lần nữa:*

*- Ba quan vẫn đắt, thà chết còn hơn!*

(Theo *https://gtruyen.com*)

**Câu 1**: Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết. B. Thơ cổ tích. C. Truyện ngụ ngôn. D. Truyện cười.

**Câu 2**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Miêu tả. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

**Câu 3**: Tác dụng của trợ từ trong “Ba quan vẫn đắt, thà chết còn hơn!”:

1. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.
2. Gọi đáp.
3. Tạo kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán.

D. **Kết nối các thành phần trong câu, giúp câu văn trở nên mạch lạc hơn.**

**Câu 4**: Trong câu thoại *“Ba quan vậy!”* sử dụng nghĩa tường minh hay nghĩa hàm ẩn?

1. Nghĩa tường minh. B. Nghĩa hàm ẩn.

**Câu 5.**Yếu tố gây cười của câu chuyện thể hiện rõ nhất ở câu nói nào?

1. Ai cứu thưởng năm quan! C. Ba quan vậy!
2. Năm quan đắt quá! D. Ba quan vẫn đắt, thà chết còn hơn!

**Câu 6.** Câu chuyện trên đang phê phán, châm biếm nhân vật nào?

1. Người kể chuyện. C. Người đi đường.

B. Anh keo kiệt. D. Anh bạn trên thuyền.

**Câu 7**: Chỉ ra từ địa phương xuất hiện trong câu *“Trước anh ta còn từ chối, sau người bạn nài mãi, anh ta mới vào phòng lấy ba quan tiền giắt lưng rồi cùng đi.”*.

1. Từ chối. B. Anh ta. C. Ba quan. D. Giắt lưng.

**Câu 8**: Khi qua đò đến giữa sông, anh keo kiệt đã có hành động gì?

1. Ngoi lên uống nước C. Lấy gàu múc nước mưa uống.
2. Cúi xuống uống nước. D. Lấy bình ra uống nước.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9.** Theo em, câu nói: *“Năm quan đắt quá”* có nghĩa hàm ẩn là gì?

**Câu 10.** Từ câu chuyện trên em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

**------------- Hết -------------**

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 7/1/2025

Tiết 69,70

**NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực tóm tắt ý chính do người khác trình bày

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đưa ra các từ khóa: ham danh, sính ngoại, lừa đảo, sĩ diện,….

yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV

- GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong xã hội của chúng ta ngày nay?***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:  Xác định các bước trình bày bài nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Buớc 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  Các văn bản hài kịch mà em đã học gợi ra một số vấn đề xã hội rất sâu sắc, những vấn đề đó không chỉ ở trong quá khứ mà vẫn tồn tại trong xã hội hiện nay. Hãy chọn một vấn đề mà em quan tâm để trình bày ý kiến của mình  Các vấn đề đó có thể là  • Thôi ham danh, học đòi làm sang.  \* Bệnh sĩ diện.  • Thói lửa gạt  • Thói sinh ngoại.  Để tăng hiệu quả giao tiếp, em xác định mục đích trình bày; những vấn đề mà người nghe quan tâm; thời lượng bài trình bày. Từ đó, xác định nội dung và cách trình bày phù hợp.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Để tìm ý cho bài nói em hãy trả lời một số câu hoặc  • Ý kiến của em về hiện tượng này là gi? Vì sao em có ý kiến như vậy? Những bằng chứng nào sẽ giúp củng cố cho lí lẽ của em?  • Có thể tìm kiếm, thu thập các câu chuyện, hình ảnh video clip nào liên quan đến bài nói để làm bằng chứng cho nhận định của mình?  Từ những ý đã phác thảo, chọn những ý tiêu biểu để lập dàn ý (tham khảo cách làm ở bài Sự sống thiêng liêng)  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  Sử dụng những kĩ năng đã học ở bài Sự sống thiêng liêng để tự luyện tập. **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  • Cần có thái độ cầu thị, lắng nghe, hoà nhã khi trả lời những câu hỏi, ý kiến phản biện  Lưu ý: cùng một vấn đề mỗi người có thể có cách tiếp cận riêng, có cách lí giải khác nhau và cần được tôn trọng  \* Sau buổi trình bày, có thể tiếp tục trao đổi với người nghe về những điều cần làm rõ qua các phương tiện liên lạc cá nhân nếu cần.  • Sử dụng Bảng kiến kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (đã học ở bàiSự sống thiêng liêng) để tự đánh giá bài nói của mình và của người khác |

**Hoạt động 2: Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**

**a. Mục tiêu:** Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của xã hội  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **II. Các tiêu chí đánh giá**  Xem ở bảng kiểm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về kĩ năng trình bày một vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài *Ôn tập*.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút |  |  |
| Nêu rõ vấn đề trình bày |  |  |
| Trình bày trực tiếp , rõ ràng ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề được trình bày |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục |  |  |
| Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thỏa đáng những câu hỏi hoặc phản bác của người nghe |  |  |
| Trình bày tự tin, nói năng lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian quy định |  |  |

Ngày soạn: 3/12/2024

Ngày dạy: 8/1/2025

Tiết 71

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 5 bằng các câu hỏi

Câu 1: Thói xấu nào được nhắc đến trong vở kịch “Thuyền trưởng tàu viễn dương” ( Sĩ diện”

Câu 2: Thông điệp từ văn bản “Cái chúc thư” là gì? (phê phán, lên án mãnh liệt với các hành vi giả dối để chuộc lợi cho bản thân.)

Câu 3: Đặt câu có sử dụng trợ từ và cho biết chức năng của nó?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS tham gia chơi trò chơi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

- GV dẫn vào bài Ôn tập

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 5***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành các câu hỏi ôn tập  - HS nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), | Xem ở mục lục |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong ***Bài 5*** và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 5***

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở ***Bài 5***

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại nội dung ***Bài 5: Những tình huống khôi hài***

+ ***Soạn bài ôn tập***

**Đáp án bài tập**

**Câu 1:** Nêu và giải thích đặc điểm của hài kịch. Minh hoạt một trong những đặc điểm ấy bằng các dẫn chứng rút ra từ một trong ba văn bản hài kịch đã đọc.

Trả lời:

Các đặc điểm của hài kịch:

* Nhân vật của hài kịch là đối tượng của tiếng cười, gồm những người hiện thân cho các thói tật xấu hay những gì thấp kém trong xã hội. Tính cách của nhân vật hài kịch được thể hiện qua những biến cố dẫn đến sự phơi bày, phê phán cái xâu.
* Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động cúa các nhân vật (bao gồm lời thoại, điệu bộ, củử chỉ... ) tạo nên nội dung của tác phẩm hài kịch. Hành động thể hiện qua lời thoại dưới các dạng: tấn công - phản công: thăm dò - lảng tránh; chất vấn - chối cãi, thuyết phục - phủ nhận/ bác bỏ; cầu xin - từ chối,... Mọi hành động lớn nhỏ trong kịch nói chung, hài kịch nói riêng đều dẫn tới xung đột và giải quyết xung đột, qua đó, thể hiện chủ đề của tác phẩm.
* Xung đột kịch thường này sinh đựa trên sự di lập, mâu thuẫn tạo nên tác động qua lại giữa các nhân vật hay các thế lực. Có nhiều kiểu xung đột: xung đột giữa cái cao cả với cải cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém, giữa cải thấp kém với cái thấp kém,.... Trong hài kịch, do đặc điểm, tính chất của các nhân vật, xung đột thường diễn ra giữa cái thấp kém với cải thấp kém.
* Lời thoại là lời của các nhân vật hài kịch nói với nhau (đối thoại), nói với bản thân. (độc thoại) hay nói với khán giả (bàng thoại), góp phần thúc đẩy xung đột hài kịch phát triển.
* Lời chỉ dẫn sân khấu là những lời chú thích ngắn gọn của tác giá biên kịch (thường để trong ngoặc đơn) nhằm hướng dẫn, gợi ý vẻ cách bài trí, xử lí âm thanh, ánh sáng, việc vào - ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động, cử chỉ, cách nói năng của họ,...

Trong văn bản Thuyền trưởng tàu viễn dương

- Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt. Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói. Đó là sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.

- Nhân vật trong đoạn trích có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước. Ví dụ: Anh Hưng là người lái tàu chở phân được ông nha kêu giả làm thuyền trưởng tàu viễn dương...

- Đoạn trích chủ yếu toàn là lời thoại giữa các nhân vật với nhau. Lời thoại bộc lộ được đặc điểm, tính cách, có yếu tố hài hước, gây cười.

- Đoạn trích cũng sử dụng thủ pháp trào phúng, phóng đại. Ví dụ: Ông Nha vẽ lên những viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển khoa học, giàu mạnh những thực tế nhưng thực tế chỉ là những lời nói xáo rỗng, giả dối, lố bịch.

**Câu 2:** Nêu chủ đề, thủ pháp gây cười được sử dụng trong ba văn bản: Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục, Cái chúc thư, Thuyển trưởng tàu viễn dương.

Trả lời:

Chủ đề:

* Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả.
* Cái chúc thư: Văn bản khắc họa tính cách tham lam của những con người hám của, hám vật chất vì tiền mà có thể làm tất cả.
* Thuyền trưởng tàu viễn dương: Văn bản khắc họa bệnh sĩ của một người kém hiểu biết nhưng lại mắc bệnh sĩ.

Thủ pháp gây cười:

* Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục: Tác giả xây dựng hình tượng nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng bất hòa giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn với giấc mộng học đòi làm sang.
* Cái chúc thư: Sự tham lam nhưng sợ sệt của những con người hám tiền gây tiếng cười cho độc giả
* Thuyền trưởng tàu viễn dương: Từ bệnh sĩ muốn tạo danh tiếng mà bắt người khác đóng giả, thực hiện các việc ngoài tầm thực hiện mà lại thất bại, tạo nên tiếng cười cho đọc giả.

**Câu 3:** Đặt một câu có sử dụng trợ từ, thán từ lấy đề tài từ các văn bản hài kịch đã học. Xác định trợ từ, thán từ và nêu tác dụng của chúng.

Trả lời:

- Ối chà ,người đâu mà giỏi thế không biết ?

Trong đó: thán từ là ối chà, trợ từ là không

**Câu 4:** Theo em, vì sao khi viết một văn bản kiến nghị về một vấn đề của đời sống, người viết không được để thiếu bất kì phần nào trong các phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc?

Trả lời:

Vì các phần đều có vai trò riêng của mình,nếu thiếu một phần thì sẽ bị thiếu thông tin dẫn đến văn bản thiếu nội dung và sự chính xác.

**Câu 5:** Em rút ra được lưu ý gì khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội?

Một số lưu ý em rút ra được:- Cần tìm hiểu kĩ về vấn đề mình sẽ viết, trình bày.- Cần lắng nghe ý kiến của người khác, không nên quá áp đặt suy nghĩ của bản thân và bắt mọi người phải công nhận nó đúng.

- Trình bày rõ ràng từng luận điểm. Mỗi luận điểm cần đi kèm với lĩ lẽ và bằng chứng xác thực để tăng tính thuyết phục đối với người nghe.

**Câu 6:** Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người?

Tiếng cười nhiều cung bậc, tiếng cười có giá trị, phê phán tố cáo xã hội lớn lao, có giá trị giáo dục thẩm mỹ sâu sắc. Tiếng cười trong cái hài là một loại vũ khí, phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Cái cười nảy sinh khi cái tư tiện làm ra vẻ vĩ đại, cái ngu ngốc tự làm ra vẻ thông thái, cái trì trệ ngưng đọng tự làm ra vẻ tràn đầy sức sống và phát triển. cái cười đánh gục sự trống rỗng bên trong vạu hèn mạt của những kẻ nuôi ảo vọng. Nói cách khác cái cười là phản ứng cảm xúc tcura con người trong ý thức thẩm mĩ của nó khi nhận các hiện tượng thực tại mang các xung đột hài kịch. Như vậy cái cười trong cái hài là cái cười đặc biệt nhằm vào đối tượng cụ thể, là cái cười có mục đích và ý nghĩa xã hội sâu sắc.Còn cái hài là giá trị khách quan của một hiện tượng xã hội, là cái cười cao cái cười có ý nghĩa và giá trị xã hội. Phù hợp với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười.

Ngày soạn: 7/1/2025

Ngày dạy: 9/1/2025

Tiết 72

**TÊN BÀI DẠY:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực riêng biệt**

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học từ đầu năm đến nay.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói, nghe

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- KHBD, bài kiểm tra HS

**2. Học sinh:** vở ghi, vở soạn

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ( 5 PHÚT)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | \* Học sinh trả lời |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ BÀI ( 35 PHÚT)**

**a. Mục tiêu:** Giúp hs nhận ra ưu, nhược điểm của bài kiểm tra đã làm . Rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để nhận xét bài kiểm tra.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS:** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung. | **I. Tìm hiểu đề.:**  **1. Đề bài:** Hs sử dụng đề kiểm tra tập trung  **2. Đáp án + biểu điểm:**  Dựa vào đáp án ở đề kiểm tra.  **II. Nhận xét ưu nhược điểm:**  **1. Nhận xét:**  ***a) Ưu điểm: (***Căn cứ vào bài làm học sinh).  - Đa số HS làm đúng nội dung các câu hỏi mà trong đề bài đặt ra, hiểu bài và có nắm chắc kiến thức.  - Phần viết đoạn văn có sáng tạo.  ***b) Nh­ược điểm: (***Căn cứ vào bài làm học sinh).  - Một số bạn chưa học bài kĩ khi làm kiểm tra  - Một số học sinh còn viết sai lỗi chính tả.  - Một số bài viết đoạn văn sơ sài.  **III. Trả bài:**  - Tuyên dương các bài tốt.  - Nhắc nhở một số tồn tại |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG(5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng rút kinh nghiệm vào các bài kiểm tra tiếp theo

**b. Nội dung:** Hs thực hiện rút kinh nghiệm cho bản thân

**c. Sản phẩm học tập:** kinh nghiệm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy tự rút kinh nghiệm cho mình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác rút kinh nghiệm của học sinh | - Hs thực hành rút kinh nghệm cho bản thân trước lớp |

Thống kê tỉ lệ học sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Trên trung bình** | **Dưới trung bình** |
| 8A | 38 | 34 | 4 |
| 8B | 38 | 33 | 3 |
| 8C | 38 | 36 | 2 |

**Ngày soạn: 04/01/2025**

**Ngày dạy: 14/1/2025**

**Tiết 73,74**

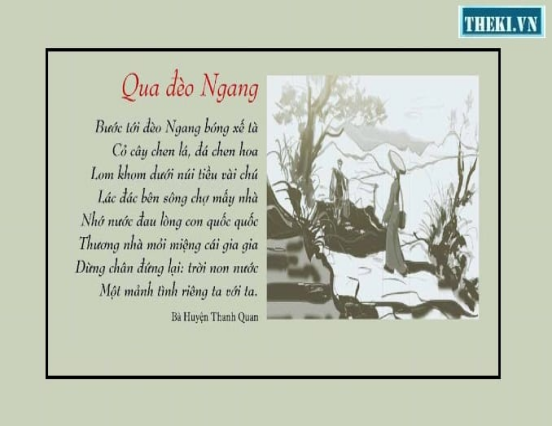
**BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC**

**(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật)**

**Thời gian thực hiện: 12 tiết**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: NAM QUỐC SƠN HÀ**

****

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết và phân tích được yếu tố thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**3. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

**\* Tích hợp: GDQP an ninh (Khẳng định ý chí của VN về độc lập chủ quyền trước các thế lực xâm lược).**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

**2. Học liệu:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức trò chơi: NHÌN TRANH ĐOÁN TÊN NHÂN VẬT LỊCH SỬ.

Có 4 bức ảnh liên quan đến 4 nhân vật lịch sử. HS nhìn tranh và đoán tên sự kiện lịch sử liên quan. Đoán đúng sẽ được điểm thưởng từ giáo viên.

*=> Những nhân vật lịch sử với những chiến công hiển hách của họ đã gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS quan sát, suy nghĩ

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**

- Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu.

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

Dự kiến sản phẩm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Báo Thái Bình điện tử | Trần Quốc Toản: Đức hiếu vị thiếu niên anh hùng 15 tuổi "Phá cường địch,  báo hoàng ân" - Hồ Sơ Danh Nhân | 6 câu nói bất tử của "huyền thoại đất đỏ" Võ Thị Sáu còn nguyên giá trị cho  muôn đời - Hồ Sơ Danh Nhân | Bến Nhà Rồng - Khởi đầu hành trình đến tương lai |
| 1. Ngô Quyền | 2. Trần Quốc Toản | 3. Chị Võ Thị Sáu | 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh |

GV kết nối, dẫn vào bài mới: Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng và có truyền thống yêu nước. Tình yêu tổ quốc của nhân dân ta được thể hiện qua các thời kỳ đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Tình yêu ấy cũng được thể hiện qua các áng văn thơ bất hủ. Trong bài này các em sẽ được học các bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật đường viết về tình yêu tổ quốc của cha ông để tự hào về truyền thống của dân tộc và hiểu vẻ đẹp của hai thể thơ này.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1: Giới thiệu tri thức đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:** - Kích hoạt kiến thức về yếu tố thi luật của thể loại thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm luật, vần, nhịp, đối.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*   |  |  | | --- | --- | | Nhóm 1 | Câu 1. Hãy nêu khái niệm thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường. | | Nhóm 2 | Câu 2. Em hiểu thế nào về bố cục của bài thơ ?Hãy nêu bố cục thường gặp của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường. | | Nhóm 3 | Câu 3. Luật thơ là gì? Hãy chỉ ra luật bằng trắc trong thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường. | | Nhóm 4 | Câu 4. Hãy chỉ ra niêm, vần, nhịp và đối trong thơ luật Đường. |   *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  *Câu 1: Đây là một thể thơ luật Đường,trong bài thơ có tám câu, mỗi câu có bảy chữ.*  A. Ngũ Ngôn  B. Bảy chữ  C. Lục bát  D. Thất ngôn bát cú  *Câu 2:* *Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia thành:*  A. Thực – Đề - Luận -Kết  B. Đề – Thực - Luận -Kết  C. Hai đáp án trên đều sai.  D. Hai đáp án trên đều đúng.  *Câu 3:* *Nhận xét nào không đúng luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt:*  A.Nhất-tam ngũ bất luận  B. Nhị- tứ-lục phân minh.  C. Tiếng thứ nhất, tiếng thứ ba, tiếng thứ năm cần sắp xếp theo luật bằng trắc.  D.Tiếng thứ hai, tiếng thứ tư, tiếng thứ sáu cần sắp xếp theo luật bằng trắc rõ ràng.  *Câu 4: Thơ thất ngôn thường ngắt nhịp như thế nào ?*  A. Nhịp 2/4/1  B. Nhịp 2/1/4  C. Nhịp 2/2/3  D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.  *Câu 5: Em hiểu thế nào là nguyên tắc đối trong thơ luật Đường?*  A.Cách cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.  B. Cách cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy phải đối lập với nhau.  C. Cách cách đặt câu gần nhau sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.  D. Cách cách đặt câu gần nhau sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ HS (Nếu cần)  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật, các yếu tố cần tìm hiểu khi học về thơ thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật) và chốt kiến thức. | **A. Tri thức đọc hiểu**  - **Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường** là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú : Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt : mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận Kết.  - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: “ **Nhất -tam ngũ bất luận,nhị- tứ -lục phân minh.”**  -Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần được sử dụng là vần bằng.  - Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn.  - Đối: cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. |

**2. Hoạt động đọc văn bản**

**2.1 Chuẩn bị đọc**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến văn bản, tao sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của văn bản

- Bước đầu dự đoán được nội dung của văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)

Em có hiểu biết gì về truyền thống yêu nước của nhân dân ta?

**Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.

- GV quan sát

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày ý kiến cá nhân

- GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Dẫn dắt vào bài: Từ ngàn xưa, dân tộc Việt Nam ta đã đứng lên chống giặc ngoại xâm rất oanh liệt. Tự hào thay! Ông cha ta đã đưa đất nước sang một trang lịch sử mới. Đó là thoát khỏi ách đô hộ ngàn năm của phong kiến phương Bắc, kỷ nguyên mới đã mở ra. Vì thế bài thơ “Nam quốc sơn hà” ra đời được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên, khẳng định một quốc gia độc lập chủ quyền. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về nội dung bản tuyên ngôn này.

**2.2 Trải nghiệm cùng VB**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Suy luận:***Em hiểu như thế nào là thiên thư?*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  “Thiên thư” tức là sách trời  GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  -“Thiên thư” tức là sách trời là nói đến thuyết “Nhị thập bát tú” của một số quốc gia Á châu cổ đại, đặc biệt là Trung Hoa. “Nhị thập bát tú” là cách gọi của 28 chòm sao nằm trên bầu trời theo cách chia trong thiên văn học cổ đại. Hay còn có cách hiểu khách là sách trời, là bờ cõi được | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  **2. Tác giả- Hoàn cảnh ra đời** |

**Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, đối.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  *1. Hs làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:*  *+ Bài thơ Nam quốc sơn hà được viết theo thể thơ nào?.*  *2. Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thành PHT số 1: Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thơ* thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.  - Dấu hiệu nhận biết:  + số câu: 4  + Số chữ trong 1 câu: 7  + Niêm: chữ thứ 2 trong câu một là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “ trắc”, chữ thứ 2 của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “bằng”.  + Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư).  + Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  + Kết luận: bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vần của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Tìm hiểu về một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường qua bài thơ**  - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.  - Dấu hiệu nhận biết:  + số câu: 4  + Số chữ trong 1 câu: 7  + Niêm: chữ thứ 2 trong câu một là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của câu 4 cũng là “ trắc”, chữ thứ 2 của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “bằng”.  + Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2 và 4 (cư, thư, hư).  + Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.  + Kết luận: bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, đối, vần của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc, vần bằng theo luật Đường. |

**NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  *Hs thảo luận nhóm đôi để hoàn thiện PHT số 2*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - 2 câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tất yếu không hề thay đổi của chủ quyền đất nước. Tác giả dùng từ “Nam quốc”, “Nam đế” để khẳng định dân của quốc gia của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình.  - Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: N*am quốc sơn hà / Nam đế cư* hoặc N*am quốc / sơn hà / Nam đế cư* tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **2. Tìm hiểu nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục**  - 2 câu đầu giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tất yếu không hề thay đổi của chủ quyền đất nước. Tác giả dùng từ “Nam quốc”, “Nam đế” để khẳng định dân của quốc gia của bậc đế vương có chủ quyền trên lãnh thổ của mình.  - Ngắt nhịp: Câu đầu có thể ngắt nhịp 4/3 hoặc 2/2/3. Cách ngắt nhịp trong câu theo nhịp 4/3: N*am quốc sơn hà / Nam đế cư* hoặc N*am quốc / sơn hà / Nam đế cư* tỏ rõ hai vấn đề quan trọng nhất là sông núi nước Nam và vua nước Nam đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu của bài thơ. Đây là cách ngắt nhịp tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt luật đường tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm.  - Việc nói đến “thiên thư” sách trời trong câu thơ thứ hai cho thấy tính pháp lý của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ quy định rõ bằng văn bản của nhà trời, không phải chuyện người thường muốn thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược.  - Bố cục:  + Câu 1- 2: giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi có chủ quyền đất nước.  + Câu 3 - 4: cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam. |

**NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  *GV chia lớp thành 4 nhóm lên bóc thăm thảo luận 4 câu hỏi sau:*  *-Ở hai câu cuối, tác giả nói về điều gì nói với ai và bằng thái độ tình cảm như thế nào?*  *-Nêu chủ đề và cảm hứng của bài thơ.*  *- Nam quốc sơn hà được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “thần”. Hãy phát biểu ý kiến của em về điều này.*  *- Nêu một số dẫn chứng lấy từ lịch sử hoặc từ văn chương cho thấy tinh thần và ý chí độc lập chủ quyền trở thành một truyền thống vẻ vang của dân tộc.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - **Chủ đề**: Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ gỗ đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  **- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **3. Tìm hiểu tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản**  - **Chủ đề**: Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ gỗ đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  **- Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**: là tình cảm yêu nước mãnh liệt lòng tự tôn dân tộc sâu sắc và ý thức về chủ quyền của dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Khái quát lại một số đặc điểm thơ thất ngôn bát cú qua bài thơ “Nam quốc sơn hà”

**b. Nội dung:** Giáo viên nêu câu hỏi, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức trò chơi* ***Hái hoa dân chủ****. Luật chơi: Hs xung phong bốc thăm các câu hỏi và trả lời nhanh. Với mỗi câu trả lời đúng của Hs, Gv có phần thưởng khích lệ. Nếu Hs trả lời sai, Hs khác có quyền tiếp tục trả lời. GV chuẩn bị đồng hồ đếm ngược 30 giây. Các câu hỏi Nêu một số dấu hiệu nhận biết của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: số câu, số chữ, bố cục, luật bằng trắc, gieo vần, ngắt nhịp, niêm, đối.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - Hs trả lời  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận, Kết.  - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: *“ Nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh.”*  - Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần được sử dụng là vần bằng.  - Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn.  - Đối: cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **III. Khái quát đặc điểm thể loại**  *-* ***Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường*** là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường. Thơ thất ngôn bát cú: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn tứ tuyệt: mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.  - Bố cục của một bài thơ thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt thường được chia 4 phần: Đề, Thực, Luận, Kết.  - Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ thất ngôn tứ tuyệt thường được tóm tắt bằng câu: *“ Nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh.”*  - Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường cả bài chỉ hiệp theo một vần, vần được sử dụng là vần bằng.  - Nhịp: cách ngắt nhịp của câu thơ thường là 2/2/3 hoặc 4/3 đối với thơ thất ngôn và 2/3 đối với thơ ngũ ngôn.  - Đối: cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Liên hệ so sánh hai tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs tìm đọc văn bản Bình Ngô đại cáo (đoạn 1) và so sánh với Nam quốc sơn hà

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng theo kiểu đoạn văn diễn dịch giải thích vì sao bài thơ “Nam quốc sơn hà” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.*  ***\*Lồng ghép quốc phòng - an ninh:***  ***Câu 2. Gv chiếu video cho Hs sinh xem và hỏi: Từ nội dung video vừa xem và văn bản Nam quốc sơn hà, em rút ra cho bản thân được bài học gì?***  **<https://youtube.com/watch?v=wovSNK8F9KI&si=Wbdowu7ofenUgwJb>**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 1. Gợi ý:**  Yêu cầu:  - Hình thức: Đoạn văn dung lượng khoảng 5-7 câu.  - Nội dung: Giải thích lí do bài thơ “Nam quốc sơn hà được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.  + Hoàn cảnh ra đời có gì đặc biệt?  + Nội dung, ý nghĩa của bài thơ mang tính chất “tuyên ngôn độc lập” như thế nào?  + Liên hệ một số văn bản khác của nước ta cũng được xem là tuyên ngôn độc lập như “Bình ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi), “Tuyên ngôn độc lập” (Hồ Chí Minh).  **Câu 2. Gợi ý:** Rút ra bài học cho bản thân (gợi ý)  “Nam quốc sơn hà” là tác phẩm kết tinh được hào khí thời đại, cảm xúc của muôn trái tim, vì thế, nó tiêu biểu cho tinh thần độc lập, khí phách anh hùng và khát vọng lớn lao của dân tộc trong buổi đầu xây dựng một nhà nước độc lập. Sau khi đọc xong bài thơ, em hiểu thêm là vùng đất, vùng trời, biên giới, hải đảo... của dân tộc đều do ông cha ta đánh đổi bằng xương máu mới có được. Hơn nữa kẻ thù từ bao đời nay luôn luôn nhòm ngó nước ta, vì thế hơn bao giờ hết, bản thân em phải nâng cao ý thức cảnh giác trước mọi mưu đồ của kẻ thù xâm  lăng. Đồng thời nhận thức được rằng nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền dân tộc trước hết là của chính bản thân mình. |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

HS học thuộc phần Tri thức ngữ văn

HS hoàn thiện các bài tập phần vận dụng.

Tìm thêm các bài thơ Thất ngôn bát cú và tứ tuyệt.

Chuẩn bị nội dung bài đọc: *Qua đèo Ngang*

**Ngày soạn: 15/01/2024**

**Ngày dạy: 16/1/2025**

**Tiết 75,76**

**QUA ĐÈO NGANG**

**Bà Huyện Thanh Quan**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bố cục, gieo vần, niêm luật..) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, thái độ của tác giả…) trong bài thơ.

- Cảm nhận được ý nghĩa của bài thơ.

**2. Về phẩm chất**

Tiết học góp phần bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, yêu thiên nhiên.

**Tích hợp:**

- GDQP, an ninh (Giáo dục lòng yêu nước).

- Giáo dục bảo vệ môi trường, thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu

HS xác định được nội dung chính của tiết học qua việc huy động kiến thức nền về đèo Ngang qua hình ảnh.

b) Nội dung

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

c) Sản phẩm

- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

d) Tổ chức thực hiện

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Trước khi vào nội dung của tiết học này, cô mời các em đến với một số hình ảnh sau.Các em chú ý quan sát những hình ảnh và cho cô biết:  
- Những hình ảnh này nói về địa danh nào?

- Chia sẻ những hiểu biết của em về địa danh này.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** bật video

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Quan sát, lắng nghe video và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

- Sau khi trả lời xong câu hỏi số 1, HS nghe câu hỏi số 2 và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi 1, 2…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản: *Qua đèo Ngang*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu:**  **-** Giúp học sinh biết được những thông tin cơ bản về nhà thơ Bà Huyện Thanh Quan.  **Nội dung:**  **GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **HS:** Chuẩn bị phiếu học tập số 1 ở nhà và thực hiện nhiệm vụ của GV giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV** yêu cầu HS mở PHT số 1    **HS**: Mở PHT số 1, xem lại thông tin trong PHT số 1.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Mời HS trình bày sản phẩm (PHT số 1)  **HS:**  - Đại diện trình bày thông tin về nhà văn Thạch Lam  - Những HS còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét phần chuẩn bị của HS, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang phần b. Tìm hiểu chung về văn bản.  **b. Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Yêu cầuHS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi.  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.  ? Bài thơ này được làm theo thể thơ gì.  **-** Yêu cầu HS mở PHT số 2  - Chia nhóm cặp đôi theo bàn  - Nhiệm vụ:  + Hoán đổi PHT cho nhau  + 1 phút HĐ cá nhân: xem lại PHT đã chuẩn bị  + 2 phút tiếp theo: trao đổi, chia sẻ để thống nhất nội dung trong PHT số 2    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV gợi ý:** Bằng sự chuẩn bị PHT ở nhà, em hãy đọc PHT của bạn xem có nội dung nào cần trao đổi hay không.  **HS**: Đọc PHT số 2 của bạn và đánh dấu nội dung khác biệt để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** Chỉ định một số cặp đôi trình bày sản phẩm (PHT số 2)  **HS:**  - Đại diện cặp đôi trình bày từng nội dung trong PHT số 2.  - Những cặp đôi còn lại lắng nghe, theo dõi bạn trình bày, sau đó nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho sản phẩm cặp đôi của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **GV**:  - Nhận xét từng nội dung của bạn, nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có).  **-** Chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang phần II. Tìm hiểu chi tiết văn bản. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả**  - Tên thật là Nguyễn Thị Hinh  - Bà sống vào thế kỉ 19.  - Là một trong 3 nữ sĩ nổi tiếng của thơ ca Trung đại Việt Nam.  - Thơ bà mang phong cách hoài cổ.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Thanh Long thành hoài cổ, Chiều hôm nhớ nhà, Qua chùa Trấn Bắc…*  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích  b. Tìm hiểu chung về tác phẩm  - Hoàn cảnh sáng tác: Được sáng tác khi bà đang trên đường vào Huế nhậm chức và dừng chân nghỉ tại đèo Ngang.  - Thể loại: Thơ thất ngôn bát cú.  Đặc điểm của thể loại thể hiện trong văn bản: |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **Mục tiêu:**  - Giúp học sinh hiểu những nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ.  - Hiểu tình cảm, mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua bài thơ.  **Nội dung** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **1. Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia học sinh thành 4 nhóm.  - Yêu cầu HS mở PHT số 3    - Nhiệm vụ:  + Nhóm 1,3: tìm hiểu về các hình ảnh, từ ngữ độc đáo trong bài thơ và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung.  + Nhóm 2,4: tìm hiểu về biện pháp tu từ đặc sắc trong bài và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**  **HS** đọc bài thơ, thảo luận và thực hiện phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  **-** Yêu cầu đại diện nhóm trình bày sản phẩm  - Yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **HS**:  **-** Nhóm đại diện trình bày sản phẩm học tập  - Các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung cho sản phẩm của nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời/sản phẩm học tập và nhận xét của cá nhân/nhóm HS.  - Chốt, bình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.  **Nhiệm vụ 2:**  **2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Chia sẻ cặp đôi:**  ?Cách ngắt nhịp của câu thơ thứ bảy có gì đặc biệt? Cách ngắt nhịp đó giúp em hình dung như thế nào về tâm trạng của tác giả?  ?Theo em, đại từ “ta” trong câu thơ cuối được hiểu như thế nào?  ? Tình cảm của tác giả thể hiện qua câu thơ cuối là gì?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi cặp đôi, hoàn thành câu trả lời.  GV hỗ trợ nếu cần.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  HS đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của bài thơ?  ?Theo em, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?  ? Bài thơ gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?  ?Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong bài thơ?  ?Sau khi học xong bài thơ, em rút ra lưu ý gì khi đọc hiểu thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.  GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cả lớp. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  **1. Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ.**  - Thời gian: bóng xế tà  - Hình ảnh: cỏ, cây, đá, lá, hoa   * Từ láy: lom khom, lác đác * Điệp từ: chen   🡪Khung cảnh hoang vắng nhưng đầy sức sống của thiên nhiên Đèo Ngang và sự lặng lẽ, đìu hiu của đời sống con người. Qua đó làm nổi bật tâm trạng cô đơn, rợn ngợp trước thiên nhiên bao la của tác giả.   * Biện pháp tu từ:   + Biện pháp đảo ngữ: Cặp câu 3 – 4. Tác dụng: nhấn mạnh vào sự nhỏ bé của con người trước thiên nhiên rộng lớn. Cảnh vật và con người dường như có sự xa cách khiến cho không khí càng thêm hoang vu, cô quạnh. Từ đó, làm rõ tâm trạng cô đơn, lẻ loi và nhớ nước, thương nhà của tác giả.  + Biện pháp nhân hoá: Cặp câu 5 – 6. Tác dụng: nhấn mạnh sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên, đối lập với sự thiếu sức sống của bức tranh sinh hoạt nơi xóm núi.  **2.** **Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  - Ngắt nhịp *Dừng chân đứng lại/trời/non/nước* (4/1/1/1).  🡪tâm trạng: ngập ngừng khi dừng chân, rồi quyết định đứng lại để có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đèo Ngang lúc xế tà. Tác giả cảm thấy cô đơn, rợn ngợp khi nhận ra mình nhỏ bé trước thiên nhiên hùng vĩ “trời, non, nước”.   * Câu: *Một mảnh tình riêng, ta với ta*   + Từ ngữ đặc sắc: *mảnh tình*.  + Cách diễn đạt độc đáo: *ta với ta*.  🡪 Mạch cảm xúc có sự vận động: từ nỗi buồn do ngoại cảnh tác động đến tâm trạng nhớ nước, thương nhà và cuối cùng là sự cô đơn khi đối diện với chính mình, không có đối tượng để chia sẻ.  **III. TỔNG KẾT:**   1. **Nghệ thuật:**   - Thể thơ thất ngôn bát cú được sử dụng điêu luyện.  - Sử dụng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, phép đối hiệu quả.  - Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa.   1. **Nội dung:**   Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thơ khi đứng trước khung cảnh hoang vắng của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà, nhớ nước của một thời quá vãng.   1. **Chiến thuật đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú luật Đường:**   – Xác định đặc trưng thể loại thơ.  – Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.  – Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: Hệ thống lại nội dung bài học theo đặc trưng thể loại bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Em hãy hệ thống lại nội dung bài học theo đặc trưng thể loại bằng sơ đồ tư duy dựa vào khung sơ đồ gợi ý sau:



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS làm việc theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.
* GV theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- **HS** đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, HS cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, hệ thống lại sơ đồ tư duy.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học liên hệ với cuộc sống.

b) Nội dung: Em hãy viết đoạn văn (từ 10-15 dòng) nêu cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên ở đèo Ngang.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện: Học sinh thực hiện ở nhà; GV nhận bài trên Palet và nhận xét, chỉnh sửa cho học sinh.

**\*Lồng ghép giáo dục an ninh - quốc phòng:**

- *GV cho HS xem một số hình ảnh về khung cảnh Đèo Ngang sau đó đặt ra câu hỏi:*

*(?) Đèo Ngang - thắng cảnh nổi tiếng lưu dấu với những tuyệt phẩm về thơ ca. Sau khi tìm hiểu xong về bài thơ Qua Đèo Ngang của bà Huyện Thanh Quan, em thấy được tình yêu thiên nhiên và quê hương của bà, là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em sẽ làm gì để bảo vệ khung cảnh Đèo Ngang nói riêng và các thắng cảnh thiên nhiên nói chung.*

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 21/1/2025**

**Tiết 76**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**VĂN BẢN: LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**-- Hồ Chí Minh--**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**b. Năng lực ngôn ngữ và văn học**

-Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản nghị luận.

- Viết được đoạn văn có nội dung liên quan đến chủ đề của văn bản .

1. **Phẩm chất.**

- Yêu nước: tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- **Chăm chỉ:** Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung sẽ giúp các em rèn luyện, phát triển bản thân để đạt được những thành công lớn lao trong tương lai.

**Tích hợp: GD quốc phòng an ninh (Kể một số tấm gương gan dạ, mưu trí, sáng tạo trong kháng chiến của dân tộc).**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

**b) Nội dung:** GV cho hs chia sẻ cảm nhận sau khi nghe bài hát: Hào khí Việt Nam. (https://youtu.be/\_hzRGz2\_uH0).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: Cảm xúc của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Hãy chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của em sau khi nghe xong bài hát vừa rồi?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV theo dõi, quan sát HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân.

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm nhận của HS:

+ Cảm xúc tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc. Thấy được công lao và sự hi sinh to lớn của cha ông chúng ta.

+ Tự hào hơn về quê hương đất nước.

+ Ý thức được trách nhiệm của bản thân và thế hệ trẻ hôm nay…

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS năm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm.  **Nội dung:** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo sản phẩm, hs khác nhận xét bổ sung.  *Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.*  *- Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.*  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Gv chốt kiến thức  *- Hồ Chí Minh (19.5.1890 - 2.9.1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng Việt Nam.*  *- Hồ Chí Minh có tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung. Quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.*  *- Gia đình: Thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà Nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của Người. Thân mẫu của Người là bà Hoàng Thị Loan.*  *- Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã sử dụng nhiều tên gọi khác nhau: Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc... Tên gọi “Hồ Chí Minh” được sử dụng lần đầu tiên trong hoàn cảnh: Ngày 13 tháng 8 năm 1942, khi Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của cả Việt Minh và Hội Quốc tế Phản Xâm lược Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ của Trung Hoa Dân Quốc.*  *- Không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc, Hồ Chí Minh còn được biết đến với tư cách là một nhà văn, nhà thơ lớn.*  *- Hồ Chí Minh được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thể giới.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc,  -Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành **Phiếu học tập 01**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản: Lòng yêu nước của nhân dân ta** | | | **Xuất xứ** |  | | **Phương thức biểu đạt chính** |  | | **Bố cục** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  -GV chốt kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản: Lòng yêu nước của nhân dân ta** | | | **Xuất xứ** | - Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay).  - Tên bài do người soạn sách đặt. | | **Phương thức biểu đạt chính** | Nghị luận | | **Bố cục** | 3 phần. | | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**   1. **Tác giả: Hồ Chí Minh**   - Tên khai sinh: Nguyễn Sinh Cung (19/5/1890 - 2/9/1969).  - Quê: Xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.  - Người là lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc VN, Danh nhân văn hóa thế giới…  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích.  - Tóm tắt: *Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Từ xưa đến này, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng là tinh thần ấy lại kết thành một làn sóng mạnh mẽ. Lịch sử dân tộc đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại của Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi… Ngày này, đồng bào ta cũng xứng đáng với tổ tiên ngày trước. Từ các cụ già đến trẻ nhỏ, từ kiều bào nước ngoài đến đồng bào bị tạm chiếm đều chung một lòng yêu nước ghét giặc. Tinh thần yêu nước giống như các thứ của quý, mà bổn phận của nhân dân là phải làm cho tinh thần ấy đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.*  **3. Xuất xứ**:Bài văn trích trong Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam (tên gọi từ năm 1951 đến năm 1976 của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay).  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận  **4. Bố cục:**  + Phần 1. Từ đầu đến “ tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước ”:  => Nhận định chung về lòng yêu nước  + Phần 2. Tiếp theo đến “ một dân tộc anh hùng ”.  => Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.  + Phần 3. Còn lại.  => Phát huy tinh thần yêu nước trong mọi công việc kháng chiến. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  – Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.  – Liên hệ, kết nối với VB *Nam quốc sơn hà* và *Qua Đèo Ngang* để hiểu hơn về chủ  điểm *Tình yêu Tổ quốc*.  **Nội dung** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS thực hiện hoạt động cá nhân:  ? Văn bản bàn về vấn đề gì? Nêu luận đề của văn bản.  ? Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của nhân dân ta được thể hiện như thế nào.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  +Lòng yêu nước của nhân dân ta.  + Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  - GV theo dõi, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, *kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước*.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Hoạt động nhóm (5 phút)**  ? Xác định luận điểm, các ý kiến và dẫn chứng có trong văn bản sau đó hoàn thiện **Phiếu học tập số 2**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV theo dõi, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  – Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta. | | 1. **Vấn đề chính của văn bản.**   - Luận đề: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Biểu hiện: Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì lòng yêu nước của nhân dân ta lại trở nên sôi nổi, *kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước*.   1. **Hệ thống luận điểm, ý kiến, dẫn chứng của văn bản.**   – Luận điểm: Lòng yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta. |
| **Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm** | | |
| **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Từ sơ đồ trên, em hãy cho biết mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV theo dõi, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS báo cáo kết quả học tập, hs khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt kiến thức  => Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận:  - Luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.  - Lí lẽ (ý kiến) và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề. | **=> Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm và các ý kiến dẫn chứng trong bài văn nghị luận:**  - Luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận.  - Lí lẽ (ý kiến) và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung**: HS viết đoạn văn ngắn.

**c) Sản phẩm: các đoạn văn học thực hiện được**

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)- HS hoạt động cá nhân**

? Viết 1 đoạn văn khoảng 6 câu, nêu 1 số việc mà em đã hoàn thành tốt và lí giải vì sao những việc làm đó thể hiện tình yêu nước của em.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày đoạn văn của mình

- HS khác nhận xét, góp ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét chung.

Đoạn văn tham khảo:

Tình yêu đất nước là một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp. Đầu tiên, có thể hiểu đơn giản rằng, yêu nước là tình cảm yêu mến, tự hào và gắn bó dành cho đất nước của mình. Đã từ lâu, tinh thần yêu nước trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong quá khứ, tinh thần đó được thể hiện ở lòng căm thù giặc ngoại xâm, sự đồng lòng và quyết tâm đánh bại quân xâm lược, giành lại độc lập chủ quyền cho đất nước. Biết bao nhiêu người con của tổ quốc thân yêu đã ngã xuống, không tiếc tuổi trẻ, không tiếc mạng sống. Ở hiện tại, khi đất nước đã hòa bình, tinh thần đó lại được biểu hiện qua nhiều hành động. Tình yêu dành cho mảnh đất quê hương đã sinh ra và nuôi lớn chúng ta. Hay kiên trì học tập, rèn luyện để trở về xây dựng và phát triển quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ có lối sống lệch lạc, họ chỉ biết chạy theo vật chất, sa ngã vào các tệ nạn xã hội hay có những hành vi chống phá, gây tổn hại đến đất nước. Điều này thật đáng phê phán và cần xử lí nghiêm. Như vậy, mỗi người cần hiểu được rằng tinh thần yêu nước rất quý giá, mà trách nhiệm của mỗi người dân là cần giữ gìn và phát huy được.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Hoàn thành nhiệm vụ của mình là một trong những biểu hiện của lòng yêu nước. Viết một đoạn văn khoảng sáu câu, nêu một số việc mà em đã hoàn thành tốt và lí giải vì sao những việc đó có thể thể hiện lòng yêu nước của em.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **\*Lồng ghép quốc phòng - an ninh:**  ***Lịch sử ta có rất nhiều tấm gương gan dạ, mưu trí và sáng tạo trong kháng chiến dân tộc. Em hãy kể tên một tấm gương biểu hiện cho lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc mà em biết.***  ***Gợi ý trả lời:* Người nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trẻ tuổi nhất - Liệt sĩ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Thị Sáu;** Anh hùng Kim Đồng (tên thật là Nông Văn Dền) ; Anh hùng Nguyễn Bá Ngọc,… | **Gợi ý**  - Về nội dung: HS nêu được một số việc làm đã hoàn thành tốt và lí giải được tại sao những việc làm đó thể hiện lòng yêu nước.  - Về hình thức: Đoạn văn đã đáp ứng được yêu cầu: khoảng sáu câu, có câu chủ đoạn, dùng dấu chấm câu để ngắt đoạn.  ***Đoạn văn tham khảo***  Là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em đã và đang cố gắng hoàn thiện bản thân để có thể thể hiện lòng yêu nước của mình. Với các hoạt động có ích cho xã hội, em đã tham gia các hoạt động tình nguyện, quyên góp giúp đỡ đồng bào, còn tham gia vào các hoạt động dọn dẹp vệ sinh đường phố nơi mình ở hay ở những khu di tích lịch sử của địa phương. Trong học tập, để hoàn thành nguyện vọng đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu của Bác Hồ, em đã luôn tích cực học tập thật tốt để sau này có thể cống hiến thật nhiều cho Tổ quốc, đặc biệt chú trọng đến những môn học mang tính lịch sử đất nước để biết thêm những gian nan đất nước và dân tộc ta đã trải qua, từ đó biết cố gắng hơn trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Đối với các hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, em đã luôn quảng bá những hình ảnh đẹp của đất nước thông qua các trang mạng xã hội. Luôn có ý thức chống lại những hành vi phản quốc và các tệ nạn xã hội, không để bị lợi dụng làm những điều gây tổn hại đến quốc gia. |

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 3/2/2025**

**Tiết 79**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Đảo ngữ: Đặc điểm và tác dụng;**

**Câu hỏi tu từ: Đặc điểm và tác dụng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:** Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe)

- Năng lực văn học

**2. Phẩm chất**

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào giao tiếp, tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

- Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

**2. Học liệu:**

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, ....

- Tranh, ảnh, video liên quan.

- Phiếu học tập

**Phiếu học tập số 1**

**Chỉ ra điểm khác nhau của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** |
| a | a1. Một cành củi khô lạc mấy dòng | a2. Củi một cành khô lạc mấy dòng  (Huy Cận – Tràng Giang) |  |  |
| b | b1. Mái tóc người cha bạc phơ | b2. Bạc phơ mái tóc người cha  Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người  (Tố Hữu - Ba mươi năm đời ta có Đảng) |  |

**Phiếu học tập số 2**

**Chỉ ra điểm giống nhau về mặt hình thức và điểm khác nhau về mục đích của 2 câu trong từng VD. Nêu tác dụng trong cách diễn đạt của câu a2 và b2?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | | | **Giống** | **Khác** |
| a | a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không? | a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được”?  (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng). |  |  |
| b | b1. Em là học sinh trường nào? | b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?”  (Tố Hữu - Người con gái Việt Nam). |

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN.

***Luật chơi:*** Xếp các từ sau thành câu theo các cách khác nhau: *chim, trên, hót, ríu rít, cây.*

HS nào sắp xếp được thành nhiều câu có nghĩa nhất là người chiến thắng. Thời gian: 3 phút.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, sắp xếp các từ thành nhiều câu có nghĩa nhất.

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**

GV thống kê xem HS nào viết được nhiều câu nhất.

GV yêu cầu HS viết được nhiều câu lên bảng ghi lại các câu mình đã viết

HS còn lại đối chiếu, nhận xét, bổ sung các đáp án khác.

**Bước 4:** **Kết luận, nhận định**

Dự kiến sản phẩm:

- Chim hót ríu rít trên cây.

- Chim trên cây hót ríu rít.

- Chim ríu rít hót trên cây.

- Chim trên cây ríu rít hót.

- Trên cây chim hót ríu rít.

- Ríu rít trên cây chim hót.

 GV kết nối, dẫn vào bài mới: *Qua trò chơi ở phần Khởi động chúng ta đã biết có nhiều cách sắp xếp từ. Mỗi một cách sắp xếp có thể tạo thành 1 câu. Vậy trong các câu đó, câu nào là câu sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ. Chúng ta sẽ có được câu trả lời qua bài học ngày hôm nay. Hơn nữa, qua bài học ngày hôm nay chúng ta còn biết thêm kiến thức về câu hỏi tu từ.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

**b) Nội dung:** HS thảo luận cặp đôi để hoàn thành PHT.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 1  ? Qua PHT số 1, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ bằng 1 sơ đồ tư duy?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân -> trao đổi cặp đôi để hoàn thiện PHT số 1  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ tư duy vào vở | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT**  **1. Đảo ngữ: Đặc điểm và tác dụng** |

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** |
| a | a1. Một cành củi khô lạc mấy dòng | a2. Củi một cành khô lạc mấy dòng | a1. Cách diễn đạt thông thường  a2. Thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ | - Nhấn mạnh hình ảnh  - Làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng |
| b | b1. Mái tóc người cha bạc phơ | b2. Bạc phơ mái tóc người cha  Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người  (Tố Hữu) | b1. Cách diễn đạt thông thường  b2. Thay đổi vị trí thành phần trong câu (VN-CN) |

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành PHT số 2  ? Qua PHT số 2, em hãy tóm tắt đặc điểm và tác dụng của câu hỏi tu từ bằng 1 sơ đồ tư duy?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và làm việc cá nhân -> trao đổi cặp đôi để hoàn thiện PHT số 2  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ tư duy vào vở | **2. Câu hỏi tu từ: Đặc điểm và tác dụng** |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ví dụ** | | | **Giống nhau** | **Khác nhau** |
| a | a1. Bạn có thể rời mẹ để đi chơi cùng chúng mình không? | a2. “Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “làm sao có thể rời mẹ mà đến được”?  (Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go, Mây và Sóng) | ***Hình thức:***  câu hỏi (Kết thúc bằng dấu chấm hỏi) | ***Mục đích:***  - a1, b1: hỏi thông tin nhằm mục đích làm sáng tỏ một nội dung nào đó mà người hỏi chờ đợi câu trả lời từ người được hỏi.  - a2: Nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé dành cho mẹ.  b2: Cảm thán, khẳng định vẻ đẹp của cô gái  -> Nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm |
| b | b1. Em là học sinh trường nào? | b2. “Em là ai? Cô gái hay nàng tiên?”  (Tố Hữu - Người con gái Việt Nam) |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về đảo ngữ và câu hỏi tu từ vào việc hoàn thành các bài tập.

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong SGK

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập 1:**  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập số 1  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi: Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận cặp đôi  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các cặp đôi trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Bài tập 1:**  \* Xác định đảo ngữ  a. Lòng nồng nàn yêu nước  -> thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ (Cách nói thông thường: Lòng yêu nước nồng nàn)  b. Đã tan tác những bóng thù hắc ám  Đã sáng lại trời thu tháng Tám  -> Thay đổi vị trí thành phần câu (vị ngữ đứng trước chủ ngữ)  \* Tác dụng  - Nhấn mạnh hình ảnh  - Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng. |
| **Bài tập 2:**  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc lại bài thơ Nam quốc sơ hà  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 người:  a. Xác định câu hỏi tu từ trong bài thơ?  b. Nhận xét hiệu quả của câu hỏi tu từ ấy trong việc thể hiện nội dung của bài thơ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận nhóm  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức. | **Bài tập 2:**  a. Câu hỏi tu từ: “Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?”  b. Tác dụng  - Nhấn mạnh hành động ngang tàng, bạo ngược của giặc ngoại xâm  - Thể hiện thái độ phản đối mạnh mẽ của người viết |
| **Bài tập 3:**  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi bài tập 3  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ -> trả lời  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS trả lời  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức. | **Bài tập 3:**  - Là câu hỏi tu từ  - Cơ sở xác định: Câu hỏi này không nhằm tìm kiếm câu trả lời mà để bộc lộ tình cảm thiết tha của người viết dành cho cốm làng Vòng. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết một văn bản, trong đó sử dụng câu hỏi tu từ và biện pháp tu từ đảo ngữ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**

*Viết đoạn văn (Khoảng 4 đến 5 câu) trong đó có ít nhất 1 câu hỏi tu từ, nêu cảm nhận của em về bài thơ* Qua đèo Ngang*. Sau đó, cho biết câu hỏi ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của đoạn văn.*

(Kĩ thuật “viết tích cực”)

**\*Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn theo yêu cầu:

- Dung lượng đoạn văn từ 4- 5 câu; đảm bảo hình thức đoạn văn.

- Nội dung của đoạn văn: Cảm nhận của em về bài thơ *Qua đèo Ngang*.

- Đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 câu hỏi tu từ.

- Nêu tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong đoạn văn

**\*Bước 3:** **Báo cáo kết quả**

GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn

HS khác nhận xét

(Nếu hết thời gian thì để chữa bài vào tiết sau hoặc dạy chiều)

**\*Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, rút kinh nghiệm đoạn văn của học sinh

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

Tìm thêm và làm các bài tập về đảo ngữ và câu hỏi tu từ

Chuẩn bị nội dung bài đọc mở rộng theo thể loại “*Chạy giặc*” (Nguyễn Đình Chiểu)

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 22/1/2025**

**Tiết 78**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**CHẠY GIẶC**

**Nguyễn Đình Chiểu**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**1.1 Năng lực chung:** tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.

* 1. **Năng lực đặc thù:**

- Xác định đặc trưng thể loại thơ.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Xác định tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Chăm chỉ: ý thức tự giác học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, tranh ảnh liên quan đến bài học.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 Đọc lại văn bản Chạy giặc và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xác định bố cục của bài thơ.

2. Đối chiếu với luật thơ thất ngôn bát cú và trả lời câu hỏi: Bài thơ được làm theo luật bằng hay luật trắc?Phân tích luật, niêm, vần, nhịp, đối của bài thơ Qua Đèo Ngang bằng cách điền vào.

bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Luật |  |
| Niêm |  |
| Vần |  |
| Nhịp |  |
| Đối |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- Dẫn dắt vào bài mới.

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh trả lời trò chơi “Ai là triệu phú”.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:

+ Cách chơi: học sinh xung phong trả lời câu hỏi, trả lời đúng được một tràng vỗ tay

+ Tổ chức: cho cả lớp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS quan sát, lắng nghe trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** GV tổ chức hoạt động- HS trả lời

**Bước 4: Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được một số yếu tố về đặc điểm của thơ Đường luật: số lượng câu, chữ, vần.

- Nhận biết được hình ảnh, tình cảm – cảm xúc mà tác giả muốn gửi đến người đọc .

**b. Nội dung**: Thuyết trình, thảo luận tìm hiểu đặc điểm hình thức và nội dung văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản**  Yêu cầu: đọc to, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ.  **2. Tìm hiểu chú thích:**  GV giải thích thêm một số từ khó  **II. HD HS Suy ngẫm – Phản hồi:**  **\*NV1: HD HS tìm hiểu dấu hiệu nhận biết thể loại:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bước 1.1: Thảo luận nhóm:**  GV chia lớp thành ba nhóm yêu cầu nhóm thảo luận với Phiếu học tập 1  **Nhóm 1:** Tìm bố cục bài thơ  **Nhóm 2:** Chỉ ra đặc điểm thể loại bài thơ  **Nhóm 3:**Tìm hình ảnh đặc sắc, biện pháp tu từ trong bài thơ  Thảo luận trả lời các ý trong phiếu học tập  **Bước 1.2:** GV nêu câu hỏi cho cả lớp  ***?*** *Về hình thức, hai câu tục ngữ số 1 và số 6 có gì khác biệt so với các câu 2,3,4,5?*  Câu 1 rất ngắn gồm 4 chữ, câu 6 câu lục bát.  *? Nêu tác dụng của việc gieo vần trong các câu tục ngữ?*  Tác dụng của vần tạo nên sự hài hòa âm thanh các câu tục ngữ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo tổ, GV gợi ý để trả lời câu hỏi vào phiếu HT  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  a.Bố cục: Bốn phần: đề – thực – luận – kết.  + Đề (câu 1 – 2): giới thiệu tình hình đất nước bị giặc Tây xâm lược.  + Thực (câu 3 – 4): khắc hoạ chi tiết khung cảnh loạn lạc.  + Luận (câu 5 – 6): nhìn vấn đề trong một bối cảnh rộng hơn, sâu sắc hơn.  + Kết (câu 7 – 8): tình cảm yêu nước, thương dân, lo lắng cho vận mệnh đất nước.  - Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng:  + Số câu: 8.  + Số chữ trong câu: 7.  + Niêm: Chữ thứ hai câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 8 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai câu 3 cũng là “bằng”, chữ thứ hai câu 4 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 5 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 6 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 7 cũng là “bằng”.  - Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (*Tây – tay – bay – mây – này*).  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động các nhóm.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**   1. **Đọc** 2. **Chú thích**   **II. Suy ngẫm và phản hồi.**  **1. Đặc điểm hình thức thơ :**  a. Bố cục: Bốn phần: đề – thực – luận – kết.  + Đề (câu 1 – 2): giới thiệu tình hình đất nước bị giặc Tây xâm lược.  + Thực (câu 3 – 4): khắc hoạ chi tiết khung cảnh loạn lạc.  + Luận (câu 5 – 6): nhìn vấn đề trong một bối cảnh rộng hơn, sâu sắc hơn.  + Kết (câu 7 – 8): tình cảm yêu nước, thương dân, lo lắng cho vận mệnh đất nước.  - Đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng:  + Số câu: 8.  + Số chữ trong câu: 7.  + Niêm: Chữ thứ hai câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 8 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai câu 3 cũng là “bằng”, chữ thứ hai câu 4 là “trắc” niêm với chữ thứ hai câu 5 cũng là “trắc”, chữ thứ hai câu 6 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 7 cũng là “bằng”.  - Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1, 2, 4, 6, 8 (*Tây – tay – bay – mây – này*).  - Đối: Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.  - Nhịp: 2/2/3 ở các câu 1, 3, 4, 5, 6 và nhịp 4/3 ở các câu 2, 7, 8 tạo được cảm xúc dồn dập, biến đổi.  => Kết luận: Bài thơ tuân thủ quy định về luật, niêm, vần của một bài thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng theo luật Đường.  **b. Hình ảnh:** chạy giặc của người dân được gợi tả từ *lơ xơ, dáo dác* (từ láy)*, tan bọt nước, nhuốm màu mây* vẽ ra bức tranh loạn lạc, tang thương với những con người yếu ớt, không nơi nương tựa.  **c. Biện pháp tu từ:**  - Đảo ngữ câu 3, 4, 5, 6 nhằm nhấn mạnh sự yếu ớt, không nơi nương tựa của con người trong cảnh loạn lạc.  - Câu hỏi tu từ đặt ra cuối bài thơ câu trả lời đã nằm ngay trong câu hỏi. Tác dụng: nhấn mạnh nội dung người viết gửi gắm: dân tộc này cần người có trách nhiệm đứng ra gánh vác, đối phó với giặc ngoại xâm. |
| **\*NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình cảm – cảm xúc bài thơ:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Tác giả muốn gửi gắm tình cảm gì qua các bài thơ này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời theo cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời các học sinh lần lượt trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  Tác giả bày tỏ sự lo lắng, thương xót cho người dân, cho vận mệnh đất nước, đồng thời thể hiện sự thất vọng, sự trông đợi,…  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá sản phẩm câu trả lời và rút ra kết luận  *Để đọc nhận diện tốt đặc điểm thể loại thơ Đường luật, giáo viên lưu ý HS một số ý đặc điểm hình thức và nội dung.*  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo | **2. Tình cảm, cảm xúc**  *-* Tác giả bày tỏ sự lo lắng, thương xót cho người dân, cho vận mệnh đất nước, đồng thời thể hiện sự thất vọng, sự trông đợi, sự chất vấn,… đối với những “trang dẹp loạn”, những người có khả năng và trách nhiệm trước thời cuộc. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

**-** Củng cố lại kiến thức đã học, tạo không khí lớp học sôi nổi và hào hứng học tập.

**b. Nội dung:**

**-** Gv tổ chức đọc bài thơ Bạn đến chơi nhà để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học về thể loại

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS, thái độ hợp tác.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** *Đọc – phân tích đặc điểm về thể loại bài thơ*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Gv quan sát, gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** Gv tổ chức hoạt động- Hs tham gia trò chơi, trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng (Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức về thể loại các thơ Đường luật đã học vào trong quá trình đọc sách ngày.

**b. Nội dung**: Học sinh hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Trình bày ý kiến của bản thân bằng viết đoạn văn (2-3 câu).

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Sưu tầm kể tên một số bài thơ Đường luật

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh hoàn thành ở nhà.

**B3.** **Báo cáo kết quả:** HS nộp vở có hoàn thành đoạn văn.

**B4. Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét bài HS.

\* **Dặn dò**:

- Về học kĩ nội dung của bài học, nắm chắc đặc điểm hình thức nhận biết thể loại tục ngữ.

- Chuẩn bị cho tiết sau: Đọc trước phần Viết

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 3/2/2025**

**Tiết 80,81**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

## I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

**1. Năng lực**

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của hoạt động.

- Hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Tạo lập văn bản (viết bài văn).

**2 Phẩm chất**

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Máy chiếu, phiếu học tập, bảng, phấn

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh trước khi viết bài

**b. Nội dung:** Xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu video sau và cho HS xem** và yêu cầu trả lời câu hỏi sau khi xem video: em có cảm xúc gì sau khi xem clip?  Bản thân em đã tham gia hoạt động xã hội nào? Cùng chia sẻ suy nghĩ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe bài hát, note nhanh những chi tiết phục vụ cho câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời  Video nói về chuyến hoạt động thiện nguyện của nam ca sĩ đến với trẻ em nghèo vùng cao:  “*Kìa mây, mây ngang đầu, kia núi, núi lô nhô*  *Cùng em trên con đường, đường bé xíu quanh co*  *Băng qua những ngọn đồi*  *Thấy em nghiêng nghiêng cười trong đôi mắt tròn”*  Đoàn đã tận mắt chứng kiến cuộc sống của trẻ em nơi đây, nấu cơm cho các em và hi vọng một tương lai tươi sáng sẽ đến với những các em.  *“Nấu cho các em ăn dù anh không là đầu bếp giỏi (he he) Cũng là cách anh giúp chính mình bớt nghĩ suy cho đầu hết mỏi Anh muốn thấy những vị khách nhỏ ăn hết sạch những đồ ngon thơm*  *Vì anh biết những đứa trẻ này, mai này sẽ xây dựng quê hương”*  Chuyến đi đã để lại anh cũng như đoàn thiện nguyện nhiều suy nghĩ và cảm xúc.  **B4: đánh giá kết luận**  **GV chốt**: Đến với những đứa trẻ vùng cao, nam ca sĩ và đoàn thiện nguyện đã có những cảm xúc khó diễn tả. tận mắt chứng kiến cuộc sống còn khó khăn nhưng dường như sự hồn nhiên trong trẻo của các em vẫn luôn hiện hữu.  Qua hoạt động đó, mọi người đã có những trải nghiệm để lại nhiều suy nghĩ, cảm xúc.  Bản thân chũng ta chắc cũng đã từng tham gia các hoạt động xã hội. CHúng ta hãy cùng chia sẻ trong tiết học hôm nay. |  |

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài

**b. Nội dung:** Nhắc lại kiến thức đã học về kiểu bài.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV giao phiếu học tập:** *Kiểu bài này đã học ở Bài 4 (Sắc thái của tiếng cười). HS thảo luận nhóm trong 5p, nhớ lại kiến thức và hoàn thành bảng sau:*    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận trong 5p  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện nhóm trả lời  **B4: Kết luận, nhận định (GV)** | **I. TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI Một số yêu cầu của kiểu bài**  - Sử dụng ngôi thứ nhất để kể  - Nêu được các thông tin cơ bản:  +Miêu tả quang cảnh  +Không gian diễn ra hoạt động  +Thơi gian diễn ra hoạt động  \* Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí  - Bố cục : 3 phần |

**HOẠT ĐỘNG 3: QUY TRÌNH VIẾT**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS xác định được đề tài sẽ viết.

- HS xác định được bố cục và những chi tiết trong bài viết

- HS viết được bài văn

- HS đánh giá bài làm của mình

**b. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, viết ra giấy note đề tài của mình.

**c. Sản phẩm:** Đề tài cho bài viết.

**d. Tổ chức hoạt động:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV giới thiệu cho hs một số hoạt động và cho hs lựa chọn.  ? Em viết về đề tài gì?  ? VB mà em viết nhằm mục đích gì?  ? Người đọc VB này là ai ?  - GV phát phiếu tìm ý và hoàn thiện phiếu tìm ý  - GV hướng dẫn HS đọc gợi ý trong phiếu  (Hs làm việc cá nhân)  - ND phiếu: Phiếu ghi chép câu chuyện về hoạt động xh mà tôi chứng kiến hoặc tham gia.  **B2 Thực hiện nhiệm vụ:**  Đọc gợi ý và lựa chọn đề tài  Tìm ý bằng cách hoàn thiện phiếu  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  -GV yêu cầu HS báo cáo SP cá nhân  -HS đọc nhanh SP của mình  -HS khác theo dõi và bổ sung ý kiến cho bạn  **B4 : Kết luận, nhận định của GV:**  - Nhận xét thái độ học tập và SP của HS  - Dẫn vào mục lập dàn ý | **II. Quy Trình viết**  **1. Trước khi viết**  - Mục đích viết  - Người đọc  - Đề tài  - Tài liệu thu thập |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu sơ đồ phác thảo tìm ý  - GV yêu cầu HS sắp xếp những ý trong sơ đồ để trở thành dàn ý của bài văn kể chuyện về một hoạt động xã hội.  **B2 . Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ trong vòng 2 phút  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  - HS đọc nhanh sản phẩm  - Chia sẽ ý tưởng của mình cho các bạn góp ý  - HS khác góp ý cho bạn (nếu cần)  **B4. Kết luận và nhận định của GV**  Kết luận và nhận xét | 2. **Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  **-** Gồm những sự việc nào?  - Không ,thời gian diễn ra hoạt động xã hội đó?  - Quang cảnh và con người?  - Suy nghĩ và cảm xúc của em?  **b) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu hoạt động xã hội em sẽ kể, cảm xúc.  - *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc có kết hợp hai yếu tố miêu tả và biểu cảm  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. |
| **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS Dựa vào dàn ý trên: viết hoàn chỉnh bài văn.  Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn  - Thống nhất về ngôi kể  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  GV gọi HS 1-3 em đọc  HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn  **B4: Kết luận và nhận định của GV**  - GV kết luận và giao nhiệm vụ  - HS về nhà hoàn thiện bải văn hoàn chỉnh theo những góp ý | **3. Viết bài**  - Viết theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng những yếu tố miêu tả và biểu cảm |
| **B1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV chiếu bảng kiểm**  - HS trao đổi bài cho nhau  - Dùng bảng kiểm để góp ý  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo yêu cầu cuả GV  **B3: Báo cáo sản phẩm:**  -GV yêu cầu HS nhận xét bài củabạn  - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn .  **B4: Kết luận, nhận định của GV:**  GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết. | **4. Chỉnh sửa bài viết**  - Giáo viên chiếu bảng kiểm để hs đối chiếu và đánh giá. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS khắc sau hơn kiến thức về kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội

**b. Nội dung:** Nhắc lại được tri thức kiểu văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tổ chức trò chơi Mảnh ghép bí mật và cho hs lần lượt lật từng mảnh ghép tương ứng với các câu hỏi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)** GV chốt lại kiến thức | **III. Thực hành**  - Các câu hỏi liên quan đến ngôi kể  - Câu hỏi về bố cục  - Về yêu cầu trong phần thân bài. |

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hs có thể tạo lập văn bản về kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hôi

**b. Nội dung:** nhớ được tri thức kiểu văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:**

| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV giao nhiệm vụ “***Viết bài văn kể lại một lần tham gia “ngày chủ nhật xanh” dọn dẹp rác ở khu phố em ở”***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  -HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)** GV chốt lại kiến thức *Gv dặn dò, chuẩn bị cho tiết nói và nghe.* | - Bài làm của hs |

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 8/2/2025**

**Tiết 83,82**

**NÓI VÀ NGHE**

**NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bài thuyết trình của người khác và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các bài thuyết trình của bạn.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản, tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.

- Biết cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác hoặc tài liệu.

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của cuộc trao đổi.

- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy tính; video.

- Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt nội dung thuyết trình do người khác trình bày.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hào hứng đầu tiết học, kết nối kiến thức đời sống vào tiết học.

**b. Nội dung:** Học sinh quan sát video và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- Gv chiếu video

- Hs vừa lắng nghe vừa ghi tóm tắt lại những hoạt động có ích với cộng đồng mà thanh niên quận Lê Chân đã làm trong video vào giấy note.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** quan sát, lắng nghe và ghi lại

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- HS trình bày cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết luận:** Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài:

Gv giới thiệu bài: *Bản thân chúng ta đã tham gia nhiều hoạt động có ích vì cộng đồng, trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng chia sẻ về những việc làm đó trong hoạt động Nói và nghe: Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Nắm được nội dung thuyết trình của người khác.

- Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

**b. Nội dung**

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản bài thuyết trình về những hoạt động xã hội có ích với cộng đồng.

- Tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.

- Biết cách tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**c. Sản phẩm học tập:** Phần tóm tắt của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE** | |
| **a. Mục tiêu:** Hs biết các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác  **b. Nội dung:**  - Biết các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác. | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HĐCĐ: Trình bày cụ thể nhiệm vụ các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác:   |  |  | | --- | --- | | **Bước 1. Chuẩn bị trước khi nghe**  - Đọc lại bài viết kể lại 1 hoạt động xã hội có ý nghĩa với cộng đồng đã thực hành ở hoạt động Viết.  - Liệt kê các ý sẽ trình bày trong bài nói của mình | | | **Bước 2: Nghe và ghi tóm tắt** | | | Cách thức tóm tắt | - Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, sử dụng từ khóa, cụm từ  - Sử dụng kí hiệu, gạch đầu dòng để làm nổi bật ý.  - Viết dưới dạng sơ đồ | | Chú ý nói | - Phần mở đầu, kết thúc.  - Những phần được lặp lại trong thân bài  - Tốc độ nói  - Từ khóa của bài nói  - Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, kí hiệu… (nếu có) |   **Bước 3: Trao đổi**  - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa (nếu cần)  - Xác định với người nói về nội dung vừa tóm tắt. Trao đổi với người nói về ý kiến chưa rõ hoặc có quan điểm khác.  - Trao đổi phần ghi tóm tắt với những người nghe khác để chỉnh sửa cho chính xác. |
| **II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**   |  |  | | --- | --- | | **a. Mục tiêu**  - Nắm được nội dung thuyết trình của người khác.  - Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác  **b. Nội dung**  - Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản bài thuyết trình về những hoạt động xã hội có ích với cộng đồng.  - Tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.  - Biết cách tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác. | | | **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** | | **\* Nhiệm vụ 1: Tổ chức cho hs trình bày bài thuyết trình.**  - Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm.  - Sau đó gọi 1,2 học sinh trình bày bài nói đã chuẩn bị trước lớp.  - Học sinh còn lại ghi chép, tóm tắt bài trình bày của bạn.  - Đọc lại, chỉnh sửa bài tóm tắt của mình.  **\* Nhiệm vụ 2: Tổ chức cho hs trao đổi.**  **Bước 1:** Gv yêu cầu hs trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs đọc lại bài thuyết trình của mình.  - Lắng nghe bài thuyết trình của bạn và tóm tắt bài của bạn.  - Ghi phần tóm tắt và những gì cần trao đổi với bạn lại vào giấy note. (dựa vào bảng kiểm để tóm tắt)  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm và trong lớp.  - Đọc phần tóm tắt của mình trong nhóm/ lớp.  - Tiến hành đánh giá chéo dựa vào bảng kiểm.  **C:\Users\PC\Desktop\a.png**  **Bước 4. Đánh giá kết luận**  - Nhận xét về phần tóm tắt của hs theo bảng kiểm.  - Có thể cho điểm nếu cần.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | Phần thực hành: Bài tóm tắt nội dung thuyết trình của hs | | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập dưới dạng trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- GV trình chiếu hệ thống câu hỏi, yêu cầu hs trả lời

**Câu 1:** Hoạt động Nói và nghe trải qua mấy bước?

A. 3 bước: chuẩn bị trước khi nghe, nghe và ghi chép, đọc lại và chỉnh sửa

B. 3 bước: nghe, ghi tóm tắt và trao đổi.

C. 2 bước: chuẩn bị trước khi nghe và thực hành nói nghe

D. 2 bước: lắng nghe và ghi tóm tắt.

**Câu 2:** Đâu không phải là những lưu ý khi nghe?

A. Tập trung lắng nghe nội dung, chú ý vào ý chính của bài nói.

B. Chú ý vào trang phục, đạo cụ, cử chỉ, hành động của người nói.

C. Chú ý phần mở đầu và kết thúc; những từ khoá, các phần được lặp đi lặp lại trong bài.

D. Chú ý tốc độ nói; các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: sơ đồ, hình ảnh…

**Câu 3:** Khi ghi chép, cần chú ý điều gì?

A. Ghi ngắn gọn bằng ngôn từ của mình, dưới dạng cụm từ, từ khoá; sử dụng các kí hiệu; ghi theo kiểu sơ đồ.

B. Chú ý ghi theo kiểu sơ đồ, trang trí cho sơ đồ ấn tượng để dễ nhớ.

C. Cố gắng ghi nhanh và chi tiết nội dung mà người nói đã trình bày bằng ngôn từ của mình.

D. Chỉ lựa chọn chi tiết, sự việc quan trọng nhất để ghi lại.

**Câu 4:** Vì sao sau khi ghi chép nội dung cần tóm tắt lại phải đọc lại và chỉnh sửa?

A. Để dễ trao đổi với người nói về nội dung muốn trao đổi.

B. Để làm cho bài tóm tắt được hoàn chỉnh và đầy đủ hơn.

C. Để khắc phục việc ghi chép thiếu và chưa chính xác.

D. Để dễ trao đổi với những người nghe khác về nội dung muốn trao đổi.

**Câu 5:** Khi trao đổi với người nói, em nên có thái độ như thế nào?

A. Thái độ nghiêm túc để người nghe có thể thấy được vấn đề cần chỉnh sửa.

B. Thái độ thẳng thắn, nghiêm túc, không nên nể nang.

C. Thái độ nhẹ nhàng, không nên chê mà chỉ khen bạn.

D. Thái độ nhẹ nhàng, góp ý chân thành, có tinh thần học hỏi, không nên soi mói.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ các câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Gọi học sinh trả lời.

**\* Đánh giá kết luận:** Gv nhận xét tinh thần và thái độ học tập của Hs.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng nội dung đã học để tiếp tục hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung**

- Hs tiếp tục hoàn thành bài tóm tắt, trao đổi để chỉnh sửa với nhau.

**c. Sản phẩm học tập:** bài tóm tắt hoàn chỉnh của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- Yêu cầu học sinh tiếp tục hoàn thành bài tóm tắt của mình ở nhà.

- Tiếp tục trao đổi trong nhóm với nhau về bài tóm tắt của mình, chỉnh sửa cho hoàn chỉnh.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs tiếp tục trao đổi, tóm tắt ở nhà.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** nhờ chính tác giả trình bày bài thuyết trình nhận xét bài tóm tắt.

**\* Đánh giá kết luận:** Gv đánh giá tinh thần và ý thức học tập của học sinh.

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 8/2/2025**

**Tiết 84**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- **Năng lực ngôn ngữ:**

+ Nắm bắt nội dung các văn bản đã học.

**- Năng lực văn học:**

+ Nhận biết được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt đường luật.

+ Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

+ Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.

+ Nhận biết được cách dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả 2 yếu tố ấy trong bài văn kể lại một hoạt động xã hội .

+ Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Yêu quê hương, đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với công việc chung.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự hệ thống lại kiến thức của chủ đề 6.

- Chủ động ôn tập, tự học.

**b. Nội dung:** HS đọc lại các văn bản, kiến thức trong chủ đề và hoàn thành phiếu học tập, câu hỏi trong SGK/ 43.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ học tập:**

**Nhiệm vụ 1:** GV phát phiếu học tập cho HS

**1. Phần Đọc**

- Hoàn thành PHT sau:

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thơ tứ tuyệt** | | **Thơ thất ngôn bát cú** | |
| **Bố cục** | **Chức năng** | **Bố cục** | **Chức năng** |
| Câu 1 (Khai) |  |  |  |
| Câu 2 (Thừa) |  |  |  |
| Câu 3 (Chuyển) |  |  |  |
| Câu 4 (Hợp) |  |  |  |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản | Từ ngữ, hình ảnh | Mạch cảm xúc | Cảm hứng chủ đạo |
| Nam quốc sơn hà |  |  |  |
| Qua Đèo Ngang |  |  |  |
| Chạy giặc |  |  |  |

- Trả lời câu hỏi 3 trong SGK

**2. Phần Tiếng Việt:** Trả lời câu hỏi 4, 5 SGK

**3. Phần Viết, Nói và nghe:** Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu trong SGK

**- Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS hoàn thành các câu hỏi, PHT ở nhà theo yêu cầu.

**-** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**: HS nộp bài và báo cáo GV.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Mức độ hoàn thành phiếu học tập của HS:

+ Đạt: từ 80% nội dung bài học trở lên.

+ Chưa đạt: dưới 80% nội dung bài học. GV yêu cầu HS bổ sung

**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**

**-** Tạo hứng thú cho học sinh đầu tiết học.

- Hệ thống một số kiến thức cơ bản trong chủ đề.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi theo hình thức cá nhân.

- GV hướng dẫn cách chơi cho hs, trình chiếu câu hỏi trên màn hình.

- Yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời, mỗi câu suy nghĩ trong 15s.

**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Hs trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, gợi mở

**B 3: Báo cáo**

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs trả lời các câu hỏi.

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Câu 1:** Bài thơ thất ngôn bát cú có:

A. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có 8 chữ B. Mỗi bài có 8 câu, mỗi câu có bảy chữ

C. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 8 chữ D. Mỗi bài có 7 câu, mỗi câu có 7 chữ

**Câu 2:** Thi luật của bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường có:

A. bố cục, luật, niêm B. bố cục, vần, luật, niêm

C. bố cục, niêm, đối, vần D. bố cục, luật, niêm, vần, đối

**Câu 3:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong 2 câu thơ sau:

*“Lom khom dưới núi, tiều vài chú*

*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*

(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

A. Câu hỏi tu từ B. Đảo ngữ C. Nhân hóa D. So sánh

**Câu 4:** Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội sử dụng ngôi thứ mấy để kể?

A. Ngôi thứ nhất hoặc thứ 3 B. Ngôi thứ 3

C. Ngôi thứ 2 D. Ngôi thứ nhất

**Câu 5:** Phần mở của bài văn kể lại một hoạt động xã hội cần đáp ứng yêu cầu gì?

A. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã tham gia

B. Giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc

C. Giới thiệu một hoạt động xã hội được chứng kiến

D. Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra hoạt động xã hội

**Câu 6:** Tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác gồm mấy phần?

A. 5 phần B. 4 phần C. 3 phần D. 2 phần

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ câu hỏi.

**\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Trả lời câu hỏi cá nhân.

**\* Đánh giá kết luận:** GV nhận xét, đánh giá tinh thần học tập của cả lớp.

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**1. Ôn tập phần Đọc**

**a. Mục tiêu**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường qua các văn bản đã học.

- Ôn tập được đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.

**b. Nội dung**

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

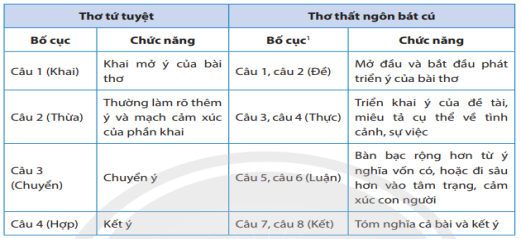
**B1. Giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ 1:**

- Yêu cầu hs đọc bài tập 1, 2 làm việc nhóm và hoàn thiện bảng so sánh theo mẫu

**Gợi ý**

**Phiếu học tập số 1**



**Phiếu học tập số 2**



**Nhiệm vụ 2:**

- Yêu cầu hs đọc bài tập 3, SGK/16, làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập

**Định hướng trả lời**

Bố cục 2 phần:

- Câu 1 – 2 tả khung cảnh thiên nhiên thơ mộng

- Câu 3 – 4 khắc họa hình ảnh con người ưu tú vì dân vì nước

- Niêm: chữ thứ hai của câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”

- Luật: Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc vần bằng theo luật Đường

- Vần: chỉ hiệp theo một vần ở các câu 1,2 và 4 (xa-hoa-nhà)

- Nhịp: cách ngắt nhịp 3/4 ở câu đầu “Tiếng suối trong/ như tiếng hát xa” và nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 ở các câu sau. Sự chuyển nhịp này góp phần tạo nét sinh động, duyên dáng cho bài thơ

- Đối: Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú

**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- HS làm việc nhóm, trao đổi với bạn cùng bàn, làm việc nhóm để hoàn thành 2 bài tập.

- Hs trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, gợi mở

**B 3: Báo cáo**

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs đại diện nhóm trả lời các câu hỏi và phiếu HT.

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**2. Ôn tập phần Tiếng Việt**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ và tác dụng của đảo ngữ trong câu.

- Nhận biết được câu hỏi tu từ và hiệu quả sử dụng của nó trong đoạn thơ

**b. Nội dung:** Hs làm bài tập 4,5 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Giao nhiệm vụ**

**\* Nhiệm vụ 1:** Gv yêu cầu hs đọc bài 4 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương xuất hiện đảo ngữ ở cả trong cụm từ và trong câu thơ. Ở cấp độ cụm từ, tác giả đã đảo vị trí của từ “rêu” lên trước “từng đám” và đảo từ “đá” lên trước “mấy hòn” (cách diễn đạt thông thường là “từng đám rêu”, “mấy hòn đá”). Ở cấp độ câu, tác giả đã đảo vị trí của vị ngữ (“xiên ngang mặt đất”, “đâm toạc chân mây”) lên trước chủ ngữ (“rêu” và “đá”). Cách diễn đạt thông thường trong trường hợp này là: Từng đám rêu xiên ngang mặt đất/ Mấy hòn đá đâm toạc chân mây. Việc thay đổi vị trí này có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.

**\* Nhiệm vụ 2:** Gv yêu cầu hs đọc bài 5 trong SGK và trả lời câu hỏi.

Câu hỏi trong đoạn thơ chính là câu hỏi tu từ, vì câu hỏi này không được dùng để hỏi, để tìm kiếm câu trả lời, mà để nhấn mạnh cảm xúc bồi hồi nhớ thương, tiếc nuối những hình ảnh đẹp của những con người đã qua, không còn gặp lại.

**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Hs trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, gợi mở

**B 3: Báo cáo**

- Gv tổ chức hoạt động: gọi hs trả lời các câu hỏi.

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**3. Ôn tập phần Viết, Nói-nghe**

**a. Mục tiêu**

- Rút ra được bài học khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng.

- Nêu được ít nhất 2 kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày.

**b. Nội dung:** Hs làm bài tập 6,7 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Giao nhiệm vụ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv - Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh đọc bài tập 6, 7 SGK/16 và trao đổi cặp đôi:  + Rút ra bài học gì khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng?  + Nêu ít nhất 2 kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi cặp đôi.  - GV quan sát, gợi mở  **B 3: Báo cáo**  - Gv gọi hs trả lời các câu hỏi.  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B 4: Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Bài 6: Bài học khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng:**  - Chọn 1 hoạt động XH phải thú vị và có ý nghĩa tích cực với cộng đồng.  - Sử dụng ngôi thứ nhất.  - Kết hợp miêu tả và biểu cảm để hỗ trợ cho việc kể.  - Bố cục gồm 3 phần: MB, TB, KB  **\* Bài 7: Kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình do người khác trình bày:**  - Bài tóm tắt đảm bảo thể hiện đầy đủ, chính xác phần trình bày của người nói.  - Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng từ khoá, sơ đồ.  - Các ý được tóm tắt rõ ràng, mạch lạc. |

**4. Ý nghĩa của chủ đề**

**a. Mục tiêu**

- Biết được tình yêu Tổ quốc có ý nghĩa vô cùng thiêng liêng và cao quý trong mỗi người dân của đất nước .

- Trả lời được câu hỏi lớn của chủ đề.

**b. Nội dung:** Hs làm bài tập 8 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Giao nhiệm vụ**

- Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi lớn cho chủ đề bằng cách làm BT số 8.

**Gợi ý**

Yêu Tổ quốc là yêu nguồn cội của mình; yêu mảnh đất, con người, lịch sử, văn hóa đã sản sinh, nuôi dưỡng mình và đồng bào mình. Yêu Tổ quốc là đấu tranh cho những điều tốt đẹp được gìn giữ và sinh sôi, loại bỏ những cái xấu đang kìm hãm đất nước phát triển.

**B 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ quan điểm của cá nhân.

**B 3: Báo cáo**

- Gv gọi hs chia sẻ quan điểm về câu hỏi.

**B 4: Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

- Từ chủ đề đã học, học sinh vận dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

**b. Nội dung**

- Hs tham gia một hoạt động cộng đồng có ích cho nhà trường hoặc địa phương nơi sinh sống thể hiện ý thức trách nhiệm và tình yêu đối với quê hương.

**c. Sản phẩm học tập:** những hình ảnh tham gia hoạt động cộng đồng có ích.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Giao nhiệm vụ**

- Em hãy tham gia một hoạt động cộng đồng có ích ở nhà trường hay địa phương.

- Sản phẩm là ảnh/ clip về hoạt động em đã tham gia.

- Nộp sản phẩm vào tiết học sau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**B3: Báo cáo:** HS trưng bày sản phẩm vào tiết sau hoặc nộp bài cho GV qua zalo lớp học.

**B4: Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét tinh thần học tập của hs.

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 11/2/2025**

**Tiết 85,86,87**

BÀI 7: YÊU THƯƠNG VÀ HY VỌNG (Truyện)

**VĂN BẢN 1: “BỒNG CHANH ĐỎ”**

**Đỗ Chu**

****

1. **Mục tiêu**
2. **Năng lực**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

1. **Phẩm chất**

- Yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Tôn trọng sự sống, tự do muôn loài

1. **Thiết bị dạy học và học liệu:**

**- Giáo viên:**

+ KHBD, SGK, SGV, bảng thông minh.

+ Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

+ Bảng phân công cho học sinh hoạt động ở nhà.

**- Học sinh:** SGK, soạn bài theo nội dung hướng dẫn học bài, vở ghi,...

1. **Tiến trình dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  **-** GV tổ chức cho học sinh xem video về việc nuôi giữ các loài động vật hoang dã.  **-** GV hỏi: *Chúng ta có nên nuôi giữ trái phép động vật hoang dã hay không?*  - HS trình bày suy nghĩ cá nhân.  **- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:** *Chúng ta không nên nuôi nhốt các loài động vật hoang dã vì không phải giống loài động vật nào cũng phù hợp với môi trường của con người hay những hộ gia đình xung quanh sẽ làm ảnh hưởng tới sức khỏe, bản năng và thần kinh của động vật. Vậy nên tùy giống loài và được nhà nước không cấm hay thuộc vào loài động vật quý hiếm chúng ta có thể nuôi nhưng tạo môi trường thoải mái, không nên bạo hành hay hành hạ chúng. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về một loài chim hoang dã và cùng xem rắng chúng ta có nên nuôi giữ chúng không nhé!*  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**   * 1. **Giới thiệu tri thức ngữ văn**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **Nhiệm vụ 1:** HS nhắc lại các yếu tố đặc trưng của truyện đã được học.  - **Nhiệm vụ 2:** Thực hiện hoạt động Think-pair-share.  **+ THINK:** HS suy nghĩ trong 2 phút, dựa vào phần tìm hiểu ở nhà để hoàn thành *Phiếu học tập số 1* (Tìm hiểu tri thức thể loại truyện)  **+ PAIR:** Sau đó, HS trao đổi với bạn bên cạnh kết quả bài làm của mình.  **+ SHARE:** Một vài HS chia sẻ kết quả cuối cùng sau khi đã thảo luận với bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Nhiệm vụ 1: HS suy nghĩ cá nhân.  - Nhiệm vụ 2: HS thực hiện nhiệm vụ trong 2 phút.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** Nhiệm vụ 1: HS trả lời ngay sau khi GV phát vấn.  - Nhiệm vụ 2: Sau khi thảo luận, 02 đến 03 HS báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS khác nhận xét  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cung cấp thêm thông tin về:  + Nhân vật chính  + Chi tiết tiêu biểu  + Tư tưởng của truyện   * 1. **Đọc văn bản**  1. **Đọc - hiểu chú thích**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Gv yêu cầu hs đọc và tóm tắt văn bản trước khi đến lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Trên lớp, GV đọc mẫu một đoạn, HS đọc thành tiếng một số đoạn tiêu biểu.  - HS sử dụng chiến thuật *theo dõi, ghi chú, dự đoán*, đánh dấu chi tiết thể hiện lời nói thái độ cử chỉ dự đoán tính cách nhân vật.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của GV.  - Với mỗi đoạn có thẻ theo dõi, tưởng tượng, hình dung, HS dừng lại trả lời câu hỏi (nếu có).  - HS khác nhận xét về cách đọc của bạn dựa vào bảng kiểm (Phần phụ lục)  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá cách đọc   1. **Tác giả, tác phẩm**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc thầm phần thông tin về tác giả trong SGK, sau đó trình bày khái quát những thông tin em ghi nhớ được về tác giả, tác phẩm.  *Em hãy tóm tắt văn bản “Bồng chanh đỏ”?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **-** Một vài HS chia sẻ kết quả của mình.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** Một vài HS chia sẻ kết quả của mình  + Tên thật là Chu Bá Bình  + Sinh năm 1944 tại Bắc Giang.  + Các tác phẩm của ông rất giàu chất thơ  + Tác phẩm tiêu biểu: Hương cỏ mật ( 1963 ), Phù sa ( 1966 ), Gió qua thung lũng ( 1971 )...  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS nhận xét chéo, GV nhận xét, kết luận.   * 1. **Khám phá văn bản**      1. **Bối cảnh truyện, cốt truyện**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về câu chuyện.  \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của Mon lên màn hình.  - Theo em, có mấy sự kiện trong câu chuyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*Anh Hiền xuýt xoa… làm dáng*”).  - HS quan sát những chi tiết trong SGK  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** Một vài HS chia sẻ kết quả của mình  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS nhận xét chéo, GV nhận xét, kết luận.  - Nhận xét câu trả lời của HS   * + 1. **Ngôi kể, lời kể**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **H:** *Truyện kể theo ngôi thứ mấy? Dựa vào đâu mà em biết?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV có thể giảng thêm về ý nghĩa của việc nhận diện lời người kể, lời nhân vật:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** Một vài HS chia sẻ kết quả của mình  Đây là chìa khóa giúp người đọc hiểu được tác phẩm. Đồng thời kết nối với phần Tiếng Việt, nhắc lại công dụng dấu gạch ngang: đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  - HS nhận xét chéo, GV nhận xét, kết luận   * + 1. **Nhân vật Hoài**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Lớp học chia thành 2 nhóm, thực hiện 2 nhiệm vụ trước khi đến lớp.  - **Nhiệm vụ 1** – Nhóm 1: Tìm hiểu nhân vật Hoài.  - **Nhiệm vụ 2** – Nhóm 2: So sánh hai nhân vật Hoài và Hiền  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận và thống nhất kết quả trước khi đến lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Mỗi nhóm báo cáo kết quả trong 10 phút      **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận.**  Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, HS khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, kết luận.   * + 1. **Chi tiết tiêu biểu**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Em hãy thử lựa chọn ra một vài chi tiết tiêu biểu và cho biết ý nghĩa của chúng?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **Tổng kết:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **Nhiệm vụ 1:** Nhân xét về nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật  *? Nhà văn khắc họa nhân vật Hoài và Hiền qua những yếu tố nào?*  *? Qua những yếu tố đó, nhân vật Hoài và Hiền hiện lên với những đặc điểm tính cách nào?*  - Tính cách hai nhân vật được tái hiện qua ngoại hình, hành động, cử chỉ, lời nói, thái độ, suy nghĩ, cảm xúc...  **- Nhiệm vụ 2:** Xác định đề tài, chủ đề của truyện; suy nghĩ về những bài học cuộc sống được gợi ra từ truyện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận  **Hoạt động 3: Luyện tập- Vận dụng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ cho HS  ***Cho biết chủ đề câu chuyện và căn cứ vào đâu mà em xác định được chủ đề?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận | **I. Tri thức ngữ văn**  -Bên cạnh *cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời kể*, thể loại truyện còn có những yếu tố quan trọng như:  + Nhân vật chính: Là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề truyện.  + Chi tiết tiêu biểu: Là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mĩ vượt trội trong truyện  + Tư tưởng của tác phẩm văn học:  Là sự nhận thức, lý giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung tác phẩm cũng như vấn đề cuộc sống mà con người đặt ra trong tác phẩm.  **II. Trải nghiệm cùng văn bản**   1. **Đọc - hiểu chú thích** 2. **Tác giả, tác phẩm** 3. **Tác giả**   + Tên thật là Chu Bá Bình  + Sinh năm 1944 tại Bắc Giang.  + Các tác phẩm của ông rất giàu chất thơ  + Tác phẩm tiêu biểu: Hương cỏ mật ( 1963 ), Phù sa ( 1966 ), Gió qua thung lũng ( 1971 )...   1. **Tác phẩm**   + Xuất xứ: Văn bản trên được trích từ phần 1, 2, 3 trong tập truyện cùng tên của tác giả Đỗ Chu.  + Thể loại: truyện ngắn.  **\* Tóm tắt văn bản:**  Truyện Bồng chanh đỏ của nhà văn Đỗ Chu kể về những kỉ niệm thời thơ ấu của anh em Hiền và Hoàn cùng đôi chim Bồng chanh đỏ. Bắt đầu bằng bức thư Hiền gửi Hoàn khi đi đóng quân ở dãy Trường Sơn và sau đó là những hồi tưởng của cả hai anh em về đôi bồng chanh đỏ mà mình gặp khi còn nhỏ. Hiền là một người mê chim và có kiến thức rất sâu rộng về các loài chim nên có sở thích tìm và bắt nuôi những chú chim lạ, sở thích này của Hiền đã ảnh hưởng tới em trai là Hoàn nên Hoàn cũng thường đi theo anh để ngắm và bắt chim. Một ngày nọ, hai anh em tìm thấy một đôi chim bồng chanh đỏ sống ở đầm sen ở làng. Vì quá yêu thích nên ngày nào hai anh em cũng ra ngắm chúng và xuýt xoa muốn được nuôi chúng, đặc biệt là Hiền. Không thể chờ đợi lâu, một buổi khi trời chập tối sau khi ăn cơm xong Hiền đã rủ em trai ra đầm để bắt đôi bồng chanh đỏ đó. Hai anh em thay nhau thò tay vào trong tổ để bắt chim, khó khăn lắm Hiền mới bắt được một chú, nhưng khi Hoàn đang sung sướng vì bắt được bồng chanh đỏ thì Hiền lại giằng lại con chim vừa bắt và để lại vào tổ, điều này khiến Hoàn không can tâm. Nhưng cuối cùng Hoàn cũng đã hiểu vì sao anh mình lại làm thế, bởi vì tổ của chúng còn có đàn con nhỏ. Nhưng cho đến mãi về sau hai anh em vẫn vô cùng yêu thích đôi bồng chanh đỏ đó và mong muốn nó sẽ sống ở đầm sen của làng mình mãi. Trước khi đi nhập ngũ, Hiền còn trả tự do cho tất cả những chú chim mình nuôi. Có lẽ khi trưởng thành, cậu nhận ra khi yêu thích một cái gì đó phải cho nó có được cuộc sống hạnh phúc đúng nghĩa, chứ không phải là chiếm hữu.  **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1.Bối cảnh truyện, cốt truyện**  Sự việc 1: Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước.  Sự việc 2: Khi Hoài đi bắt chim với anh Hiền trong đêm.  Sự việc 3: Khi Hoài ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về chỗ cũ.  **1. Ngôi kể, lời kể**  - Ngôi thứ nhất (Người kể chuyện  xuất hiện, kể lại câu chuyện của chính  mình.)  - Dấu hiệu nhận biết:  *+* Nội dung:  + Người kể gọi nhân vật bằng chính  tên của họ, dẫn dắt các sự việc, miêu  tả các hành động, cử chỉ, lời nói của  nhân vật.  + Truyền đạt lời nói của nhân vật (kể,  hỏi, cảm thán, yêu cầu...)  *+ Hình thức:*  ++ Thường là câu trần thuật, kết thúc  câu bằng dấu chấm.  + Nhân vật xưng “tôi”.  + Lời nhân vật:Thường đứng sau dấu  gạch ngang đầu dòng.   1. **Nhân vật Hoài**   \*So sánh hai nhân vật: Hiền và Hoài  \* Giống:  \_ Về tình cảm: Đều yêu mến chim bồng  chanh đỏ.  \_ Về suy nghĩ: Đều có ý định ban đầu là  bằng mọi cách phải sở hữu được loài  chim quý này.  \* Khác   |  |  | | --- | --- | | ***Hiền*** | ***Hoài*** | | - Chín chắn, chững  chạc và ý thức  về việc tôn trọng  quyền tự do của chim bồng chanh trước  chú bé Hoài.  Anh chính là người  phân tích để Hoài  hiểu tại sao không  nên bắt chim về  nhà nuôi.  - Hiền có hành động quyết liệt trong việc ngăn cản Hoài bắt chim bồng chanh lần  thứ 2. Đó là hành động bảo vệ dựa trên  sự yêu thương  và hiểu biết. | Trẻ con. Chưa ý  thức được việc  tôn trọng quyền tự do của chim bồng  chanh. |  1. **Chi tiết tiêu biểu**     **\* Tổng kết**  **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng ngôn từ giản dị, thân thuộc.  **- Nội dung:**  Tác phẩm kể về kỉ niệm đáng nhớ thời thơ ấu của cậu bé Hoài cùng người anh trai tên Hiền, hai anh em đều là những người rất thích và luôn tìm tòi, khám về thế giới của các loài chim. Qua đây ta có thể thấy hai anh em Hiên và Hoài là những người rất yêu thương động vật, đồng thời tác giả cũng muốn gửi gắm tới độc giả thông điệp: Hãy biết yêu thương, trân trọng và đừng làm tổn hại tới động vật, bởi chúng cũng giống con người, cũng biết đau, biết buồn, biết cả tổn thương.   1. **Luyện tập - Vận dụng**   ***Đề bài: Cho biết chủ đề câu chuyện và căn cứ vào đâu mà em xác định được chủ đề?*** |

Vận dụng:

Câu hỏi 1: Hiền và Hoài đã có thâí độ như thế nào khi gia đình chim bồng chanh đỏ đi

nơi khác? Điều đó khiến em suy nghĩ gì về tình cảm của con người với thế giới loài vật?

Câu hỏi 2:

* 1. Hãy chia sẻ một kỉ niệm của em với con vật mà em yêu quý, đồng thời bày

tỏ cảm xúc của em khi nhớ lại kỉ niệm đó (Chẳng hạn: mất đi con vật nuôi, lạc mất con

vật nuôi và tìm lại được...).

* 1. Cảm xúc của em khi ấy có điểm gì chung với Hoài và Hiền khi khi chứng

kiến chim bồng chanh đỏ phải tha con đi nơi khác làm tổ?

**\* Hướng dẫn về nhà:**

**- Bài vừa học:**

+ Hoàn thiện bài tập.

+ Tóm tắt văn bản.

**- Bài của tiết sau*:*** Chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài ***“Bố của Xi-mông”.***

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 12/2/2025**

**Tiết 88,89**

**BÀI 7. YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG**

**VĂN BẢN 2: BỐ CỦA XI-MÔNG**

**(2 tiết)**

1. **MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Kĩ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản truyện

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

**2. Về phẩm chất:**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động, yêu thương gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ, phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG***(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận của em về một thành viên trong gia đinh mà bản thân yêu quý nhất.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: Cảm xúc của HS...

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Em hãy chia sẻ cảm nhận của em về một thành viên trong gia đình mà bản thân yêu quý nhất**.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

- GV theo dõi, quan sát HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm xúc của HS:

+ Những suy nghĩ, cảm xức, những kỉ niệm đẹp,…..

+ Cách để bày tỏ tình yêu thương

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2**: **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản .**

**1. Đọc văn bản:**

**2. Tìm hiểu chung:**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Phần đọc của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**    - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc, chú ý các chỉ dẫn trong các ô màu bên phải trang sách – kĩ năng theo dõi. Sau quá trình đọc thì xác định tác giả, xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS chia sẻ với bạn bè những cảm nhận của mình sau khi đọc xong văn bản  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  - **Tác giả**: xem SGK  - **Xuất xứ**: xem SGK  - **Thể loại**: truyện  - **Pt biểu đạt:** tự sự  **- Bố cục:** 2 phần |

**II. Suy ngẫm và phản hồi .**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản truyện.

- Thông hiểu nội dung chính của văn bản. Nội dung đó được thể hiện qua những chi tiết nào?

- Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng, tư tưởng trong văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trình bày sản phẩm

**c. Sản phẩm học tập:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm.  **Nhóm 1 trả lời câu hỏi 1 và 2**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS thảo luận 8 phút hoàn thành phiếu học tập.  *Câu hỏi gợi ý:*  1. Câu chuyện kể về ai/ về việc gì?.  2. Đọc kĩ nội dung văn bản và bám sát nội dung bảng gợi ý trong SGK.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phiếu học tập số 1 | | | | **Yếu tố so sánh** | **Lần đầu** | **Những lần khác** | | Bối cảnh |  |  | | Người đưa ra đề nghị |  |  | | Câu nói của của bác Philip khi nhận lời |  |  | | Phản ứng của chị Blăng – sốt |  |  | | Cậu thông báo của Xi – mông với các bạn học |  |  | | Phản ứng của các bạn học |  |  |   **Nhóm 2 trả lời câu hỏi 3 và 4**  - GV phát giấy thảo luận yêu cầu HS thảo luận 8 phút.  **Nhóm 3 trả lời câu hỏi 5 và 6**  - GV phát giấy thảo luận yêu cầu HS thảo luận 8 phút.  **Nhóm 4 trả lời câu hỏi 7**  - GV phát giấy thảo luận yêu cầu HS thảo luận 8 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi lần lượt theo thứ tự nhóm báo cáo sản phẩm, các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  **1. Đề tài truyện**  Tác phẩm viết về những đứa trẻ không có bố, bất hạnh, đáng thương.  **2. Chi tiết tiêu biểu và tác dụng**  - Chi tiết bác Phi-líp nhận lời làm bố của Xi-mông:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố so sánh** | **Lần đầu** | **Những lần khác** | | Bối cảnh | Cậu bé muốn nhảy xuống sông cho chết đuối. | Trường học | | Người đưa ra đề nghị | Cậu bé | Cậu bé | | Câu nói của của bác Philip khi nhận lời | Có chứ, bác muốn chứ | Bố con là Philip, bác thợ rèn và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con | | Phản ứng của chị Blăng – sốt | Blăng – sốt hổ thẹn, lặng ngắt và quằn quại. | Tiếng hôn và thì thầm rất khẽ. | | Cậu thông báo của Xi – mông với các bạn học | ở trường học. | Trường học | | Phản ứng của các bạn học | La hét thích thú. | Không đứa nào dám cười. |   – Tác dụng:  + Thể hiện sự tốt bụng, giàu lòng yêu thương và khao khát hạnh phúc gia đình của bác Phi-líp.  + Thể hiện ước mong hạnh phúc, quyền tôn trọng, yêu thương của những người phụ nữ lỡ lầm như chị Blăng-sốt.  **3. Cách nhìn về nhân vật chị Blăng-sốt và Xi-mông**  – Cách nhìn của người dân trong vùng: hà khắc, định kiến, phân biệt đối xử.  – Cách nhìn của tác giả: cái nhìn thấu hiểu, yêu thương, nhân văn, khác với cái nhìn nặng nề của xã hội đương thời.  => Cái nhìn của tác giả gợi cho chúng ta những suy nghĩ sâu sắc về lòng yêu thương con người:  + Lòng yêu thương cần đi liền với thái độ đồng cảm, thấu hiểu cảnh ngộ của mỗi người xung quanh, nhất là với những người đã từng lỡ lầm hoặc những đứa trẻ thiếu may mắn khi không được sinh ra trong một gia đình đầy đủ cha mẹ.  + Lòng yêu thương sẽ xoá đi mọi định kiến, giúp chúng ta đối xử với nhau nhân văn hơn, biết ghi nhận giá trị của người khác như cách bác Phi-líp đã ghi nhận giá trị của chị Blăng-sốt.  + Lòng yêu thương cũng đem đến niềm hi vọng, niềm tin vào những điều đẹp đẽ, về sự đổi thay, tiến bộ trong cuộc sống.  **4. Lời hứa của bác Phi-líp**  - Lời hứa của bác Phi-líp giúp cho những đứa trẻ bị bắt nạt như Xi-mông trở nên tự tin, can đảm.  - Lời hứa thể hiện sự quan tâm, thái độ bảo vệ con của một ông bố.  **5. Chủ đề của truyện và căn cứ xác định chủ đề**  – Chủ đề của truyện Bố của Xi-mông là: tình yêu thương, sự thấu hiểu, đồng cảm với những người thiệt thòi hoặc mắc sai lầm.  – Căn cứ để xác định chủ đề: những chi tiết và cốt truyện: Mẹ của Xi-mông là Blăng-sốt bị một người đàn ông lừa dối rồi sinh ra cậu. Vì thế, trong con mắt của mọi người, cậu bé là đứa trẻ không có bố. Khi mới đến trường, cậu bị bạn bè chế giễu là không có bố. Cậu cảm thấy xấu hổ, buồn bã và rất đau đớn. Cậu muốn ra bờ sông tự tử nhưng may mắn đã gặp một bác thợ rèn tên Phi-líp Rê-mi. Bác công nhân hỏi thăm, khuyên nhủ cậu không nên tự tử. Xi-mông đề nghị Phi-líp làm bố của cậu và ông đã đồng ý. Hôm sau Xi-mông sung sướng đến trường, lớn tiếng nói với bạn bè rằng bây giờ cậu đã có bố, bố của cậu chính là bác thợ rèn Phi-líp Rê-mi. **6. Thông điệp từ tác giả**  – Ai cũng có thể mắc sai lầm, cần cảm thông, thấu hiểu với những sai lầm đó.  – Ai cũng có quyền được sống trong yêu thương và hạnh phúc.  – Cần mở lòng để chia sẻ, bảo vệ những con người yếu thế, chịu nhiều thiệt thòi.  **7. Biện pháp để tăng sự gắn kết, sẻ chia và tình yêu thương**  - Khi xảy ra xung đột, bĩnh tĩnh suy xét để đưa ra phương án giải quyết hợp lí  - Không tự cao, tự tin thái quá, cần có tính đồng đội  - Nên tổ chức những buổi sinh hoạt lớp, chia sẻ, hoạt động nhóm về sự chia sẻ tình yêu thương giữa các thành viên trong lớp  - Khi xảy ra xích mích, cần tạm gác “cái tôi” sang một bên. Làm rõ vấn đề nằm ở đâu. Tìm giải pháp cùng nhau.  - Mọi người cần chủ động lắng nghe, không thiên vị.  - Trong các giờ học, hoạt động nên để nhiều thành viên cùng tham gia và sau mỗi hoạt động nên họp nhóm để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng và tránh các hiểu lầm mỗi hoạt động đó. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những lưu ý khi đọc văn bản truyện

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức cho hs thực hiện bài tập trong phiếu học tập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phiếu học tập số 2  VĂN BẢN: BỐ CỦA XI – MÔNG | | | |
| Nhân vật | Chi tiết chính | Thông điệp của tác giả | Bài học của bản thân |
|  |  |  |  |

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời vào phiếu học tập.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS suy nghĩ, tìm đáp án .

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* HS trả lời cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 4 : VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Nội dung:**

- Sưu tầm các tác phẩm truyện nói về tình yêu thương và hi vọng

- Làm ở nhà, gửi danh sách vào Zalo của GV.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- Dựa vào nội dung đã học và các phương tiện học học đã có, em hãy sưu tầm các truyện về tình yêu thương và hi vọng**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học*.*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, *....*

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 19/2/2025**

**Tiết 90**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: ĐẢO SƠN CA**

*(Lê Cảnh Nhạc)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học:

+ Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

**+** Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**+** Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:**

**+ Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.**

**+ Đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.**

**\* Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ.

- Liên hệ, kết nối với VB *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông* để hiểu hơn về chủ điểm *Yêu thương và hi vọng*

- Nêu được nội dung bao quát của bài thơ; các chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

- Nhận biết và hiểu được tình cảm, cảm xúc của TG thông qua hình ảnh thơ.

**2. Về phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, Tivi

**2. Học liệu:**SGK, sách tham khảo…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

**Nội dung**: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**Tổ chức thực hiện**:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV: Em đã từng yêu quý và cảm phục sức sống của thiên nhiên hoặc một người nào đó hay chưa?

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ, đưa ra đáp án.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS khác nhận xét.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

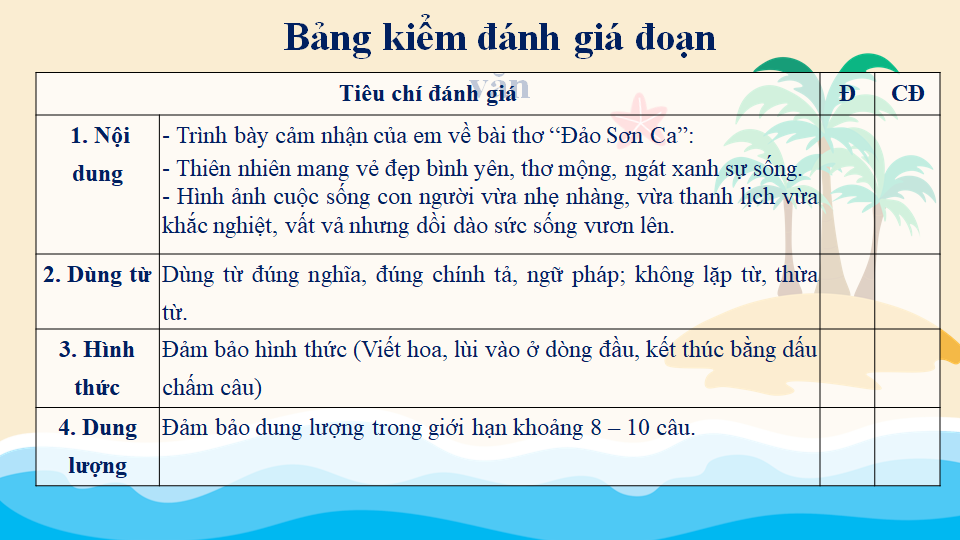
GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu:**  - HS đọc hoàn thành bài thơ  - Khai thác được một số đặc điểm hình thức của bài thơ.  **Nội dung:** GV tổ chức cho làm việc cá nhân tìm hiểu một số đặc điểm hình thức của bài thơ. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm cần đạt** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS đọc bài thơ  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS đọc  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS khác nhận xét.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, tổng hợp. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  - Đọc (SGK trang 31) |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS chỉ ra tác giả, PTBĐ và thể thơ.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS tìm hiểu  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, tổng hợp. | - Tác giả: Lê Cảnh Nhạc  - PTBĐ: BC+MT+TS.  - Thể thơ: 7 chữ. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **Mục tiêu:**  - Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ.  - Nêu được nội dung bao quát của bài thơ; các chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.  - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.  - Nhận biết và hiểu được tình cảm, cảm xúc của TG thông qua hình ảnh thơ.  **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân kết hợp với làm việc nhóm hoàn thành các yêu cầu theo gợi ý từ SGK | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  GV cho HS làm việc cá nhân kết hợp làm việc cặp đôi: Chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ, suy ngẫm, xác định cảm xúc bản thân. (2')  - Thảo luận cặp đôi chia sẻ với nhau (1')  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày cảm xúc bản thân trước lớp  - HS khác bổ sung ý kiến  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, tổng hợp | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Chia sẻ cảm xúc** **bản thân**  HS cảm nhận về tình yêu thương, niềm hi vọng mà bài thơ có thể gợi ra cho các em, ví dụ như: khâm phục sức sống mãnh liệt của con người và vạn vật trên đảo Sơn Ca bất chấp môi trường sống khắc nghiệt, đầy thử thách. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)  GV cho HS làm việc cặp đôi (3'): Chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc trong hai câu thơ *Chim líu lo rót mật trước [hiên nhà](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8)* [và](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8) *[Mái chùa cong veo chiểu cổ tích.](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8)* [Những, hình ảnh, từ ngữ này gợi ra](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8) ý nghĩa gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ, thảo luận.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày  - HS khác bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, tổng hợp | **2. Hình ảnh, từ ngữ đặc sắc**  - Hình ảnh, từ ngữ đặc sắc: *mái chùa cong veo*, *chiều cổ tích*, *líu lo* (tượng thanh), *rót* (động từ chỉ hành động), *mật ngọt* (hình ảnh ẩn dụ, chuyển đổi giác quan từ thính giác sang vị giác).  - Ý nghĩa: của những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc đó: gợi tả một không gian bình yên, đẹp như trong truyện cổ tích. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV**)  GV cho HS làm việc nhóm 4 (5') hoàn thành PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Liệt kê hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca theo hai nhóm** | | | **1** | Nhóm hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị,...) |  | | **2** | Nhóm hình ảnh miêu tả cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo. |  | | **3** | Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc gì qua những hình ảnh trên |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, tổng hợp | **Câu 3: Hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Liệt kê hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca theo hai nhóm** | | | **1** | Nhóm hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị,...) | – Quả bàng vuông xanh non màu lá – Mơn mởn thơm mùi nắng Sơn Ca – Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy – Chim líu lo rót mật trước hiên nhà – Cây vẫn mướt xanh vẫy gọi chim trời – Đảo Sơn Ca vẫn bốn mùa lảnh lót | | **2** | Nhóm hình ảnh miêu tả cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo. | – Mái chùa cong veo chiều cổ tích – Tiếng cầu kinh bịn rịn níu hồn tôi – Khát từng giọt mưa mùa khô trên đảo – Anh lính trẻ đứng canh chim làm tổ – Chim và người xây cột mốc tiền tiêu | | **3** | Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc gì qua những hình ảnh trên | Tình cảm, cảm xúc của tác giả: tình yêu thiên nhiên, con người, rộng hơn là tình yêu đất nước | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV cho HS làm việc cặp đôi (3'): Nêu chủ đề của bài thơ.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS đại diện nhóm trình bày  - HS khác bổ sung  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, tổng hợp | **Câu 4: Chủ đề bài thơ:**  Chủ đề của bài thơ: sự cảm phục sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, con người trên đảo. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập & vận dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  Liên hệ, kết nối với VB *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông* để hiểu hơn về chủ điểm *Yêu thương và hi vọng*  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cặp đôi liên hệ với hai VB đã học ở bài 7 để hiểu thêm về chủ đề. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS làm vệc cặp đôi (3') so sánh sự giống và khác nhau giữa hình thức và nội dung của bài thơ với hai văn bản *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông.*  2/Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) trình bày cảm nhận của em về bài thơ “Đảo Sơn Ca”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cặp đôi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **III. Luyện tập**  So sánh sự giống và khác nhau giữa hình thức và nội dung của bài thơ với hai văn bản *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông.*  **\* Hình thức:**  **-** *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông: truyện.*  **- Đảo Sơn Ca: thơ.**  **\* Nội dung:**  - Giống: bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả về con người.  - Khác: thông qua nội dung cụ thể của từng TP. |



**\* Hướng dẫn về nhà:**

**- Bài vừa học:**

+ Hoàn thiện bài tập.

+ Tóm tắt văn bản.

**- Bài của tiết sau:** Chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài **“Cây sồi mùa đông”.**

**\* Chuẩn bị phiếu ht sau**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện tình cảm của cậu bé Sa-vu-skin đã dành cho cây sồi và loài vật trong khu rừng** | **Nhận xét tính cách của cậu bé Sa-vu-skin** |
|  |  |
|  |
|  |
|  |
|  |

***==========================***

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 20/2/2025**

**Tiết 91**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**BIỆT NGỮ XÃ HỘI : CHỨC NĂNG VÀ GIÁ TRỊ**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp, hợp tác: thể hiện trong các hoạt động làm bài tập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

-Vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.

**2. Về phẩm chất:**Trung thực, chăm chỉ trong quá trình thực hiện các hoạt động học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị**

- Kế hoạch bài dạy.

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Ti vi, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ, bút lông

**2. Học liệu**

SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK, PHT, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

**b) Nội dung:** Vấn đáp qua bài tập nhanh.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời miệng của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: trình chiếu các ví dụ:

*a)”Giữa dòng đời vạn thính thì bản lĩnh né thính càng cao.”*

*b)”Các bạn trẻ tiếc nuối vì ra sức đẩy thuyền nhưng thần tượng lại không thành đôi.”*

Và đặt câu hỏi:

*?Trong các ví dụ trên thì những từ ngữ nào mà thế hệ ông bà của chúng ta sẽ không hiểu?*

*?Những từ ngữ này được sử dụng phổ biến ở đâu? Do ai sử dụng?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

-HS: quan sát và đọc các ví dụ, suy nghĩ cá nhân.

-GV: gợi mở nếu HS không rõ nhiệm vụ, hay câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

-HS: trả lời và nhận xét, bổ sung cho nhau.

-GV: dẫn dắt, gợi mở nếu HS gặp khó khăn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét, kết luận các câu trả lời của HS, giới thiệu vào bài học và nhiệm vụ học tập: *Trong các ví dụ trên có một số từ mà thế hệ bố mẹ, ông bà sẽ không hiểu, đó là từ: “thính”, “né thính”, “đẩy thuyền”. Bởi các từ ngữ này của giới trẻ sử dụng, đặc biệt là trên mạng xã hội. Hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu một kiến thức Tiếng việt khá thú vị. Đó là: “Biệt ngữ xã hội”.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

**b. Nội dung:** Vấn đáp

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: lần lượt đặt các câu hỏi:  *?Những từ ngữ cô trò chúng ta vừa phát hiện ở ví dụ trên được gọi là biệt ngữ xã hội. Vậy theo em hiểu biệt ngữ xã hội là gì?*  *?Em hãy nêu thêm một vài biệt ngữ xã hội mà em biết?*  *?Việc sử dụng biệt ngữ xã hội có chức năng gì?*  *?Theo em việc sử dụng biệt ngữ xã hội đem lại giá trị gì trong văn chương và trong đời sống.*  *✡Tích hợp bài tập 3: Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta có thể sử dụng các biệt ngữ xã hội không? Vì sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS lắng nghe và suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trả lời cá nhân, nhận xét cho bạn.  -GV dẫn dắt, gợi ý khi cần thiết.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV:*Từ khi mạng xã hội phát triển đa dạng thì BNXH cũng không ngừng phát triển, đặc biệt là trong giới trẻ. Nếu không thường xuyên tham gia mạng xã hội thì chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình giao tiếp hiện nay, bởi chúng ta không hiểu hoặc hiểu nhầm nghĩa BNXH mà đối phương sử dụng. Thế nên khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta không nên sử dụng BNXH sẽ làm cho người đọc không hiểu. Tuy nhiên nếu tác phẩm văn học đó có sử dụng BNXH thì việc chúng ta lặp lại BNXH đó trong bài viết là điều hiển nhiên.* | I.TRI THỨC TIẾNG VIỆT  -Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác,..).  -Ví dụ:  +“*quẩy*”: vui chơi thoải mái, hết mình.(giới trẻ)  +“*đớp thính*”:tỏ ra bằng lòng trước lời tán tỉnh của đối phương.(giới trẻ)  +“*đào mộ*”: là hành động đào bới những thông tin cũ, hình ảnh xưa của người nào đó.(giới trẻ)  +”*xị, lít, cành, củ”:* đơn vị tiền (giới trẻ)  +“*cớm*”: chỉ cảnh sát.(các băng nhóm làm việc trái pháp luật)  +”*trúng tủ*”: học trúng bài có trong đề thi.(học sinh)  -Chức năng: để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình.  -Giá trị:  +Trong văn chương: làm cho câu chuyện, nhân vật chân thật hơn.  +Trong đời sống: làm cho vốn từ ngữ trở nên phong phú hơn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**NV1: Vòng 1**

**a. Mục tiêu:** Tìm và nêu được ý nghĩa của các biệt ngữ xã hội.

**b. Nội dung:** Thảo luận nhóm để thực hiện bài tập 1+4.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Chia lớp thành 4 đội cùng thực hiện bài tập 1a và bài tập 4 theo mẫu biểu bảng trong 10 phút. Bầu 01 thư ký để ghi nhận điểm số của từng đội và điều hành hoạt động.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS: Nhận giấy, bút và phân công nhiệm vụ tiến hành thảo luận.  GV: Theo dõi và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các đội dán sản phẩm lên bảng.  GV: Yêu cầu thư ký điều hành: Gọi đại diện đội có kết quả nhanh nhất trình bày; Cho các đội nhận xét chéo và cho điểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: Yêu cầu thư ký tổng kết điểm của các đội sau vòng 1, nhận xét quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đội, thông báo những cơ hội gia tăng điểm số ở các vòng sau. | II.THỰC HÀNH   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Ý nghĩa/Tác dụng** | | **Chém gió** | [Nói](https://vi.wiktionary.org/wiki/n%C3%B3i" \o "nói) nhữngchuyện [phiếm](https://vi.wiktionary.org/wiki/phi%E1%BA%BFm" \o "phiếm) cho vui, thường [bịa đặt](https://vi.wiktionary.org/wiki/b%E1%BB%8Ba_%C4%91%E1%BA%B7t" \o "bịa đặt) thêm một phần hay [phóng đại](https://vi.wiktionary.org/wiki/ph%C3%B3ng_%C4%91%E1%BA%A1i" \o "phóng đại), [nói quá](https://vi.wiktionary.org/w/index.php?title=n%C3%B3i_qu%C3%A1&action=edit&redlink=1" \o "nói quá (trang không tồn tại)) lên một chút. | | **Nổ** | Nói về mình hoặc những gì mình biết với sự thổi phồng quá đáng. | | **Tắt đài** | Im bặt, không phản pháo | | **Phá đám** | Quấy rối để làm hỏng công việc hoặc cuộc vui của những người khác. | | **Tác dụng:** Việc sử dụng BNXH trong tác phẩm văn học phù hợp với lứa tuổi và tính cách của nhân vật, từ đó làm cho cuộc đối thoại của các nhân vật chân thực hơn. | | |

**NV2:Trò chơi giữa giờ**

**a. Mục tiêu:**- Thấy được sự biến hóa của các thành ngữ, cụm từ thường dùng.

- Biết sử dụng thành ngữ, tục ngữ hợp với văn cảnh.

**b. Nội dung:** Tích hợp giải quyết bài tập 5.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Trình chiếu một số tục ngữ và cụm từ mới do giới trẻ phát triển nhưng bỏ trống một vài từ và yêu cầu HS điền từ còn trống vào cho thích hợp. Cá nhân của đội nào trả lời đúng thì cộng thêm điểm cho đội đó. Sau đó đặt các câu hỏi:  *?Em hiểu gì về ý nghĩa của các cụm từ này?*  *?Khi nào thì mình sẽ sử dụng tục ngữ, thành ngữ này?*  *?Em có nhận xét gì về các cụm từ mới?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS: đọc và suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: phát biểu cá nhân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV:nhận xét và chốt lại kiến thức: Xã hội phát triển và thay đổi không ngừng làm phát sinh những từ ngữ mới, không dừng lại ở từ ngữ mà thế hệ trẻ còn cải biên các tục ngữ, thành ngữ. Các cụm từ mới này nghe rất hợp thời, hài hước mà lại dễ nhớ, dễ thuộc những không thể xem là chân lý của mọi thời. | **II.THỰC HÀNH**   |  |  | | --- | --- | | **Tục ngữ xưa** | **Cụm từ mới** | | *Thất bại là mẹ thành công.* | *Thất bại vì (ngại) thành công.* | | *(Một điều nhịn là chín điều lành.)* | *Một điều nhịn là chín điều nhục.* | | *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.* | *Một con ngựa đau, cả tàu bỏ… (chạy)* | | *Được voi đòi tiên.* | *Được voi đòi (Hai Bà Trưng.)* | | *Có chí làm quan, có gan làm giàu.* | *Có chí làm quan, có gan (thì làm pate.)* | | *Cá ăn kiến, kiến ăn cá* | *Em nai vàng ngơ ngác, (quần chết bác ngựa săn.)* | | *(Đũa mốc chòi mâm son)* | *Cống rãnh sóng sánh với đại dương. – Chim cú đú phượng hoàng*. | | *Ăn trông nồi, ngồi trông hướng* | *Ăn trông nồi, (ngồi chờ… dọn sẵn)* | |

**NV3:Vòng 2**

**a. Mục tiêu:** Phát hiện thêm các biệt ngữ xã hội đang được sử dụng.

**b. Nội dung:** Thảo luận lần 2 để thực hiện bài tập 2.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm đúng của các đội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Yêu cầu các đội thảo luận và thực hiện tiếp bài tập số 2 trong vòng 10 phút.  Đặt câu hỏi phụ ở cuối hoạt động**:** *Theo em, BNXH có mất đi không?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS: Tiến hành thực hiện nhiệm vụ, có thể sử dụng nguồn internet.  GV: Quan sát HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS : Dán sản phẩm lên bảng.  GV: Yêu cầu thư ký điều hành hoạt động: Lần lượt quan sát sản phẩm của các đội, cho các đội nhận xét, góp ý nhau, đội tìm được nhiều BNXH và nêu ý nghĩa đầy đủ nhất sẽ là đội cao điểm nhất. Đội nào có câu trả lời của câu hỏi phụ thì được cộng điểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV yêu cầu thư ký tổng điểm của các đội, nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của các đội. Cho điểm đội thực hiện xuất sắc nhất trong buổi học. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được thành ngữ trong giao tiếp.

**b. Nội dung:** Cá nhân thực hiện bài tập 6+7.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV gọi HS đọc và tìm thành ngữ có trong bài tập 6.  GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân bài tập 7 vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc bài tập và thực hiện bài tập vào vở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi HS trả lời miệng bài tập 6 và đọc bài làm của bài tập 7.  HS trả lời và đọc bài làm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chỉnh sửa bài tập, đánh giá cả tiết học; dặn dò nội dung chuẩn bị cho tiết học sau. |

**\* Hướng dẫn về nhà:**

**- Bài vừa học:**

+ Hoàn thiện bài tập.

+ Tóm tắt văn bản.

**- Bài của tiết sau:** Chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài **“Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học”**

+Tại sao chúng ta cần viết một bài văn phân tích một tác phẩm văn học?

+Thế nào là bài văn phân tích một tác phẩm văn học? Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài?

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 19/2/2025**

**Tiết 90**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**CÂY SỒI MÙA ĐÔNG**

**Iu-ri Na-ghi-pin ( Yuri Nagipin )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu,đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề,tư tưởng,thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

**2.** **Phẩm chất:**

- Biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình

**b. Nội dung:**

**GV** sử dụng trò chơi “ Ai nhanh hơn“ yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV: Chia thành 2 đội chơi (mỗi đội 2 đến 3 bạn ) trong vòng 1 phút lần lượt kể tên những văn bản thuộc thể loại truyện mà em đã được học.

- Đội nào kể được nhiểu nhất là đội chiến thắng

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Suy nghĩ trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**HS** trả lời

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Kết nối vào nội dung đọc

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS tóm tắt được văn bản *Cây sồi mùa đông* một cách ngắn gọn.

**b. Nội dung:**

**- GV:** Sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.

**- HS:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành tóm tắt văn bản *Cây sồi mùa đông.* (Làm ở nhà)

**c. Sản phẩm học tập:**  Đoạn văn tóm tắt văn bản “ Cây sồi mùa đông”

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ (GV)**  (?)Dựa vào phần đọc và nghiên cứu bài học ở nhà em hãy tóm tắt nội dung văn bản bằng một đoạn văn (khoảng 150 chữ)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  **-** Yêu cầu HS đọc đoạn văn tóm tắt văn bản  - Yêu cầu HS khác nhận xét  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu HS đọc và nhận xét  HS còn lại nghe, nhận xét về cách đọc và nội dung tóm tắt của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét phần tóm tắt của HS  - Chốt cách đọc, nội dung tóm tắt và chuyển dẫn sang phần **2. Khám phá văn bản** | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, tóm tắt**  2. **Tóm tắt**: |

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của thể loại truyện được thể hiện trong văn bản *Cây sồi mùa đông* như: đề tài, nội dung bao quát,chi tiết tiêu biểu,thông điệp*.*

**b. Nội dung:**

**- GV** sử dụng kĩ thuật vấn đáp, kết hợp thảo luận nhóm để hướng dẫn HS tìm hiểu các đặc điểm của thể loại truyện được thể hiện trong văn bản *Cây sồi mùa đông.*

**- HS** suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xác định đề tài của VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV**  - GV sử dụng kĩ thuật ***Cặp đôi chia sẻ*** để hoàn thành PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà :  ***PHT SỐ 1***   |  |  | | --- | --- | | **Nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện tình cảm của cậu bé Sa-vu-skin đã dành cho cây sồi và loài vật trong khu rừng** | **Nhận xét tính cách của cậu bé Sa-vu-skin** | |  |  | |  | |  | |  | |  |   + Thời gian thảo luận 4 phút  + HS làm việc cá nhân 1 phút  + Bắt cặp với bạn để thống nhất các ý kiến trong PHT (3p)  + Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận,mỗi nhóm trình bày **2 chi tiết tiêu biểu** mà nhóm mình đã tìm được.  + Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân (1 phút)  - Bắt cặp nhóm đôi chia sẻ,thống nhất ý kiến,hoàn thành PHT số 1  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện nhóm trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV sử dụng kĩ thuật ***Khăn phủ bàn*** để hoàn thành câu hỏi số 3 SGK /37  + Thời gian thảo luận 5 phút  + HS làm việc cá nhân 2 phút,ghi câu trả lời ra giấy note  + Thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến (3p)  + Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận.  + Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân (2 phút)  -Thảo luận nhóm,thống nhất ý kiến (3 phút)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện các nhóm trình bà kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân: *Thông điệp mà nhà văn muốn gửi đọc qua câu chuyện này là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ cá nhân để rút ra thông điệp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày kết quả làm việc cá nhân trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 5:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân: *Khi đọc văn bản thuộc thể loại truyện cần lưu ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS trình bày kết quả làm việc cá nhân trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **Câu 1:**  **Đề tài :** Sự hiểu biết,trân trọng của giáo viên với học sinh; tình yêu thiên nhiên,sự kết nối giữa con người với thiên nhiên.  **Câu 2:**  **Chi tiết tiêu biểu :**  - Cách giới thiệu về cây sồi hết sức yêu thương,tự nhiên như giới thiệu một người quen cũ với cô giáo.  - Hành động cố gắng vần một mảng tuyết để tìm con nhím,ân cần chăm sóc và trò chuyện với con nhím.  - Hành động bới tuyết đưa cô giáo đi thăm hỏi thế giới bé nhỏ dưới gốc cây sồi mùa đông.  - Cảm giác buồn,cúi đầu khi cô giáo bảo chú bé phải đi học bằng đường nhựa,không được đi tắt qua rừng...  - Lời cậu bé dặn cô giáo An-na Va-xi-li-ép-na khi gặp các con thú có sừng trên đường về : cô chỉ cần giơ gậy làm nó sợ thôi,không nên đánh nó,nó sẽ “giận và bỏ rừng đi biệt mất”  => Nhận xét tính cách cậu bé : Tâm hồn trong sáng,hài hòa với thiên nhiên, có tâm lòng nhân hậu,tinh tế,biết quan tâm lo lắng cho người khác.  **Câu 3 :**  Ở phần cuối truyện cô An-na “bỗng nhiên hiểu rằng cái kì diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông” và gọi Sa-vu-skin là “chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của thế giới tương lai” là vì:  - Tâm hồn chú bé chứa đựng một tình yêu rộng lớn,thuần khiết. Tuy nhiên vẻ đẹp của thế giới tâm hồn bên trong chú bé lại không dễ nhận thấy,nó là một “bí ẩn”,một thách thức cho những nhà sư phạm trong quá trình muốn thấu hiểu học sinh.  - Cây sồi chứa đựng cuộc sống kì diệu của tự nhiên,chú bé Sa-vu-skin chưa đựng sức mạnh của tương lai một dân tộc,chú bé chính là thế hệ sẽ phát triển đất nước.Tuy nhiên đó cũng là những công dân bí ẩn vì thế giới trí tuệ của các em cần được khơi gợi bằng sức mạnh của giáo dục.  **Câu 4**  Gợi ý:  - GV cần tìm hiểu để hiểu rõ HS hơn.  - Sức mạnh của giáo dục là nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn của HS.  - Con người cần sống hài hòa với thiên nhiên.  **\* Những lưu ý khi đọc văn bản thuộc thể loại truyện:**  - Xác định đề tài,cốt truyện,bối cảnh.  - Phân tích tính cách của nhân vật và ý nghĩa của các chi tiết tiêu biểu.  - Xác định chủ đề và nêu căn cứ để xác định chủ đề.  - Xác định tư tưởng của tác phẩm.  - Tìm hiểu thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Kiểm tra và củng cố nội dung kiến thức của tiết học.

**b) Nội dung:**

GV sử dụng kĩ thuật trò để tổ chức luyện tập

**c) Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời đúng của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

- GV sử dụng kĩ thuật trò chơi ***Lá thăm may mắn*** giúp HS ôn tập củng cố kiến thức về thể loại truyện.

- GV chuẩn bị 4 lá thăm tương ứng với 4 câu hỏi điền khuyết và một lá thăm có chữ **Lá thăm may mắn** :

+ Nhân vật chính trong văn bản truyện là.....

+ Chi tiết tiêu biểu trong văn bản truyện là......

+ Tư tưởng của tác phẩm văn học là .....

+ Tư tưởng của tác phẩm văn học được thể hiện qua.......

- HS xung phong bốc thăm và trả lời câu hỏi trong lá thăm,trả lời đúng sẽ nhận được phần quà,trả lời sai nhường quyền cho bạn khác. HS bốc trúng lá thăm có chữ ***Lá thăm may mắn*** không cần trả lời câu hỏi cũng sẽ nhận được quà

**c) Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời của HS

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS đưa ra đáp án của câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa câu trả lời của HS (nếu cần).

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào viết đoạn văn

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

Viết đoạn văn ngắn (từ 7 - 10 câu) kể về một kỉ niệm giữa em với một người thầy/cô giáo khiến em nhớ mãi.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ cá nhân để viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Nếu hết thời gian thì phần này sẽ giao về nhà và cho HS nộp sản phẩm trên đường link Padlet hoặc zalo.

- Nếu còn thời gian thì giáo viên yêu cầu một vài em đọc đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Giáo viên nhận xét câu trả lời của HS và định hướng kĩ năng sống (nếu còn thời gian).

- Giáo viên bình luận trên Padlet hoặc sang tiết sau GV sẽ nhận xét, định hướng kĩ năng sống cho HS (nếu trường hợp hết thời gian).

- Về nhà, các em tiếp tục hoàn thiện các PHT cô giao trên zalo để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 20/2/2025**

**Tiết 92,93**

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Năng lực**

\* Năng lực đặc thù

-Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Nhận biết tri thức về kiểu bài và hiểu cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thông qua phân tích kiểu bài mẫu.

- Nhận biết và hiểu quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học qua một đề bài cụ thể.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học khác.

\* Năng lực chung:

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: tìm tòi, thu thập thông tin để nắm nội dung kiến thức có liên quan, ra quyết định.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: đề xuất mục đích hợp tác giải quyết các nhiệm vụ học tập, trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ ý tưởng của bản thân, khái quát kiến thức.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: chủ động ra kế hoạch, cách thức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, cách xử lí các vấn đề phát sinh một cách sáng tạo.

**2. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Yêu thương và nuôi dưỡng niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK, SGV, KHBD

- Sơ đồ mẫu

- Tivi, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***a. Mục tiêu*:** Khơi gợi hứng thú để học sinh kết nối vào hoạt động.  ***b. Nội dung:***  1/ Hãy kể tên những tác phẩm văn học em đã được học theo bảng gợi ý sau:   |  |  | | --- | --- | | Truyện | Thơ | |  |  |   2/ Nếu được yêu cầu viết một bài văn để phân tích một trong những tác phẩm kể trên em có viết được không ? Hãy chia sẻ ý định về cách phân tích của em?  ***c. Sản phẩm:*** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  ***d. Tổ chức thực hiện:*** Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động và kết luận để làm rõ nội dung:  1/ GV sử dụng bảng và tổ chức HS làm việc cá nhân, liệt kê tác phẩm theo thể loại vào bảng.  2/ GV nêu vấn đề và tổ chức HS giải quyết vấn đề đặt ra. | |
| **Hoạt động GV - HS** | **Sản phẩm**  **/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa ra nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Tổ chức thực hiện:**  - HS: quan sát bảng, nhớ tên và điền vào bảng; đưa ra câu trả lời, chia sẻ  - GV: hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **Báo cáo, thảo luận**  1/ GV mời một đến hai HS trình bày; các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung.  2/ GV mời một đến hai HS chia sẻ; các HS khác lắng nghe, bổ sung thêm hoặc đưa ra chia sẻ khác  **Tổng hợp, đánh giá và kết luận**  - GV tổng hợp và đánh giá phần thực hiện nhiệm vụ, phần trình bày, chia sẻ  - GV kết luận dựa vào phần chia sẻ của HS và dẫn vào hoạt động. | \* Sản phẩm của HS:  1/ Phần liệt kê theo bảng của HS (gợi ý một số tác phẩm)   |  |  | | --- | --- | | Truyện | Thơ | | *Thánh Gióng*  *Sự tích Hồ Gươm*  *Sọ Dừa*  *Em bé thông minh*  *Bài học đường đời đầu tiên*  *Giọt sương đêm*  *Ếch ngồi đáy giếng*  *Xưởng Sô-cô-la*  … | Việt Nam quê hương tôi  Những cánh buồm  Mây và sóng  Đợi mẹ  Mẹ  Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi  … |   2/ Câu trả lời của HS  - Dự kiến:  + Được/ không được/ có thể được  + Chia sẻ cách viết:  . Chia nhỏ bài thơ/ Phân tích từng đoạn, từng khổ, từng dòng thơ,…  . Phân tích toàn tác phẩm/ phân tích từng phần/ Phân tích nhân vật/ cốt truyện/ lời kể, …  \* Dẫn vào hoạt động  - Các em có thể đã đọc hiểu nhiều về tác phẩm văn học (truyện hoặc thơ). Thế nhưng đã bao giờ các em đưa ra những đánh giá, nhận xét (hai mặt nội dung và nghệ thuật) bằng cách viết bài văn phân tích về tác phẩm văn học đó chưa? Có thể là có hoặc có thể là chưa như những gì các em đã chia sẻ. Có thể nói việc viết bài văn phân tích về tác phẩm văn học sẽ giúp cho tác phẩm đó được đúng, đầy đủ và hấp dẫn hơn. Hoạt động viết của bài 7 sẽ giúp các em có những kiến thức và kĩ năng để viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tri thức kiểu văn bản** | |
| **a. Mục tiêu**:  - Hiểu được vai trò của kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học và nhận biết yêu cầu đối với kiểu bài  **b. Nội dung**: GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi - HS giải quyết vấn đề để nắm khái niệm, yêu cầu kiểu bài  - Tại sao chúng ta cần viết một bài văn phân tích một tác phẩm văn học?  - Trình bày các yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học ?  **c. Sản phẩm:** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  **d. Tổ chức thực hiện:**Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động và kết luận để làm rõ nội dung:  - GV sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, tổ chức HS làm việc cá nhân - HS giải quyết vấn đề để nắm khái niệm, yêu cầu kiểu bài | |
| **Tổ chức thực hiện** | ***Sản phẩm/ Dự kiến sản phẩm*** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa ra nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Tổ chức thực hiện:**  - HS: suy nghĩ, quan sát sgk và đưa ra câu trả lời  - GV: gợi ý, theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **Báo cáo, thảo luận:** GV mời một đến hai HS trình bày; các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung.  **Tổng hợp, đánh giá và kết luận**  - GV đánh giá phần trình bày và kết luận về tri thức kiểu bài; yêu cầu HS nhắc lại các ý chính về yêu cầu đối với kiểu bài theo hướng dẫn của sgk | **I. Tri thức kiểu văn bản**  **1. Khái niệm:** sgk  **2.** **Yêu cầu đối với kiểu bài:** sgk  a. Về nội dung  b. Về hình thức  c. Về bố cục |
| **II. Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu** | |
| ***a. Mục tiêu****:* Nhận biết đặc điểm kiểu bài qua việc tìm hiểu kiểu văn bản mẫu.  ***b. Nội dung****:*  - Đọc văn bản Phân tích truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam), trả lời các câu hỏi phía dưới văn bản và hoàn thành phần tìm hiểu theo nội dung gợi ý có trong phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nội dung câu trả lời** | | Tên tác phẩm văn học |  | | Nội dung phần mở đầu |  | | Tóm tắt luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng trong phần thân bài |  | | Nội dung phần kết bài |  | | Các phương tiện liên kết |  |   - Từ nội dung đã tìm hiểu, em rút ra nhận xét gì về kiểu văn bản mẫu?  ***c. Sản phẩm:*** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  ***d. Tổ chức thực hiện:*** Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động và kết luận để làm rõ nội dung:  - GV sử dụng phiếu học tập, tổ chức HS thảo luận nhóm (6 HS) - HS thực hiện theo yêu cầu của GV để tìm hiểu đặc điểm của kiểu bài | |
| **Tổ chức thực hiện** | ***Sản phẩm/ Dự kiến sản phẩm*** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia nhóm, đưa ra nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:  + HS đọc văn bản, trả lời 5 câu hỏi phía dưới văn bản  + Chia sẻ kết quả tìm hiểu với các bạn trong nhóm  + Cả nhóm thống nhất câu trả lời và điền kết quả vào PHT  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Tổ chức thực hiện:**  - HS: đọc văn bản, trả lời câu hỏi, chia sẻ kết quả và thống nhất kết quả với cả nhóm  - GV: theo dõi, hỗ trợ (nếu cần)  **Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời đại diện nhóm trả lời; các nhóm HS khác góp ý, bổ sung ý kiến cho các nhóm.  **Tổng hợp, đánh giá và kết luận**  - GV tổng hợp kết quả; đánh giá phần thực hiện nhiệm vụ và phần trả lời, phần góp ý, bổ sung của các nhóm  - GV kết luận về đặc điểm kiểu bài thông qua văn bản mẫu và yêu cầu HS rút ra bài học cho bản thân. | **II. HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN**  ***\* Văn bản mẫu:*** *Phân tích truyện ngắn “Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)****,*** sgk trang 38  **1. Trả lời các câu hỏi**  **2. Nhận xét:**  **-** Bài viết đã đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học  - Bài học: khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học cần:  + Đảm bảo bố cục bài viết và dung lượng bài văn (không quá dài hoặc quá ngắn)  + Bài viết cần phân tích làm rõ chủ đề và đặc sắc nghệ thuật  + Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng; sử dụng các phương tiện liên kết phù hợp |
| **Hoạt động 3. Hướng dẫn quy trình viết** | |
| ***a. Mục tiêu*** : Nhận biết và hiểu quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học qua một đề bài cụ thể.  ***b. Nội dung*** :  1/ Quan sát phần liệt kê các tác phẩm truyện ở hoạt động mở đầu và thực hiện các yêu cầu:  - Cho biết tác phẩm truyện mà em ấn tượng hoặc giúp em có những thay đổi về cách nhìn cuộc sống, con người?  - Em viết bài văn phân tích tác phẩm truyện này để làm gì? Người đọc bài văn của em là ai? Họ muốn thu nhận điều gì từ bài viết?  - Từ mục đích và đối tượng viết, em lựa chọn nội dung và cách viết như thế nào?  - Em thu thập tư liệu cho bài viết bằng cách nào?  2/ Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết theo các gợi ý sau:  - Hãy tìm ý tưởng cho bài văn phân tích tác phẩm truyện mà em ấn tượng , tác động đến em bằng cách điền vào phiếu học tập số 2  - Dựa vào phần tìm ý tưởng hãy hoàn thành dàn ý chi tiết cho bài viết (có thể tham khảo dàn ý sgk hoặc theo sơ đồ phiếu học tập số 3)  3/ Tiến hành viết bài:  - Em sẽ triển khai viết bài như thế nào?  - Cho biết các lưu ý khi viết bài?  4/ Đánh giá bài viết:  - Sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết sgk trang 41, 42 để đánh giá bài viết.  5. Từ nội dung vừa tìm hiểu, em hãy rút ra nhận xét về quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học?  ***c. Sản phẩm:*** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  ***d. Tổ chức thực hiện:*** GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, PHT, kỹ thuật hợp tác và tiếp tục tổ chức HS thảo luận theo nhóm đã chia - HS trao đổi, thảo luận, giải quyết vấn đề để nắm quy trình viết.  1/ GV đặt câu hỏi, tổ chức HS chia sẻ trong nhóm – HS chia sẻ và chốt truyện cho bài văn phân tích của nhóm.  2/ GV sử dụng PHT, sơ đồ và kĩ thuật 1-1-1 tổ chức cho các nhóm HS tìm ý tưởng và lập dàn ý chi tiết – HS dựa vào bảng và sơ đồ hoàn thành nhiệm vụ  3/ GV đặt câu hỏi và sử dụng kỹ thuật viết tích cực tổ chức HS viết bài văn – HS dựa vào dàn ý viết các đoạn của bài văn  4/ GV sử dụng bảng kiểm tổ chức HS tự đánh giá và đánh giá bài viết cho nhau.  5/ GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút tổ chức HS rút ra nhận xét về quy trình viết – HS rút ra kết luận về quy trình viết | |
| **Tổ chức thực hiện \*\*\*** | ***Sản phẩm***  ***/ Dự kiến sản phẩm*** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa ra nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và lần lượt hướng dẫn các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Tổ chức thực hiện:**  - HS: làm việc cá nhân, nhóm, đưa ra câu trả lời, chia sẻ với nhóm, thống nhất kết quả  - GV: theo dõi, hỗ trợ, gợi ý(nếu cần):  *1/ Sau khi HS chia sẻ câu trả lời và chốt chuyện, GV xem đề tài của HS và gợi ý đề tài nếu HS chọn truyện quá dài, có nhiều tình tiết phức tạp hoặc nội dung không phù hợp với tâm tí lứa tuổi*  *2/ Các nhóm trình bày sản phẩm trên giấy A3*  *3/ Học sinh viết bài theo dàn ý vào vở*  *4/ Tự đánh giá và trao đổi bài cho bạn*  *5/ Học sinh trình bày cá nhân*  **Báo cáo, thảo luận:**  1/ HS đại diện trình bày sản phẩm trong nhóm; các HS khác trong nhóm lắng nghe, góp, bổ sung; Cả nhóm thống nhất chốt chuyện.  2/ Đại diện nhóm trình bày phần tìm và dàn ý; các nhóm khác lắng nghe, góp ý cho sản phẩm nhóm bạn theo trình tự:  *- Nêu một ưu điểm*  *- Nêu một hạn chế*  *- Nêu một đề xuất/ góp ý thay đổi*  3/ GV mời một số HS đọc bài viết, chia sẻ phần lưu ý; Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  4/ GV mời một số HS lên đánh giá bài viết của mình và đại diện báo cáo kết quả đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm  5/ GV mời một đến hai HS trình bày; Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Tổng hợp, đánh giá và kết luận**  - GV tổng hợp và đánh giá phần thực hiện nhiệm vụ, làm việc cá nhân - nhóm và phần trả lời, góp ý, bổ sung của các nhóm.  - GV kết luận về quy trình viết bài văn | **III. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT**  **\* Đề bài: *Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.***  **1. Các bước tiến hành:**  ***a. Lựa chọn đề tài và thu thập tư liệu***  \* Lựa chọn đề tài:  - Chọn một TP truyện đã học.  - Mục đích viết: làm rõ chủ để và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện.  - Đối tượng: bạn bè  \* Thu thập tư liệu:  - Tờ báo hoặc tạp chí: Văn học và tuổi trẻ, Văn nghệ, Tuổi trẻ, Thanh niên, ...  - Từ nguồn Internet, văn bản mẫu  - Ghi chép thông tin và những suy ngẫm của bản thân về tác phẩm: viết nhật kí, bảng tóm tắt TT, sơ đồ tóm tắt nhân vật,  ***b. Tìm ý, lập dàn ý***  \* Tìm ý: sản phẩm của các nhóm  - Tên TP:  - Thông tin chung: tác giả, tác phẩm  - Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng  *-* Chủ đề:  \* Lập dàn ý: sản phẩm của các nhóm  - Mở bài: Giới thiệu và nêu khái quát chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật  - Thân bài: làm rõ chủ đề và nét đặc sắc hình thức NT  - Kết bài: Khẳng định lại, nêu suy nghĩ, cảm xúc, chia sẻ bài học  ***c. Viết bài***  - Viết theo dàn ý đã lập  - Khi viết cần:  + Kết hợp nêu ý kiến, đưa lí lẽ phân tích, chứng minh cho ý kiến và sử dụng dẫn chứng từ tác phẩm văn học để tăng tính thuyết phục  + Sử dụng các cụm từ kết nối hoặc lặp lại ý kiến, lí lẽ đã có để liên kết các đoạn.  ***d. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  - Ở phần chỉnh sửa, các em tham khảo bảng kiểm sgk trang 41 để tự đánh giá bài viết và chấm bài viết của bạn  **3. Nhận xét:** Khi viết một bài văn phân tích một tác phẩm văn học cần thực hiện theo quy trình:  - B1: Chuẩn bị trước khi viết:  + Xác định đề tài  + Thu thập tư liệu  - B2: Tìm ý, lập dàn ý  + B3: Viết bài  + B4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức và kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học  ***b. Nội dung****:*  - Đọc đề bài sau và thực hiện yêu cầu:  **Đề bài**: Viết bài văn phân tích truyện *Bồng chanh đỏ* của nhà văn Chu Lai  1/ Hãy tìm ý và lập dàn ý cho đề bài trên? (Thực hiện trên lớp)  2/ Viết bài văn hoàn chỉnh theo dàn ý đã lập (Thực hiện ở nhà).  ***c. Sản phẩm:*** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  ***d. Tổ chức thực hiện:***  ***-*** Giáo viên tổ chức hướng dẫn HS thực hành theo nhóm, cá nhân – HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng | |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | **Sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: chia nhóm (4 HS), đưa ra nhiệm vụ giống phần **nội dun**g  - HS: tiếp nhận nhiệm vụ  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn luyện tập:  1/ Hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, hỗ trợ các nhóm thực hành.  2/ Hướng dẫn HS viết bài ở nhà và yêu cầu HS nộp bài viết qua nhóm ZALO (hoặc gửi lên Palet)  - HS: tìm ý, lập dàn ý, thống nhất kết quả làm việc nhóm  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận; Các nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **\* Nhận định, kết luận**  - GV nhận xét về phần thực hiện, phần báo cáo, nhận xét  - GV chốt sản phẩm của nhóm có kết quả tìm ý và lập dàn ý tốt nhất.  - GV chiếu và nhận xét sản phẩm của một số HS, có thể cho điểm đối với các bài viết tốt. | **II. LUYỆN TẬP**  1/ Sản phẩm nhóm  - Tìm ý  - Dàn ý  2/ Bài viết hoàn chỉnh của HS |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học khác ngoài sách giáo khoa  **b.** **Nội dung**:  - Lựa chọn một tác phẩm truyện ngoài sách giáo khoa để lại cho em nhiều ấn tượng và viết bài văn phân tích về tác phẩm truyện đó.  ***c. Sản phẩm:*** giống như cột sản phẩm/ dự kiến sản phẩm  ***d. Tổ chức thực hiện:***  ***-*** Giáo viên tổ chức hướng dẫn HS thực hành ở nhà – HS thực hành viết | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra nhiệm vụ giống phần **nội dun**g  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn và khuyến khích HS thực hiện  - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo nhiệm vụ qua nhóm Zalo (hoặc trên Palet)  **\* Nhận định, kết luận**  - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ  **-** Chốt một số sản phẩm tiêu biểu của HS | **IV. VẬN DỤNG**  - Bài làm của HS |

**\* CÁC HỒ SƠ KHÁC**

1/ Phiếu học tập và gợi ý sản phẩm mẫu

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**(Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Nội dung câu trả lời** |
| Tên tác phẩm văn học |  |
| Nội dung phần mở đầu |  |
| Tóm tắt luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng trong phần thân bài |  |
| Nội dung phần kết bài |  |
| Các phương tiện liên kết |  |

**\* Sản phẩm gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Nội dung câu trả lời** |
| Tên tác phẩm | *Gió lạnh đầu mùa* |
| Nội dung phần mở đầu (Đoạn 1) | - Giới thiệu tác giả và tác phẩm: *Khi những cơn … đầu mùa.*  *-* Nêu ý kiến khái quát về chủ đề: *Mỗi lần đọc … sẻ chia*  - Ý kiến về nét đặc sắc NT: *Nội dung ấy … giàu chất thơ*. |
| Tóm tắt luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng trong phần thân bài  (Đoạn 2, 3, 4, 5) | - Luận điểm 1 (đoạn 2): Nêu ý kiến về chủ đề  *+* Ý kiến*: Trước hết, … vẻ đẹp của tình người và sự sẻ chia trong cuộc sống*  + bằng chứng: *Tình* người ấm áp … mùa rét  + lí lẽ: *Gió lạnh … lan toả*  - Luận điểm 2 (đoạn 3, 4, 5): Nêu ý kiến về đặc sắc nghệ thuật (*Bên cạnh đó, … đặc sắc*)  + Ý kiến 1 (đoạn 3): Cốt truyện và tình huống truyện (*Nhà văn Thạch Lam … đơn giản*)  . Lí lẽ: *Nhưng cái bình dị, người đọc*  . Bằng chứng: *Sự việc hai đứa trẻ … li kì*  + Ý kiến 2 (đoạn 4): Miêu tả nội tâm nhân vật (*Biệt tài của nhà văn Thạch Lam … con người)*  . Lí lẽ: *Tình thương ấy … nhân vật Sơn.*  . Bằng chứng: *Sơn cảm nhận … “lòng thương người”.*  + Ý kiến 3 (đoạn 5): Chi tiết đặc sắc (*Hơn thế nữa, truyện còn … thú vị)*  . Lí lẽ: *Đó là lời trách móc chăng? … ấm tình người.*  . Bằng chứng: *Một trong những … mắng ư.* |
| Nội dung phần kết bài (Đoạn 6) | - Khẳng định lại chủ đề bằng cách dẫn một câu nói và đặc sắc nghệ thuật bằng hình thức của một câu hỏi tu từ  - Nêu cảm nghĩ về tác phẩm: *Một mùa gió lạnh, … trong tôi* |
| Các phương tiện liên kết | - Liên kết nội dung:  + Các câu văn tập trung làm rõ chủ để đoạn văn, các đoạn văn tập trung làm rõ chủ đề văn bản  + Các câu văn, đoạn văn được sắp xếp một cách hợp lí  - Liên kết hình thức:  + Sử dụng phép lặp từ ngữ, phép nối, phép thế, ,,, để liên kết các câu trong đoạn  + Sử dụng phép nối để liên kết các đoạn văn bằng các quan hệ từ để nối đoạn văn: Trước hết, Bên cạnh đó, Hơn thế nữa; phép lặp “hình thức nghệ thuật đặc sắc”, … |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**(Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học)**

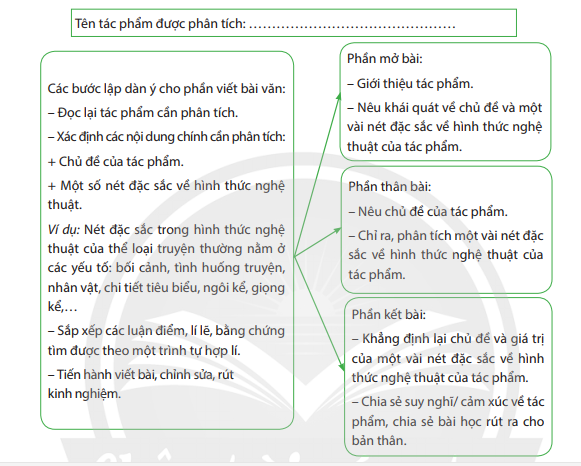
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý tưởng về bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | | |
| ***Tên tác phẩm được lựa chọn:*** | |  |
| ***Thông tin chung về tác giả, tác phẩm*** | *Tên tác giả* |  |
| *Thông tin bổ sung về tác phẩm như: hoàn cảnh ra đời, tóm tắt sơ lược về nội dung tác phẩm* |  |
| ***Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng*** | *Nét nghệ thuật thứ nhất* |  |
| *Nét nghệ thuật thứ nhất* |  |
| *Nét nghệ thuật thứ nhất* |  |
| *…* |  |
| ***Chủ đề*** | *Nêu chủ đề* |  |
| *Chia sẻ cảm nhận về tác phẩm* |  |

**\* Sản phẩm gợi ý:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý tưởng về bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | | |
| ***Tên tác phẩm*** | | Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* |
| ***Thông tin chung về tác giả, tác phẩm*** | *Tên tác giả* | Tô Hoài - được mệnh danh là nhà văn của thiếu nhi với nhiều tác phẩm đã trở thành "món ăn" tinh thần của các bạn nhỏ. |
| *Thông tin bổ sung về tác phẩm như: hoàn cảnh ra đời, tóm tắt sơ lược về nội dung tác phẩm* | .. trích từ chương I của tác phẩm Dế mèn phiêu lưu ký – tác phẩm nổi tiếng và đặc sắc nhất viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi  .. tóm tắt nội dung đoạn trích: *Dế Mèn là chàng dế thanh niên cường tráng biết ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực. Tuy nhiên Dế Mèn tính tình kiêu căng, tự phụ luôn nghĩ mình “là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. Bởi thế mà Dế Mèn không chịu giúp đỡ Dế Choắt- người hàng xóm trạc tuổi Dế Mèn với vẻ ngoài ốm yếu, gầy gò như gã nghiện thuốc phiện. Dế Mèn vì thiếu suy nghĩ, lại thêm tính xốc nổi đã bày trò nghịch dại trêu chị Cốc khiến Dế Choắt chết oan. Trước khi chết, Dế Choắt tha lỗi và khuyên Dế Mèn bỏ thói hung hăng, bậy bạ. Dế Mèn sau khi chôn cất Dế Choắt vô cùng ân hận và suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.* |
| ***Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng*** | *Nét nghệ thuật thứ nhất* | *. Ngôi kể: Thứ nhất xưng “tôi”, chú Dế Mèn tự kể về câu chuyện của mình khiến lời kể trở nên tự nhiên, chân thực.* |
| *Nét nghệ thuật thứ nhất* | *. Nghệ thuật miêu tả ngoại hình, tính cách nhân vật đặc sắc, sinh động.* |
| *Nét nghệ thuật thứ nhất* | *. Hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giàu chất gợi hình gợi cảm.* |
| *…* |  |
| ***Chủ đề*** | *Nêu chủ đề* | *Đoạn trích miêu tả chú Dế Mèn có vẻ đẹp khỏe khoắn, cường tráng, tràn đầy sức sống của một chú dế mới trưởng thành.* |
| *Chia sẻ cảm nhận về tác phẩm* | *Tính kiêu căng, tự phụ, xốc nổi không chỉ tự gây hại cho mình mà còn làm hại những người khác, bởi vậy trong cuộc sống, chúng ta cần khiêm tốn, suy nghĩ thật kĩ càng trước khi làm việc gì đó và luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác, nhất là những người yếu thế, gặp khó khăn hơn mình* |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**(Viết bài văn phân tích về một tác phẩm văn học)**



**\* Sản phẩm gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | + Giới thiệu Tô Hoài, tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu ký và đoạn trích  + Không được kiêu căng, hợm hĩnh, phải biết yêu thương và giúp đỡ người khác chính là lời nhắn gửi của tác giả đến người đọc  + Điều đó được thể hiện qua nét đặc sắc về ngôi kể, cách XDNV và ngôn ngữ kể chuyện. |
| **Thân bài** | + Chủ đề: Đoạn trích miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi nên đã gây ra lỗi lầm. Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình.  + Đặc sắc nghệ thuật:  . Ngôi kể: Thứ nhất xưng “tôi”, chú Dế Mèn tự kể về câu chuyện của mình khiến lời kể trở nên tự nhiên, chân thực.  . Nghệ thuật miêu tả ngoại hình, tính cách nhân vật đặc sắc, sinh động.  . Hệ thống ngôn ngữ tự nhiên, giàu chất gợi hình gợi cảm. |
| **Kết bài** | **+** Tô Hoài tái hiện lại câu chuyện một cách chân thực, sống động mà còn để lại một bài học vô cùng sâu sắc không chỉ với Dế Mèn mà còn với cả độc giả.  + Không nên kiêu căng, hống hách, cần phải suy nghĩ trước khi làm, tránh gây ra những tai họa cho người khác cũng như chính bản thân mình.  + Đoạn trích còn là bài học chung cho tất cả chúng ta về thái độ sống: cần yêu thương, sẻ chia với những người xung quanh, cần sống khiêm tốn không kiêu ngạo, coi thường người khác. |

**2/ Bảng kiểm đánh giá bài viết:**

**Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học**

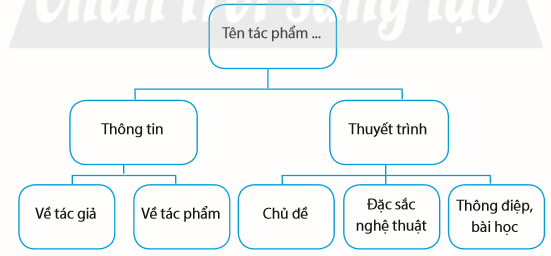
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở bài | Nêu tên tác phẩm, thể loại và tên tác giả (nếu có) |  |  |
| Nêu khái quát đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |  |
| Thân bài | Nêu chủ đề của tác phẩm |  |  |
| Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm |  |  |
| Phân tích giá trị của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật |  |  |
| Sử dung các bẳng chứng trong tác phẩm |  |  |
| Sử dụng các phương tiện để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng |  |  |
| Kết bài | Khẳng định lại thành công nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật) |  |  |
| Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm |  |  |
| Diễn đạt | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ và đặt câu) |  |  |

**Hướng dẫn về nhà:**

**- Bài vừa học:** Hoàn thiện bài tập.

**- Bài của tiết sau:** Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

Chọn một tác phẩm văn học cụ thể để thực hiện:



***=========================================***

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 26/2/2025**

**Tiết 94**

**NÓI VÀ NGHE**

**NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ đọc, tìm hiểu tác phẩm văn học.

- Trân trọng và có trách nhiệm lưu truyền giá trị của tác phẩm văn học trong đời sống con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan

- Tivi, máy tính. Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV đặt câu hỏi, yêu cầu học sinh trả lời: kể tên những tác phẩm văn học mà em biết? Và trong các tác phẩm đó em thích tác phẩm nào nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời:

- HS chia sẻ: Về một số tác phẩm văn học mà mình đã đọc; cảm xúc khi đọc (thích thú, mới lạ, xúc động...)

GV kết nối vào tiết học: Các em biết không, “nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại”, và tác phẩm văn học chính là tấm gương phản chiếu đời sống thông qua lăng kính chủ quan của tác giả. Chính vì thế mỗi tác phẩm văn học là một thế giới thu nhỏ với đầy đủ những cung bậc cảm xúc, sắc thái của cuộc sống mà ở đó chúng ta có thể cùng buồn, cùng vui, cùng đau khổ hay hạnh phúc với các nhân vật.

**HOẠT ĐỘNG 2: TRƯỚC KHI NGHE**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ,** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe nghe và tóm tắt lại nội dung thuyết trình của người khác, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Trước khi nghe:  - GV chia nhóm  - Các nhóm đăng kí trước tác phẩm văn học mà nhóm dự định giới thiệu trong buổi sinh hoạt *Câu lạc bộ đọc sách.*  **- Về nội dung, em cần chuẩn bị những gì?**  Chọn một tác phẩm văn học cụ thể để thực hiện:  - Cần tìm hiểu kĩ các thông tin về tác giả, đọc kĩ VB, đọc các bài viết phân tích, đánh giá hoặc giới thiệu về tác phẩm (PHT số 1)  Screen Clipping  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm trưởng phân chia nhiệm vụ cho các thành viên tìm hiểu thông tin liên quan đến tác phẩm (ở nhà).  - HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện một nhóm báo cáo kết quả thảo luận.  - Các nhóm khác nhận xét. (chuẩn bị giấy, bút, bút màu để gạch chân, ghi lại những nội dung quan trọng).  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **Đề bài: Nghe và tóm tắt** bài thuyết trình về một tác phẩm văn học do người khác trình bày trong buổi sinh hoạt *Câu lạc bộ đọc sách.*  **1. Chuẩn bị trước khi nghe**   * Mục đích: Nghe để hiểu thêm về tác phẩm văn học đã đọc hoặc thu nhận thông tin về những tác phẩm chưa đọc. Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm sẽ được thuyết trình * Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân... * Chuẩn bị:   (PHT số 1)Screen Clipping |

**HOẠT ĐỘNG 3: NGHE VÀ GHI CHÉP**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ,** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nghe và ghi chép, biết tóm tắt lại nội dung thuyết trình của người khác, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV chia nhóm.  - Lắng nghe, ghi chép tóm tắt các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng bài thuyết trình của bạn (theo PHT số 2)  Screen Clipping  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm trưởng phân công công việc và hướng dẫn các thành viên tự ghi chép các thông tin khi nghe các nhóm khác thuyết trình (dựa trên mẫu PHT số 2).  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **3. Nghe và ghi chép**  ***a, Mở bài***  Giới thiệu:  - Tên tác giả, tác phẩm.  - Chủ đề.  - Các yếu tố nghệ thuật.  ***b, Thân bài***  - Nêu và phân tích chủ đề.  - Nêu và phân tích các yếu tố nghệ thuật:  + Yếu tố 1 là:  + Yếu tố 2 là:  +....  - Những bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm.  ***c, Kết bài***  - Khẳng định lại chủ đề.  - Cảm nhận/ bài học của người nói. |

**HOẠT ĐỘNG 4: ĐỌC LẠI, CHỈNH SỬA VÀ CHIA SẺ**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ,** HS biết suy ngẫm, chia sẻ kinh nghiệm sau quá trình lắng nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của các nhóm.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV tổ chức cặp đôi thảo luận.  - GV hướng dẫn cho HS các nguyên tắc lắng nghe tích cực:  + Lắng nghe chăm chú  + Tôn trọng, cổ vũ ý kiến của các bạn về một tác phẩm văn học.  + Đặt câu hỏi cho nhóm thuyết trình nếu các em có vấn đề chưa hiểu rõ.  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  - Các cặp đôi tiến hành thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **4. Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ**  HS suy ngẫm, chia sẻ kinh nghiệm sau quá trình lắng nghe và tóm tắt nội dung bài thuyết trình về một tác phẩm văn học của nhóm mình theo kĩ thuật 3 -2 – 1:  - 3 điều nhóm em đã thực hiện tốt trong hoạt động nghe – tóm tắt.  - 2 điều nhóm em cần khắc phục trong hoạt động nghe – tóm tắt.  - 1 bài học/ kinh nghiệm sâu sắc mà em rút ra cho bản thân từ quá trình hợp tác nhóm. |

**HOẠT ĐỘNG 5 : LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói tóm tắt lại nội dung thuyết trình của người khác về một tác phẩm văn học (các em lựa chọn tác phẩm của nhóm mình ấn tượng nhất).

(có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS gửi video sản phẩm của mình đúng thời gian quy định.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS hoàn thành bài tập và nộp đúng thời gian quy định.

+ Soạn bài “*Ôn tập”*.

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 27/2/2025**

**Tiết 95**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học:

+ Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động. Ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

**+** Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**+** Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể.

**+** Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; chia sẻ khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:**

**+ Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.**

**+ Đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.**

**\* Năng lực đặc thù**

**-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Hiểu được giá trị của yêu thương và hi vọng.

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Nhân ái: Sống biết yêu thương với con người và vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi, máy chiếu…

**2. Học liệu:**SGK, sách tham khảo…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**-Mục tiêu**: Tạo tâm thế cho HS vào bài học.

**-Nội dung**: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**-Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**-Tổ chức thực hiện**:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS nhắc lại những nội dung đã học ở chủ đề 7 (bài 7).

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nhớ lại, trình bày.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS khác nhận xét, bổ sung.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:

Em đã được học những kiến thức trọng tâm của chủ đề 7. Tiết học hôm nay, ta sẽ tiến hành ôn tập lại những nội dung này.

**HOẠT ĐÔNG 2: Ôn tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **ÔN TẬP** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  - Củng cố, tổng hợp lại những kiến thức đã học.  - Khắc sâu chủ đề của bài học  **-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.  - Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.  - Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.  - Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân kết hợp làm việc nhóm để hoàn thành nội dung ôn tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi (3') đọc lại ba văn bản đã học và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu (ví dụ)** | **Chủ đề** | | **Bồng chanh đỏ** |  |  |  | | **Bố của Xi-mông** |  |  |  | | **Cây sồi mùa đông** |  |  |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu (ví dụ)** | **Chủ đề** | | **Bồng chanh đỏ** | - Hiền và Hoài | - Hoài vuốt ve đôi cánh mượt mà của chú chim bồng chanh - Hiền thả con Bồng Chanh về tổ.  - Anh Hiền ngăn Hoài bắt lại chim bồng chanh lần hai.  - Hoài thầm trò chuyện cùng với chim bồng chanh sau khi biết chúng phải bỏ tổ mà đi | Tình yêu thương và sự tôn trọng quyền sống tự do đối với loài vật. | | **Bố của Xi-mông** | - Xi - mông | - Xi - mông có ý định ra bờ sông tự tử.  - Bác Phi - líp dắt Xi-mông về nhà.  - Xi - mông đòi bác Phi-líp làm bố mình.  - Bác Phi-líp nhận làm bố của Xi-mông.  - Bác Phi-líp cầu hôn mẹ Xi-mông. | Tình yêu thương, sự thấu hiểu, đồng cảm với những người thiệt thòi hoặc mắc sai lầm. | | **Cây sồi mùa đông** | Xa-vu-skin | - Hành động cố gắng vần một mảng tuyết để tìm con nhím sống dưới một cái hố, ân cần đắp cho nhím tấm chăn mộc mạc và trò chuyện với con nhím, khen ngợi nó rất dịu dàng: “Nó tự ủ ấm mới khéo chứ!”.  - Hành động bới tuyết, đưa cô giáo đi thăm hỏi thế giới bé nhỏ sống dưới gốc cây sồi mùa đông: con nhái, bọ dừa, thằn lằn, rệp cây.  - Lời dặn cô An-na Va-xi-li-ép-na khi gặp các con thú có sừng trên đường về: cô chỉ cần giơ gậy làm nó sợ thôi, không nên đánh nó, nó sẽ “giận và bỏ rừng đi biệt mất”. | Sự hiểu biết, trân trọng của giáo viên với học sinh; tình yêu thiên nhiên, sự kết nối giữa con người với thiên nhiên | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Em thích nhất truyện nào trong ba truyện Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông, Câu sồi mùa đông? Vì sao?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân (2')  - HS làm việc nhóm (1') chia sẻ theo cặp.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày cảm nhận.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 2**  HS đưa ra được truyện mà các em yêu thích trong ba VB đã học và đưa ra được ít nhất hai lí lẽ để giải thích ý kiến của mình. |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV cho HS thảo luận cặp đôi (3'):  - Tìm biệt ngữ cùa giới trẻ trong câu sau và giải thích ý nghĩa:  *Nếu bạn đang nhớ xứ sở Chùa Vàng mà chưa có cơ hội đi thì hãy thừ trải nghiệm không gian đậm chất Thái hót hòn họt này nha…*  - Biệt ngữ xã hội này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ ngữ nào và theo phương thức nào?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cặp đôi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 3:** Biệt ngữ của giới trẻ được sử dụng trong ngữ liệu đã cho là “hót hòn họt”. Biệt ngữ này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ “hót”, vốn là từ tiếng Anh “hot” - nóng, cũng là từ mà giới trẻ thường dùng. “Hót hòn họt” được tạo ra theo phương thức láy ba phổ biến trong tiếng Việt (ví dụ: *sát – sát sàn sạt, khít – khít khìn khịt,...*). |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  HS làm việc cá nhân:  - Tổ 01, 02: Nêu một số lưu ý về cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.  - Tổ 03, 04: Cần chú ý những điêu gì khi lắng nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 4:**  HS nhắc lại được các đặc điểm về nội dung, hình thức, bố cục đã học ở kiểu bài. (SGK tr.37)  **Câu 5:** HS nhắc lại được các lưu ý đã học về kiểu bài. (SGK tr.43, 43)  - Xác định mục đích nghe, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và giấy bút  - Nghe và chép, lắng nghe thông tin và theo dõi và ghi tóm tắt  - Đọc lại và chỉnh sửa. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  Hiểu được giá trị của yêu thương và hi vọng trong cuộc sống.  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân suy nghĩ về giá trị của yêu thương và hi vọng trong cuộc sống.  Sản phẩm: Câu trả lời phù hợp của HS. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân (3') theo tổ:  - Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương (tổ 01, 02)  - Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng niềm hi vọng trong cuộc sống. (tổ 03, 04)    B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 6: Gợi ý:**  \* Tình yêu thương:  - Thực sự thì tình yêu thương giúp con người trở nên hạnh phúc, và cũng có được sự vui vẻ.  - Tình thương như có thể giúp cho con người chúng ta xua đi mọi những u tối trong cuộc đời. Thay vào đó cũng chính là những tia sáng ấm áp của tình thương.  - Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.  - Sự chân thành trong yêu thương, quan tâm, sẻ chia với mọi người sẽ giúp cho tâm hồn con người trở nên phong phú, giàu có.  **-** Tình yêu thương làm cuộc sống của con người trở nên gần gũi, gắn bó hơn.  - Tình yêu thương sẽ làm con người vơi đi những nhọc nhằn, vất vả, khổ đau, tìm lại được niềm vui trong cuộc sống.  **\* Hy vọng:**  **- S**ự hi vọng là động lực thúc đẩy con người cố gắng nhiều hơn nữa.  - Hi vọng giúp con người sống đúng, sống chuẩn, chăm chỉ, kiên cường hơn. Khi biết hi vọng, tin tưởng, con người ta sẽ trở nên lạc quan hơn, cuộc sống sẽ vui vẻ hơn và tận hưởng được trọn vẹn vẻ đẹp cuộc sống mang lại.  - Người có sự hi vọng, cố gắng vươn lên sẽ được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ và học tập theo, từ đó truyền được nguồn cảm hứng, những thông điệp tốt đẹp đến với mọi người, tạo ra một xã hội tốt đẹp hơn.  - Nếu không có hi vọng, chúng ta sẽ không có động lực để cố gắng vươn lên, vượt qua khó khăn.  - Biết hi vọng, con người sẽ lạc quan hơn, sống vui vẻ hơn, tận hưởng được trọn vẹn vẻ đẹp cuộc sống. |

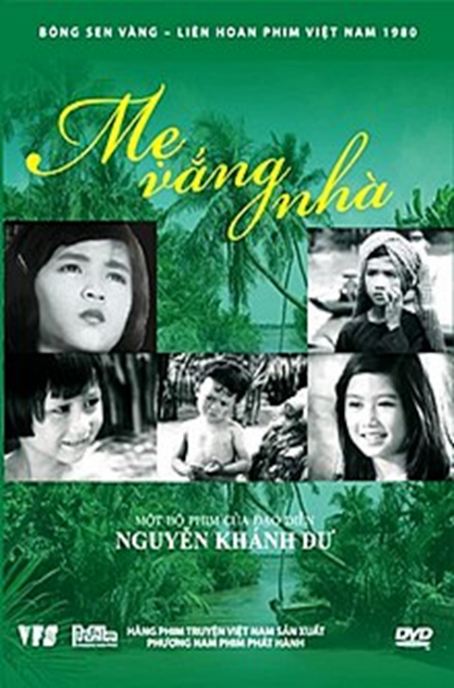
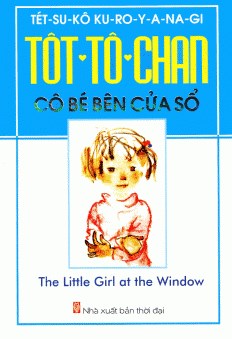
**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 28/2/2025**

**Tiết 96,97,98**

**BÀI 8: CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI**

**(Văn bản thông tin )**

**  **

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**b. Năng lực đặc thù:**

-Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

-Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

**2. Về phẩm chất:**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** - Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Em hãy chia sẻ cảm nhận của em về việc đọc 1 cuốn sách hay xem một bộ phim ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

- GV theo dõi, quan sát HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm xúc của HS:

+ Những cuốn sách hay bộ phim góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

+ Hành trình khám phá...

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

Khi đọc một cuốn sách, xem một bộ phim chúng ta như được tham gia vào hành trình khám phá những vùng đât mới; du hànhvào tâm hồn con người để hiểu thêm về người khác và bản thân. Những cuốn sách, bộ phim, vì vậy, đã góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

Làm thế nào để chia sẻ những cuốn sách, bộ phim hay với người khác? Bài học này sẽ giúp em học được điểu đó qua những văn bản thông tin giới thiệu về một cuốn sách hoặc bộ phim.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**A. Tìm hiểu tri thức ngữ văn.**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc điểm văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao trước phiếu học tập số 1 (hồ sơ dạy học) ở nhà, lên lớp yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, thời gian trong 2 phút để thống nhất nội dung phiếu học tập .

**Phiếu học tập 1.**

**Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc văn bản** |  |
|  |
|  |
| **Sa-pô** |  |
| **Pt phi ngôn ngữ** |  |
| **Chức năng** |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS trình bày theo nhóm.

- GV theo dõi, quan sát HS

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ HS đặt câu hỏi phản biện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức .

- Gv nhấn mạnh những đặc điểm của thể loại văn bản : *Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.*

**Dự kiến sản phẩm phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấu trúc văn bản** | **Phần 1**: nêu một số thông tin về: tên cuốn sách, tác giả hoặc tên bộ phim, đạo diễn, diễn viên, người quay phim,... trình bày ấn tượng hoặc nêu nhận xét khái quát của người viết đối với cuốn sách/ bộ phim |
| **Phần 2**: tóm tắt ngắn gọn nội dung cuốn sách/ bộ phim và trình bày nhận xét, đánh giá của người viết về gía trị của cuốn sách/ bộ phim. |
| **Phần 3**: khẳng định giá trị của cuốn sách/ bộ phim và đề xuất khuyến khích mọi người nên đọc xem |
| **Sa-pô** | Có thể có sa-pô (sapo), đoạn nằm ngay dưới nhan đề văn bản, nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc |
| **Pt phi ngôn ngữ** | (hình ảnh từ cuồn sách/ bộ phim được giới thiệu) để truyền tải thông tin sinh động, hiệu qủa. |
| **Chức năng** | Cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó. |

**VĂN BẢN 1:** **CHUYẾN DU HÀNH VỀ TUỔI THƠ**

Theo Trần Mạnh Cường

**I.Trải nghiệm cùng văn bản .**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**    - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc, chú ý các chỉ dẫn trong box bên phải trang sách – kĩ năng theo dõi – GV cho HS xem clip **Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ**  -Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành **Phiếu học tập 02**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản: Chuyến du hành về tuổi thơ** | | | **Tác giả** | Trần Mạnh Cường | | **Xuất xứ** | (https//www.nxbtre.com.vn/diem-tin/cho-toi-xin-mot-ve-di-tuoi-tho-33821.html, 08/9/2022) | | **Thể loại** | -Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách. | | **Phương thức biểu đạt** | -Thuyết minh | | **Bố cục** | 3 phần. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS chia sẻ với bạn bè hoặc người thân về những cảm nhận của mình sau khi đọc xong văn bản  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  - **Tác giả**: Trần Mạnh Cường  - **Xuất xứ**:  (https//www.nxbtre.com.vn/diem-tin/cho-toi-xin-mot-ve-di-tuoi-tho-33821.html, 08/9/2022)  -**Thể loại**: -Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.  - **Pt biểu đạt:** Thuyết minh.  - **Bố cục**: 3 phần |

**II. Suy ngẫm và phản hồi .**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.

- Nắm nội dung chính của văn bản . Nội dung đó được thể hiện qua những chi tiết nào?.

- Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong sa-pô và các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 của văn bản; phân tích tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung của đoạn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin .**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm.  **Nhóm 1, 2 tìm hiểu về thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin**  - GV phát phiếu học tập số 3 (hồ sơ dạy học) yêu cầu HS thảo luận 7 phút hoàn thành phiếu học tập.  *Câu hỏi gợi ý điền thông tin phiếu học tập:*  1.Văn bản gồm mấy phần? Tóm tắt nội dung của từng phần  2.Nội dung chính của văn bản này là gì? Nội dung đó được thể hiện qua những chi tiết nào?  -Nội dung chính của văn bản là những dòng hồi tưởng của Mùi và những người bạn về trò chơi nghịch ngợm của cậu bé về tuổi thơ.  -Nhận xét, đánh giá: Từng câu chữ, từng trang viết trong *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* đều thấm đượm dư vị ngọt ngào những ngày thơ bé ... những kỉ niệm đẹp đẽ , khiến người đọc bật cười thích thú. Đọc cuốn sách này, ta vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa nhìn vậy sao mà xa xôi quá!  3.Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong sa-pô và các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 của văn bản; phân tích tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung của đoạn.  -Phương thức biểu đạt trong sapo là biểu cảm  +Phương thức biểu đạt Đ1: TM kết hợp NL  ->*Cung cấp thông tin về tác giả, tác phẩm, kết hợp thể hiện nhận xét của người viết.*  +Phương thức biểu đạt Đ2: TM kết hợp NL  -> *Giới thiệu nội dung kết hợp nhận xét về câu chuyện.*  +Phương thức biểu đạt Đ3: TS kết hợp NL *-> Thuật lại nội dung câu chuyện kết hợp bàn luận.*  +Phương thức biểu đạt Đ4: NL kết hợp BC -> ***Thể hiện đánh giá, cảm xúc của người viết***  +Phương thức biểu đạt Đ5: NL -> ***Nhận xét về giá trị của tác phẩm.***  **Phiếu học tập 03**  **Thông tin cơ bản**  **Cách triển khai TT**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 1 nhóm bất kì báo cáo sản phẩm, các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.**  **1. Thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin.**  **a. Thông tin cơ bản :**  **Phần 1.Thông tin cuốn sách (Đoạn 1)**  **-** *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của Nguyễn Nhật Ánh  -**Nhận xét**: Một cuốn sách đáng đọc “cho tất cả những ai đã từng là trẻ con”.  **- Phuơng thức biểu đạt và tác dụng:**  TM kết hợp NL -> *Cung cấp thông tin về tác giả, tác phẩm, kết hợp thể hiện nhận xét của người viết*  **Phần 2. Nội dung cuốn sách (Đoạn 2,3,4).**  -Nội dung chính của văn bản là những dòng hồi tưởng của Mùi và những người bạn về trò chơi nghịch ngợm của cậu bé về tuổi thơ.  -**Nhận xét, đánh giá**: Từng câu chữ, từng trang viết trong Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ đều thấm đượm dư vị ngọt ngào những ngày thơ bé ... những kỉ niệm đẹp đẽ , khiến người đọc bật cười thích thú. Đọc cuốn sách này, ta vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa nhìn vậy sao mà xa xôi quá!  **- Phuơng thức biểu đạt và tác dụng:**  **+Đ2:** TM kết hợp NL -> Giới thiệu nội dung kết hợp nhận xét về câu chuyện.  **+Đ3:**TS kết hợp NL -> Thuật lại nội dung câu chuyện kết hợp bàn luận.  **+Đ4:**NL kết hợp BC -> **Thể hiện đánh giá, cảm xúc của người viết**  **+Đ5:**NL -> **Nhận xét về giá trị của tác phẩm.**  **Phần 3. Khẳng định giá trị cuốn sách (Đoạn 5)**  -Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ là một tác phẩm cho những ai mong muốn được trở về những ngày tháng xưa, để chiêm nghiệm về quá trình trưởng thành của mỗi con người.  **- Phuơng thức biểu đạt và tác dụng:**  NL -> **Nhận xét về giá trị của tác phẩm.**  **b. Cách triển khai thông tin.**  - Thông tin cơ bản của VB đuợc thể hiện qua các chi tiết. Ngược lại, các chi tiết cũng góp phần thể hiện thông tin cơ bản.  -Phương thức biểu đạt: Thuyết minh kết hợp biểu cảm, tự sự, nghị luận đã góp phần thể hiện thông tin văn bản. |
| **Nhiệm vụ 2: Chức năng và đặc điểm của văn bản .**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 3,4 tìm hiểu về mục đích và đặc điểm văn bản giờ thiệu một cuốn sách .  - GV phát phiếu học tập số 4 (hồ sơ dạy học) yêu cầu HS thảo luận 7 phút hoàn thành phiếu học tập.  *Câu hỏi gợi ý điền thông tin phiếu học tập:*  4.Chức nẵng của văn bản: Chuyến du hành về tuổi thơ?  - VB giới thiệu cho bạn đọc nội dung và cảm nhận của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, từ đó, khuyến khích bạn đọc tìm đọc tác phẩm này.  5. Những đặc điểm văn bản thông tin thể hiện trong : Chuyến du hành về tuổi thơ?  6.Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* và chỉ ra mục đích của việc sử dụng những từ ngữ ấy  -Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về cuốn sách Cho tôi xin một vẻ đi tuổi thơ là: *chiếc vé quý giá trở về nhĩmg ngày ẩu thơ xa vắng; một cuồn sách đáng đọc; thế giới kì diệu, lạ lùng thay; thấm đượm dư vị ngọt ngào cùa nhĩmg ngày thơ bé, hương thơm dịu ngọt của những kỉ niệm đẹp đẽ khó phai mờ, khiến người đọc bật cười thích thú; vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chinh bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì nhĩmg tháng ngày xưa; tác phàm nhỏ xinh;...*  -Mục đích biểu đạt cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của nguời viết về cuốn sách; qua đó thể hiện sự khích lệ của nguời viết với bạn đọc về việc nên tìm đọc cuốn sách.  7.Nhận xét về cách đặt nhan đề của tác giả.  -Nhan đề *Chuyến du hành về thế giới tuổi thơ*: vừa thể hiện được nội dung chính của VB: hồi ức về tuổi thơ, vừa thể hiện ý kiến của người viết bài giới thiệu sách: cuốn sách đưa người đọc trở về với thế giới tuổi thơ.  **Phiếu học tập 04**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện trong văn bản “ Chuyến du hành về tuổi thơ ”** | | **Chức năng** |  | | **Đặc điểm** | **\*Về cấu trúc:** | | **\*Sa pô:** | | **\*Pt phi ngôn ngữ :** |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 1 nhóm bất kì báo cáo sản phẩm, các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện trong văn bản “ Chuyến du hành về tuổi thơ ”** | | **Chức năng** | Giới thiệu với người đọc về cuốn sách: “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” và trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết. | | **Đặc điểm** | **\*Về cấu trúc: 3 phần**  -Thông tin về cuốn sách  -Nội dung cuốn sách  -Khẳng định giá trị cuốn sách | | **\*Sa pô:**  Đoạn nằm ngay dưới nhan đề văn bản, nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc. | | **\*Pt ngôn ngữ và phi ngôn ngữ :**  -Từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết: chiếc vé quý giá ; một cuồn sách đáng đọc; thế giới kì diệu, lạ lùng thay; thấm đượm dư vị ngọt ngào, hương thơm dịu ngọt, vui sướng, ngỡ ngàng ...  ->Mục đích biểu đạt cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của nguời viết về cuốn sách; qua đó thể hiện sự khích lệ của nguời viết với bạn đọc về việc nên tìm đọc cuốn sách.  -Hình ảnh cuốn sách để truyền tải thông tin thêm hiệu quả | | **2. Chức năng và đặc điểm của văn bản.**  **a. Chức năng.**  Giới thiệu cho bạn đọc nội dung và cảm nhận của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, từ đó, khuyến khích bạn đọc tìm đọc tác phẩm này.  **b. Đặc điểm văn bản.**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Biểu hiện trong văn bản “ Chuyến du hành về tuổi thơ ”** | | **Đặc điểm** | **\*Về cấu trúc: 3 phần**  -Thông tin về cuốn sách  -Nội dung cuốn sách  -Khẳng định giá trị cuốn sách | | **\*Sa pô:**  Đoạn nằm ngay dưới nhan đề văn bản, nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc. | | **\*Pt phi ngôn ngữ :**  Hình ảnh cuốn sách để truyền tải thông tin thêm hiệu quả. |   **c. Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ, phi ngôn ngữ:**  -Từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết: *chiếc vé quý giá ; một cuồn sách đáng đọc; thế giới kì diệu, lạ lùng thay; thấm đượm dư vị ngọt ngào, hương thơm dịu ngọt, vui sướng, ngỡ ngàng ...*  ->Mục đích biểu đạt cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của nguời viết về cuốn sách; qua đó thể hiện sự khích lệ của nguời viết với bạn đọc về việc nên tìm đọc cuốn sách.  -Hình ảnh cuốn sách để truyền tải thông tin thêm hiệu quả |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

-Nắm được những lưu ý khi đọc văn bản giới thiệu một cuốn sách .

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi .

**Câu 1:** Văn bản " Chuyến du hành về tuổi thơ " của ai ? (Nguyễn Mạnh Cường)

**Câu 2:** Tác giả giới thiệu với chúng ta về cuốn sách gì? của ai ? (*Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của Nguyễn Nhật Ánh )

**Câu 3:** *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, Nguyễn Nhật Ánh đã trao tận tay độc giả chiếc vé quý giá: (Trở về những ngày ấu thơ xa vắng )

**Câu 4:** *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, Nguyễn Nhật Ánh là lời tự thuật của ai ? (Mùi bé và Mùi lớn )

**Câu 5:** Theo Nguyễn Mạnh Cường, khi đọc cuốn sách " *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" ta có cảm giác gì ? (V*ừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa nhìn vậy sao mà xa xôi quá)

**Câu 6:** Kết thúc bài viết " Chuyến du hành về tuổi thơ" tác giả nhận mạnh điều gì ? (Tác phẩm cho những ai mong muốn được trở về những ngày tháng xưa, được lắng đọng vài giây để chiêm nghiệm về quá trình trưởng thành của mỗi con người.)

**Câu 7:** Văn bản " Chuyến du hành về tuổi thơ" có bố cục mấy phần ? (Ba phần)

**Câu 8:** Phần 1, " Chuyến du hành về tuổi thơ" tác giả nêu một số thông tin gì ? (Tên cuốn sách, tác giả ... nêu nhận xét khái quát của người viết đối với cuốn sách )

**Câu 9:** Nhiệm vụ Phần 2, " Chuyến du hành về tuổi thơ" ?

(Tóm tắt ngắn gọn nội dung cuốn sách và trình bày nhận xét, đánh giá của người viết về gía trị của cuốn sách )

**Câu 10:** Nhiệm vụ Phần 3, " Chuyến du hành về tuổi thơ" ?

(Khẳng định giá trị của cuốn sách và đề xuất khuyến khích mọi người nên đọc.)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS suy nghĩ, tìm đáp án .

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* HS trả lời cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Dựa vào nội dung văn bản và cảm nhận của em về cuốn *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, hãy thiết kế một áp phích để giới thiệu cuốn sách này với bạn bè.

Ví dụ:



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*- GV nhận xét, đánh giá, ....*

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 4/3/2025**

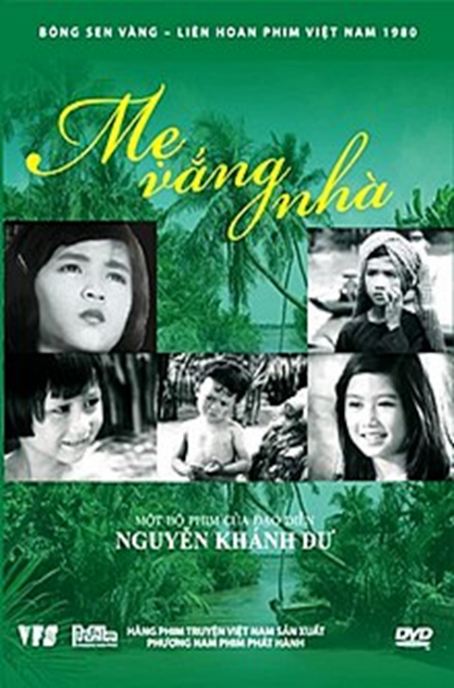
**Tiết 99,100**

**Văn bản 2:**

**MẸ VẮNG NHÀ – BỘ PHIM TUYỆT ĐẸP VỀ**

**NHỮNG ĐỨA TRẺ THỜI CHIẾN TRANH**

**Lê Hồng Lâm**

** **

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**b. Năng lực đặc thù:**

-Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

-Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Liên hệ đươc thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

**2. Về phẩm chất:**

- Khám phá năng lực bản thân hiểu biết hơn về thiên nhiên , con người làm hco cuộc sống phong phú , thú vị.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn.

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Cho HS xem video sau

**https://youtube.com/watch?v=YcYLQRMsnjE**

- Em hãy chia sẻ cảm nhận của em sau khi xem một bộ phim trên ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV theo dõi, quan sát HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân.

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- Cảm xúc của HS:

+ Những bộ phim góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

+ Hành trình khám phá...

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

Khi xem một bộ phim chúng ta như được tham gia vào hành trình khám phá những vùng đât mới; du hànhvào tâm hồn con người để hiểu thêm về người khác và bản thân. Những bộ phim đã góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

Làm thế nào để chia sẻ những bộ phim hay với người khác? Bài học này sẽ giúp em học được điểu đó qua văn bản “ Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh” – Lê Hồng Lâm.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 70 phút)*

**I. Trải nghiệm cùng văn bản .**

**a. Mục tiêu:**

-Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS xác định thông tin cơ bản và thông tin chi tiết trước khi đọc văn bản.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản đọc to, rõ ràng; cách ngắt nhịp nghỉ khi đọc,  - Tìm hiểu văn bản: HS làm việc theo cặp đôi trong 04 phút- hoàn thành **Phiếu học tập 01**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản: “ Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh”** | | | **Tác giả** |  | | **Xuất xứ** |  | | **Thể loại** |  | | **Phương thức biểu đạt** | - | | **Bố cục** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS chia sẻ với bạn bè hoặc người thân về những cảm nhận của mình sau khi đọc xong văn bản  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét cách đọc, bổ sung cho HS hoàn thành phiếu học tập số 01 | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản: “ Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh”** | | | **Tác giả** | Lê Hồng Lâm sinh năm 1977 tại Quảng Trị. Là nhà báo, nhà phê bình điện ảnh Việt Nam. | | **Xuất xứ** | In trong 101 bộ phim Việt Nam hay nhất, Nhã Nam và NXB Thế giớ , 2018 | | **Thể loại** | -Văn bản thông tin giới thiệu một bộ phim | | **Phương thức biểu đạt** | -Thuyết minh | | **Bố cục**  3 phần. | **Phần 1** (đoạn 1, 2) giới thiệu thông tin chung về bộ phim: tên phim, tên và thành tích của đạo diễn, giải thuởng mà bộ phim đạt đuợc; nhận xét khái quát về bộ phim.  **Phần 2** (đoạn 3, 4, 5, 6): tóm tắt nội dung, nhận xét về những thành công về chỉ đạo nghệ thuật, góc quay, cảnh phim, diễn xuất của diễn viên,... trong bộ phim.  **Phần 3** (đoạn 7) khẳng định giá trị của bộ phim. | |

**II. Suy ngẫm và phản hồi .**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một bộ phim.

- Gợi cho HS nhớ lại khái niệm thông tin cơ bản đã học ở lớp 7 . Hoàn thiện được sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các chi tiết và thông tin cơ bản của văn bản

- Nắm nội dung chính của văn bản . Nội dung đó được thể hiện qua những chi tiết nào?.

- Vai trò của phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ .

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Thông tin cơ bản và cách triển khai thông tin .**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chia lớp thành 4 nhóm- sử dụng kỹ thuật phòng tranh**  ***GV* gợi cho HS nhớ lại khái niệm thông tin cơ bản đã học ở lớp 7 (thông tin cơ bản là thông tin quan trọng, toát ra từ toàn bộ VB). Sau đó, GV huớng dẫn các nhóm đọc lại VB**  **và thực hiện nhiệm vụ sau \***  *Xác định thông tin cơ bản của văn bản. hong tin đó được thế hiện qua những chi tiết nào? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các chi tiết và thông tin cơ bản của văn bản.*  - GV phát giấy A0 (PHT số 2- hồ sơ dạy học) yêu cầu HS thảo luận 10 phút hoàn thành sản phẩm.  **Phiếu học tập số 2**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm, các nhóm khác theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.**  **1. Mối quan hệ giữa các chi tiết và thông tin cơ bản của văn bản**  **a. Thông tin cơ bản :**  - Bộ phim *Mẹ vắng nhà* - một bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh.  **b**.**Thông tin chi tiết:**  Các chi tiết thể hiện thông tin cơ bản: (1) chi tiết về bộ phim đạt các giải thưởng .  (2) chi tiết về năm đứa con tự chăm sóc nhau khi mẹ vắng nhà;  (3) chi tiết về chỉ đạo nghệ thuật, góc quay, cảnh phim, áp phích bộ phim;  (4) chi tiết về diễn xuất của các diễn viên.  *=>* Mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và các chi tiết là mối quan hệ hai chiều: thông tin cơ bản của VB được thể hiện qua các chi tiết và các chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản. |
| **Nhiệm vụ 2: Phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và mục đích viết của văn bản .**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân tìm hiểu về phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và mục đích viết của văn bản  Yêu cầu HS quan sát áp phích bộ phim  và đọc lại định nghĩa về văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim (**mục *Tri thức Ngữ văn****)* .  *1/* Tác giả viết văn bản “ *Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh*” nhầm mục đích gì?  *2/ Việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ góp phần như thế nào vào việc thể hiện mục đích viết của tác giả?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân hoàn thành câu hỏi 1,2  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các cá nhân bất kì trả lời câu hỏi, các HS khác theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Vai trò của phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ đối với việc thể hiện mục đích viết của văn bản.**  **a. Mục đích.**  Giới thiệu tài năng của đạo diễn và những nét đặc sắc của bộ phim về nội dung, diễn xuất, cảnh quay.  **b. Tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (áp phích) của văn bản.**  Việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ ở văn bản này góp phần thể hiện rõ nội dung, tăng sức hấp dẫn, thu hút người đọc. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**

-Nắm được những thông tin cơ bản và thông tin chi tiết khi đọc văn bản giới thiệu hay xem một bộ phim .

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia lớp làm 4 nhóm và thực hiện nhiệm vụ bằng cách phỏng vấn các bạn trong lớp bằng câu hỏi sau:

*Bạn xem video clip, xem phim hay đọc sách nhiều hơn? Vì sao?*

**Phiếu phỏng vấn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Người được phỏng vấn** | **Giới tính** | | **Xem video dip nhiều hơn** | **Xem phim nhiều hơn** | **Đọc sách nhiều hơn** | **Vì sao** |
| **STT** | ***Nam*** | ***Nữ*** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS làm việc nhóm hoàn thành phiếu phỏng vấn

- GV theo dõi, hướng dẫn

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi các nhóm báo cáo kết quả phỏng vấn , các HS khác theo dõi, tổng hợp và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

-GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**Nhận xét:**

Trường hợp số bạn xem video clip là nhiều nhất, số bạn đọc sách là ít nhất. Điều này thể hiện sự hấp dẫn của video clip vì có âm thanh, hình ảnh, đồng thời thể hiện các bạn chưa hiểu rõ tầm quan trọng của việc đọc sách, vì đọc sách không chỉ cung cấp cho ta nhiều tri thức mà còn phát triển năng lực tưởng tượng của người đọc,...

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 12/3/2025**

**Tiết 101**

**Văn bản 3: Đọc kết nối chủ điểm**

**TÌNH YÊU SÁCH**

**Trần Hoài Dương**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Kĩ năng đọc hiểu, liên hệ, kết nối.

**2. Về phẩm chất:**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình và dẫn dắt vào bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tổ chức cuộc thi *“Mảnh ghép diệu kì”,* GV cho học sinh mở từng mảnh ghép trong 9 mảnh ghép để đoán tên của tấm ảnh.Mỗi HS chỉ mở một mảnh ghép và đoán tên tấm ảnh.Nếu đoán sai tên tấm ảnh thì quyền trả lới cho người tiếp theo.  -Đáp án:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **-** HS tiến hành mở mảnh ghép .  - Gv quan sát, hỗ trợ, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lên bảng trình bày tranh và trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chiếu tranh đối chứng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài | HS lên bảng mở mảnh ghép và đoán tên tấm ảnh. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản .**

**a. Mục tiêu:**

-Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1:** **Đọc văn bản**

- GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản:  *Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ.*

*-* GV hướng dẫn HS giải thích từ khó.

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sơ lược về văn bản**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi, trả lời những câu hỏi ở Phiếu học tập số 1.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Văn bản *Tình yêu sách* của tác giả nào? | …………………………………. |
| 2. Văn bản đó được trích từ đâu? | …………………………………. |
| 3. Văn bản trên thuộc thể loại gì? | ………………………………… |
| 4. Văn bản trên nói về vấn đề gì? | ………………………………….. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi; ghi kết quả vào Phiếu học tập số 1.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* GV mời hai nhóm trả lời câu hỏi.
* GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, chốt ý.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Văn bản *Tình yêu sách* của tác giả nào? | Trần Hoài Dương |
| 2. Văn bản đó được trích từ đâu? | Trích từ truyện dài *Miền xanh thẳm* |
| 3. Văn bản trên thuộc thể loại gì? | Truyện |
| 4. Văn bản trên nói về vấn đề gì? | Tình yêu sách của nhân vật tôi |

**II. Suy ngẫm và phản hồi .**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản 1 và 2 để hiểu hơn về chủ điểm *Cánh cửa mở ra thế giới*.

- Có tinh thần yêu sách và đam mê đọc sách.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tình yêu sách của nhân vật tôi và sự giúp sức của cô Uyên**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hợp tác (nhóm 6 – 8 học sinh) hoàn thiện PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Tình yêu sách của tôi** | **Sự giúp sức của cô Uyên** | | Chi tiết | ……………….  ………………. | ………………  ……………… |   - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi sau:  ? **Chi tiết “Hình ảnh Giăng Van-giăng, Phăng-tin, Cô-dét, Ga-vo-rốt cứ lừng lững đi lại, nói năng, buồn vui, đau khổ ngay trước mặt tôi kia” thể hiện điều gì về nhân vật “tôi”?**  **? Em có nhận xét gì nhân vật tôi và cô Uyên?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập  - Suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu 2 đại diện nhóm trình bày.  - GV mời nhóm khác nhận xét và bổ sung nếu thiếu.  - GV mời HS trả lời câu hỏi cá nhân, các HS khác nhận xét bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.**  **1. Tình yêu sách của nhân vật tôi và sự giúp sức của cô Uyên**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Tình yêu sách của tôi** | **Sự giúp sức của cô Uyên** | | **Chi tiết** | -Hớn hở chạy tới xem thư viện.  -chiều nào cũng ngồi hành lang đọc ké sách của anh chị.  -giúp cô thủ thư mọi công việc.  -thấy sách mới phấn khích, đọc ngấu nghiến.  - luôn mong có thêm sách để đọc. | -cho làm thẻ dù chưa đủ tuổi.  -cho phép đi mua sách.  - cho mang sách về nhà đọc |   🡪Nhân vật tôi: Niềm đam mê đọc sách bất tận, luôn tìm mọi cách để được đọc sách; **khả năng tưởng tượng phong phú, sự say mê với sách của nhân vật “tôi”.**  🡪Cô Uyên: hiểu chuyện, tạo điều kiện góp phần nuôi dưỡng tình yêu sách cho nhân vật tôi. |
| **Nhiệm vụ 2: Thông điệp của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:  ? Qua văn bản trên muốn gửi gắm thông điệp gì?  ? Em có đồng ý với ý kiến: Mỗi cuốn sách như mở ra cho chúng ta chân trời mới?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Hs suy nghĩ, trả lời câu hỏi  - GV hỗ trợ, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 1-2 HS đứng dậy trả lời.  - Các HS khác bổ sung, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Thông điệp của văn bản**  - Sách mang đến cho chúng ta tri thức và bồi dưỡng tâm hồn.  - Cần nuôi dưỡng niềm đam mê đọc sách.  - Luôn tạo mọi điều kiện để các bạn nhỏ được làm quen và đọc sách mỗi ngày. |

**Hoạt động 3: Luyện tập – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi theo kĩ thuật Think-Pair-Share, viết vào giấy nhớ những câu chuyện, cuốn sách mà em đã từng đọc, sau đó chia sẻ với bạn ngồi bên cạnh.

- GV giao về nhà: Hãy viết một bức thư gửi bạn thân kể về câu chuyện/cuốn sách mà em tâm đắc hoặc giúp em hiểu biết hơn về thiên nhiên và con người.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ.

- Hoàn thiện sản phẩm ở nhà để nộp vào tiết sau.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* GV mời 1-2 nhóm trả lời, các nhóm khác bổ sung thêm.

- Nộp sản phẩm về nhà vào tiết học sau để GV đánh giá.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét câu trả lời, nhắc nhở HS làm bài cẩn thận, nộp bài đúng thời gian.

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 12/3/2025**

**Tiết 102,103**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH PHẦN BIỆT LẬP TRONG CÂU:**

**ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Nhận biết đặc điểm thành phần biệt lập.

- Chức năng thành phần biệt lập.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nắm được thành phần tình thái, phụ chú, gọi-đáp

**2. Về phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

- Tổ chức trò chơi **Vòng quay may mắn**.

- HS quan sát câu hỏi trắc nghiệm và lựa chọn đáp án đúng.

**Câu 1**: Trong Tiếng Việt, về cấu trúc ngữ pháp, câu có mấy thành phần chính. Đó là thành phần nào? (Hai thành phần chính. Chủ ngữ và vị ngữ)

**Câu 2**: Những thành phần không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc nêu trong câu , gọi là thành phần gì ? ( Thành phần biệt lập)

**Câu 3**: Những thành phần không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc nêu trong câu , chúng ta có thể bỏ được không **?** (Được. Vì nội dung thông tin của câu không thay đổi.)

**Câu 4**:Bên dưới con thác (và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường cong thuỷ tinh kếch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vục vào lòng sông (Rô-a Đan, Xưởng Sô cô la)

-Thành phần gạch chân trong câu văn có chức năng gì ? (Dùng để bổ sung thông tin cho khung cảnh "bên dưới con thác”)

**Câu 5**: Hai bà cháu chợt nhận ra cô Gió, bà tươi tỉnh hẳn lên.

- Đào ơi, có gió rồi, con nghỉ tay đi. Ôi, cô Gió thật là tốt quá! Bà cứ tỉnh cả người.

Thành phần gạch chân trong 2 câu, trường hợp nào để tạo lập quan hệ giao tiếp ? Trường hợp nào để duy trì quan hệ giao tiếp ? (- Đào ơi: Dùng tạo lập quan hệ giao tiếp .

Ôi: Dùng để duy trì quan hệ giao tiếp )

**Câu 6**: Tàu Nau-ti-lơtx dường như đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đậy.

-Thành phần gạch chân câu văn trên (dường như) có chức năng gì trong câu ?

("dường như” biểu thị ý phỏng đoán một cách dè dặt, dựa trên những gì người nói trực tiếp cảm nhận)

**Câu 7**: Tại sao gọi là Thành phần biệt lập ? (là thành phần phụ có tính độc lập với nòng cốt câu)

**Câu 8**: Thành phần biệt lập gồm những loại nào ?Thành phần phụ chú, Thành phần gọi - đáp , Thànhtình thái)

**Câu 9**: Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong câu sau: Bạn Hương (lớp 7A3) là người rất vui tính .

(-Thành phần biệt lập: lớp 7A3 -Thành phần phụ chú.)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Câu trả lời đúng của HS.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV chốt kiến thức và dẫn vào nội dung bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC/LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Tri thức Tiếng Việt .**

**a. Mục tiêu:** *HS nắm được:*

*- Thành phần biệt lập* là thành phần phụ có tính độc lập với nòng cốt câu.

- Thành phần biệt lập gồm các loại sau: *Thành phần phụ chú* , *Thành phần gọi – đáp, Thành phần tình thái*

*-* Thực hành luyện tập các thành phần biệt lập.

**-** Câu trả lời của học sinh

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ trò chơi Vòng quay may mắn, GV nêu câu hỏi:  +Thành phần biệt lập là gì ?  + Nêu tên các thành phần biệt lập và chức năng của nó ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Câu trả lời đúng của HS.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức và dẫn vào nội dung bài học. | **I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT.**  **1. Thành phần biệt lập:**  là thành phần phụ có tính độc lập với nòng cốt câu.  **2. Các thành phần biệt lập và chức năng** :  *-Thành phần phụ chú* được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu, thường được tách biệt bằng dấu gạch ngang, dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu hai chấm.  -*Thành phần gọi - đáp* được dùng để gọi đáp, tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.  -*Thành phần tình thái* được dùng để diễn tả thái độ, cách đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. |

**Hoạt động 2. Thực hành Tiếng Việt .**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức về thành phần biệt lập vào thực hành làm bài tập.

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV Phát phiếu học tập liên quan đến bài tập số 1 yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn đôi  -Xác định thành phần biệt lập và chức năng của chúng?  **Phiếu học tập 1**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các đội trả lời  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**  **Bài tập 1:**  a) Thành phần biệt lập: hình như-  thành phần tình thái  -> Thể hiện cách đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. Đây là tổ hợp biểu thị ý phỏng đoán một cách dè dặt, dựa trên những gì trực tiếp cảm thấy được  b) Thành phần biệt lập: Bác tài ơi -  thành phần gọi đáp  -> Chức năng: dùng để gọi - đáp, tạo lập mối quan hệ giao tiếp.  c) Thành phần biệt lập: ôi - thành phần cảm thán  -> Chức năng: thể hiện cảm xúc của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu (biểu lộ sự xúc động mạnh mẽ trước điều bất ngờ). |
| **Bài tập 2,3,4 :**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Thế nào là thành phần phụ chú, dấu hiệu ngăn cách thành phần phụ chú    -Thế nào là thành phần gọi –đáp ?Mối quan hệ giữa người nói và người nghe ?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Thành phần gọi-đáp | Mối quan hệ giữa người nói-nghe | | a |  |  | | b |  |  |   - Kĩ thuật theo trạm: GV chia lớp thành 3 nhóm đặt 3 trạm, mỗi trạm đặt 1 phiếu học tập hoặc yêu cầu của 1 trong các bài tập (2, 3,4) yêu cầu HS di chuyển theo từng trạm để hoàn thành nhiệm vụ (thời gian dừng lại giải quyết nhiệm vụ của mỗi trạm là 3p, hết thời gian GV hô lệnh HS phải lập tức di chuyển sang trạm khác cho đến khi qua hết các trạm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện di chuyển và làm việc theo lệnh của GV  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi nhóm ngẫu nhiên thuyết trình thông tin về 1 trạm bất kì => hs nhóm khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt kiến thức | **Bài tập 2:**  2.Cho biết thành phần phụ chú trong mỗi trường hợp sau bổ sung thông tin :  a. Thành phần phụ chú: - đich thị Bọ Dừa, bổ sung tên ông khách là Bọ Dừa  -> Chức năng: bổ sung thông tin cho “ông khách” (thông tin về tên của “ông khách” với lời khẳng định về độ chính xác của thông tin).  -> *Thành phần phụ chú:* cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai  Chức năng: bổ sung thông tin cho toàn câu (việc ông khách - Bọ Dừa ngủ lại dưới vòm lá trúc là suy đoán của cụ giáo thông thái và những suy đoán của cụ giáo chẳng bao giờ sai).  b. Thành phần phụ chú: - vượt khỏi giới hạn không gian và thời gian,  -> Chức năng: bổ sung thông tin cho nội dung “sống mãi trong lòng người đọc”, làm rõ thêm thông tin về sức sống của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*  c. Thành phần phụ chú - gọt thủy tiên -> Chức năng: bổ sung thông tin về tên của “một trong những quy trình then chốt” khi gọt tỉa củ thuỷ tiên là “gọt thuỷ tiên”.  d. Thành phần phụ chú là - gọi là tâm điểm,  -> Chức năng: bổ sung thông tin về tên gọi của “một miếng vải đỏ hay một vật bất kì làm dấu”.  **Bài tập 3:**  Dựa vào thành phần gọi - đáp trong các trường hợp bên dưới, hãy cho biết tính chất mối quan hệ giữa người nói và người nghe  a. thành phần gọi - đáp: Dạ,  -> Mối quan hệ giữa người nói và người nghe là chị em  b. thành phần gọi - đáp: Ừ,  -> Mối quan hệ giữa người nói và người nghe là chị em  **Bài tập 4:**  4 So sánh hai câu sau và cho biết sự khác nhau về nghĩa giữa chúng:  Gợi ý: Chỉ ra thành phần tạo nên sự khác nhau về nghĩa giữa hai câu (a) và (b).  -Xác định tên gọi và chức năng của thành phần ấy trong câu.  -Xác định sự khác nhau về ý nghĩa giữa hai câu (a) và (b) do thành phần ấy tạo ra.  a. Chắc chắn - là trời sẽ đổ mưa  b. Có lẽ - có thể mưa hoặc không mưa  *-> Chắc chắn* khẳng định dứt khoát là như thế, thể hiện mức độ tin cậy cao về sự việc được đề cập đến trong câu.  *-> Có lẽ:* biểu thị ý phỏng đoán hoặc khẳng định một cách dè dặt về điều nghĩ rằng có thể là như thế, thể hiện mức độ tin cậy thấp về sự việc được đề cập đến trong câu. |

**C. Hoạt động VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

-Vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn theo yêu cấu bài tập.

**b.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn khoảng năm câu thể hiện những cảm xúc của em khi được chiêm ngưỡng một cảnh đẹp, trong đó có ít nhất một câu chứa thành phần biệt lập. Xác định chức năng của (những) thành phần biệt lập này.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày đoạn văn

**\*Dự kiến sản phẩm:**

Nhà em nằm cạnh biển (biển Quy Nhơn). Buổi tối, em vẫn thường cùng bố mẹ ra ngắm biển. Biển quê em đẹp nhất vào những đêm trăng sáng. Mặt biển như một tấm thảm dát vàng khổng lồ. Xa xa, ánh đèn trên những chiếc thuyền đánh cá lúc ẩn lúc hiện như những ánh sao trong đêm. Trên bãi biển, người dân và du khách cùng tận hưởng những làn gió mát, nghe tiếng sóng vỗ rì rào. Một vài bạn nhỏ đang chơi trò đuổi bắt, trốn tìm say sưa. Chơi hết buổi tối mà em cũng chưa muốn về vì luyến tiếc vẻ đẹp của nó.

=> (biển Quy Nhơn) dùng để bổ sung cho “biển” vị ngữ của câu.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

-GV nhận xét

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 12/3/2025**

**Tiết 101**

**Văn bản 4: Đọc mở rộng theo thể loại**

**TỐT-TÔ-CHAN (TOTTO-CHAN) BÊN CỬA SỔ:  
KHI TRẺ CON LỚN LÊN TRONG TÌNH THƯƠNG**

**Theo Phạm Ngọ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

– Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.

- Chỉ ra những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân.

- Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,….)

**2. Về phẩm chất:**

- Biết vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Cách đối nhân xử thế, yêu thương con người, đồng cảm, khuyến khích mọi nổ lực trong cuộc sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Kế hoạch bài dạy.

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK, PHT, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chiếu đặt câu hỏi khởi động: *Các em đã từng học hay được đọc những văn bản nào viết về đề tài trẻ em chưa? Hãy kể tên?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ trả lời.  - GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài học: | Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản.**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được cách đọc một văn bản thông tin.

- Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)  + GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS quan sát, lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh. | | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN.**  **1. Đọc**  HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc.  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi.  **2. Phương thức biểu đạt:**  Thuyết minh kết hợp tự sự. |

**II. Suy ngẫm và phản hồi .**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được mục đích viết của văn bản

- Tìm được thông tin cơ bản và cách chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

- Xác định được cấu trúc của văn bản.

- Chỉ ra hiệu quả của việc kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Những đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + GV phát PHT số 1 để học sinh tìm hiểu văn bản; Hs làm việc nhóm 4-6 em vài giấy Ao.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Học sinh trình bày sản phẩm. Gv gọi hs cho ý kiến và nhận xét phần trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI.**  **1. Những đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách:**   |  |  | | --- | --- | | Các đặc điểm | Nội dung | | Sa pô | Nêu sự phổ biến của tác phẩm qua số lượng phát hành và sự yêu thích của người đọc. | | Cấu trúc của văn bản | Phần 1: đoạn 1, 2: Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. | | Phần 2: đoạn 3->đoạn 8: Tóm tắt nội dung cuốn sách, nêu ấn tượng của người viết về cuốn sách. | | Phần 3: hai đoạn cuối: Sự phổ biến của cuốn sách trên toàn thế giới và ý kiến của người viết về giá trị của cuốn sách. | | Yếu tố phi ngôn ngữ | Hình ảnh cuốn sách.  -> Truyền đạt thông điệp của tác phẩm. | | => đây chính là văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách một sách sinh động, hiệu quả, thu hút người đọc. | | |
| **Nhiệm vụ 2: Cách triển khai thông tin của các đoạn văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho học sinh trả lời câu hỏi:  Em hãy quan sát đoạn văn sau:  *Từ đấy, hành trình đến trường của Tốt-tô-chan trở thành những ngày tháng thú vị,... Quả là một ngôi trường đáng mơ ước. Thầy Kô-ba-gia-sơ-ki luôn nói với các giáo viên: “Không được gò các em vào kế hoạch của cô giáo. Phải cho các em vui chơi thoải mái trong thiên nhiên.* ***Ước mơ của các em còn lớn hơn nhiều kế hoạch của cô giáo”.***  Cho biết câu in đậm trên được sử dụng phương pháp diễn dịch, quy nạp, song song hay phối hợp?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Học sinh thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Học sinh trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Gv nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Cách triển khai thông tin của các đoạn văn**  **-** Phương pháp được sử dụng trong câu cuối đoạn là phối hợp, kết hợp làm rõ cho câu chủ đề ngay đầu đoạn “Từ đấy, hành trình đến trường của Tốt-tô-chan trở thành những ngày tháng thú vị…”. |
| **Nhiệm vụ 3: Ý nghĩa của nhan đề và mục đích của văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho hs thực hiện làm PHT số 2.   |  |  | | --- | --- | | Nội dung | Ý nghĩa | | Nhan đề |  | | Mục đích của văn bản |  |   Nhóm 4 em thực hiên nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chốt lại kiến thức. | **3. Ý nghĩa của nhan đề và mục đích của văn bản.**   |  |  | | --- | --- | | Nội dung | Ý nghĩa | | Nhan đề | Tạo ra sự tò mò, hứng thú cho người đọc.  Thể hiện phần nào ý nghĩa của văn bản. | | Mục đích của văn bản | Tác giả viết VB này nhằm mục đích giới thiệu cuốn sách và lan toả ý nghĩa của phương pháp giáo dục trẻ em rất tiến bộ của thầy hiệu trưởng trường Tô-mô. | |
| **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: các nhóm lần lượt trình bày, chia sẻ.  - GV đặt câu hỏi tổng kết: *Em rút ra các đặc điểm cơ bản của VB thông tin?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức cho Hs báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Mang các đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách.  - Kết hợp các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  - Két hợp giữa phương thức thuyết minh và tự sự.  **2. Nội dung:**  - Giới thiệu câu chuyện về cô bé Tốt-tô-chan và cách giáo dục ở ngôi trường Tô-mô.  - Ý nghĩa nhân văn trong cách giáo dục của thầy hiệu trưởng và ngôi trường này: giáo dục dựa trên tình yêu thương và tôn trọng trẻ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chuyển giao nhiệm vụ:  **Câu1**: Văn bản **Tốt- to- chan *(TOTTO-CHAN) bên cửa sổ: Khi trẻ con lớn lên trong tình thương cùng thể loại với văn bản nào sau đây?***  a. Chuyến du hành về tuổi thơ  b. Con là…  c. Thánh Gióng  d. Chiếc lá cuối cùng  **Câu 2: Văn bản Tốt-tô-chan *(TOTTO-CHAN) bên cửa sổ: Khi trẻ con lớn lên trong tình thương là của tác giả nào sau đây?***  a. Trần Mạnh Cường  b. Thạch Lam  c. Lê Hồng Lảm  d. Phạm Ngọ  **Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?**  a. Thuyết minh  b. Thuyết minh kết hợp tự sự  c. Tự sự  d. Nghị luận  **Câu 4: Mục đích của văn bản Tốt-tô-chan *(TOTTO-CHAN) bên cửa sổ: Khi trẻ con lớn lên trong tình thương* là gì?**  a. Giới thiệu cuốn sách.  b. Lan tỏa phương pháp giáo dục trẻ  c. Muốn ca ngợi người thầy  d. Cả hai đáp án a và b.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | Câu 1: a  Câu 2: d  Câu 3: b  Câu 4: d |

**Ngày soạn: 16/01/2025**

**Ngày dạy: 13/3/2025**

**Tiết 104**

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**: Hiểu được đặc điểm của thể loại đã học: Thơ thất ngôn bát cú, tứ tuyệt đường luật; truyện, văn bản thông tin đã học từ đầu học kì.

- Khái quát nội dung các văn bản đã thể hiện: Lòng yêu nước, tình gia đình, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống...

- Khắc sâu đặc điểm hình thức đặc trưng thể loại trong mỗi thể loại văn bản.

- Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

***-*** Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội; viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Nói và nghe được nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

***-***Tiếng Việt: hiểu và sử dụng hiệu quả: đảo ngữ, câu hỏi tu từ, biệt ngữ xã hội.

**2. Về năng lực:**

- Giao tiếp: Lắng nghe và phát biểu chính kiến các vấn đề liên quan đến bài học.

- Hợp tác: Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể.

**3. Về phẩm chất** :biết sống nhân ái, yêu thương gia đình, quí trọng bản thân, yêu thiên nhiên và giữ gìn, bảo vệ môi trường.

**-**Yêu Tổ quốc: Có ý thức tìm hiểu và gìn giữ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; quan tâm đến những sự kiện chính trị, thời sự nổi bật ở địa phương, trong nước và quốc tế..trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Xây dựng kế hoạch bài học.

- Phiếu học tập.

- Tư liệu, hình ảnh phục vụ học tập.

**2. Học sinh:**

- Chuẩn bị bài, thực hiện bài tập ôn tập đã giao.

- Vở ghi chép.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HĐ MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu: Nắm lại hệ thống kiến thức đã học từ đầu học kì đến giữa kì .**

**b. Nội dung:** Thơ thất ngôn bát cú, tứ tuyệt đường luật; truyện.

**c. Sản phẩm:**  câu trả lời

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: Nhắc lại các chủ đề/ bài đã học trong thời gian qua  Bước 2: Kiến thức cần nắm trong mỗi chủ đề/ bài | **- TÌNH YÊU TỔ QUỐC**  Nam quốc sơn hà, Qua đèo Ngang....  **-YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG**  Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông…  **-CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI**  Chuyến du nhành về tuổi thơ, “Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HỆ THỐNG KIẾN THỨC ĐÃ HỌC**

**a.Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Thục hiên hoạt động nhóm hệ thống kiến thức đã học trong bài6,7,8.

- Hệ thống kiến thức kĩ năng về văn bản, về tiếng Việt, viết, nói và nghe đã học

- Viết ra được suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS

**b. Nội dung:** Kiến thức về truyện, thơ, văn bản thông tin.

**c. Sản phẩm:** Vở ghi**,** Phiếu học tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

**1.Thể loại văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  **B1**. Sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức về thể loại ở bài 1,2,3?  ( Sử dụng hình, màu, ...)- Tham khảo ...  **B2**.HS thực hiện trong nhóm.  **B3**.Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm và ý tưởng-các nhóm khác nhận xét.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết luận. | **- TÌNH YÊU TỔ QUỐC**  Nam quốc sơn hà, Qua đèo Ngang....  **-YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG**  Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông…  **-CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI**  Chuyến du nhành về tuổi thơ, “Mẹ vắng nhà”- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh. |

**2. Kiến thức Tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  **B1**.Sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức về tiếng Việt ở bài 6,7,8? Tham khảo bảng hệ thống bên.  **B2**.Tổ chức cho HS thảo luận.Quan sát, khích lệ HS.  **B3**.Tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.  **B4**. GV tổng hợp ý kiến, kết luận kiến thức | -Đảo ngữ, câu hỏi tu từ.  -Biệt ngữ xã hội. |

**3. Viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**. Ở bài 1,2,3 chúng ta đã học viết về những kiểu bài nào? Nêu cách thực hiện bài viết đó?  **B2**.HS suy nghĩ -Xung phong trả lời câu hỏi  **B3**.Tổ chức cho HS trình bày, thảo luận.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết luận kiến thức. | - Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội;  - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học. |

**4.Nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**.(1) Nêu các bước tiến thành để có bài nói hiệu quả? Các dạng bài nói đã thực hiện?  (2) Nêu cách thức để có thể nói một cách tự tin?  **B2**.HS suy nghĩ -Xung phong trả lời câu hỏi  **B3**.Tổ chức cho HS trình bày, thảo luận.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết luận kiến thức. | -Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác. |

**Hoạt động 3 : Luyện tập**

**a.Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Thư hiên vận dụng kiến thức đã học để luyện đề liên quan bài 6,7,8.

- Hệ thống kiến thức kĩ năng về văn bản, về tiếng Việt, viết để làm đề tổng hợp.

- Viết ra được suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS

**b. Nội dung:** Kiến thức về truyện, thơ, văn bản thông tin

**c. Sản phẩm:** Vở ghi

**d.Tổ chức thực hiện:**

**1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập qua đề luyện tập:**

**ĐỀ LUYỆN TẬP**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đoc ngữ liệu sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Đối với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước, tự hào dân tộc không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà nó còn là sản phẩm của lịch sử được hun đúc từ chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc Việt Nam. Lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam là lịch sử đấu tranh giành lại và bảo vệ nền độc lập từ tay kẻ thù xâm lược. Chính vì vậy mà tinh thần yêu nước đã ngấm sâu vào tình cảm, vào tư tưởng của mỗi người dân Việt Nam qua tất cả các thời đại, làm nên một sức mạnh kỳ diệu, giúp cho dân tộc ta đánh thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác cho dù chúng có hùng mạnh đến đâu. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta…”, được tiếp nối từ đời này sang đời khác, từ thế hệ đi trước đến thế hệ sau.  
 Khác với thời thời cha ông, thời cả dân tộc đồng lòng quyết tâm chung một lý tưởng đánh giặc cứu nước, giữ nước và bảo vệ đất nước thì yêu nước được thể hiện ở tinh thần chiến đấu, hi sinh bản thân để cống hiến cho nền hòa bình, độc lập  của Tổ Quốc. Ngày nay, trong thời bình, quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa, chính trị thì tinh thần yêu nước được thể hiện ở nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau. Mỗi người đều có một lý tưởng sống riêng, yêu nước trước hết là làm tròn nghĩa vụ của riêng bản thân, tôn trọng văn hóa, ngôn ngữ dân tộc. Mỗi người cũng lựa chọn riêng cho mình một cách riêng để thể hiện lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc: có người đi nghĩa vụ canh giữ biên cương, có người lựa chọn cống hiến về tri thức, có người lại chọn cống hiến trên lĩnh vực thể thao, những trận bóng đá đẹp nhất và ý nghĩa nhất cho người hâm mộ, làm rạng danh quê hương, đất nước.

(*Suy nghĩ về tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc*, Phạm Thảo, Đăng trên trang Tuổi trẻ Phú Yên: http/tuoitrephuyen.vn)

**Câu 1 (0.5 điểm)** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 2 (0.5 điểm)** Trong phần ngữ liệu trích dẫn có mấy đoạn văn?

A. Có một đoạn văn B. Có ba đoạn văn

C. Có hai đoạn văn D. Có bốn đoạn văn

**Câu 3 (0.5 điểm)** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Bàn về lòng yêu nước, tự hào dân tộc B. Bàn về kẻ thù xâm lược

C. Bàn về tình cảm gia đình D. Bàn về đánh giặc cứu nước

**Câu 4 (0.5 điểm)** Đáp án nào sau đây mà tất cả đều là từ Hán- Việt?

A. Hào hùng, đồng lòng, hòa bình, độc lập, bóng đá

B. Vinh quang, đồng lòng, hòa bình, yêu nước

C. Hội nhập, đồng lòng, hòa bình, độc lập

D. Vinh quang, đồng lòng, hòa bình, văn hóa, đau thương

**Câu 5 (0.5 điểm)** Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau:

*Đối với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước, tự hào dân tộc không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà nó còn là sản phẩm của lịch sử được………. từ chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc Việt Nam.*

A. Tôi luyện B. Hun đúc C. Rèn luyện D. Nung đúc

**Câu 6** **(0.5 điểm)** *Khác với thời thời cha ông, thời cả dân tộc đồng lòng quyết tâm chung một lý tưởng đánh giặc cứu nước, giữ nước và bảo vệ đất nước thì yêu nước được thể hiện ở tinh thần chiến đấu, hi sinh bản thân để cống hiến cho nền hòa bình, độc lập  của Tổ Quốc.* Đây là câu văn sử diễn đạt lí lẽ hay dẫn chứng?

A. Lí lẽ B. Dẫn chứng

**Câu 7 (0.5 điểm)** Em có đồng ý với ý kiến: *Tinh thần yêu nước giúp cho dân tộc ta đánh thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác cho dù chúng có hùng mạnh đến đâu không?*

A. Đồng ý B. Không đồng ý

**Câu 8 (0.5 điểm)** Theo tác giả bài viết, biểu hiện của lòng yêu nước trong thời bình ngày nay là gì?

A. Trực tiếp tham gia đánh giặc ngoài chiến trường

B. Cống hiến về tri thức hoặc cống hiến trên lĩnh vực thể thao

C. Tham gia các hoạt động chống đối nhà nước

D. Nghe các phần tử phản động, xuyên tạc lịch sử

**Câu 9 (1.0 điểm)** Đặt câu với 2 thành ngữ sau (mỗi thành ngữ đặt một câu): *Yêu nước thương nòi, Quê cha đất tổ*

**Câu 10 (1.0 điểm)** Qua nội dung văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.

**2. HS thực hiện nhiệm vụ.**

**3. HS đối chiếu với tiêu chí, bảng kiểm để đánh giá bài viết của mình:**

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Đánh giá** | | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** | |
| **1** | D |  |  | |
| **2** | C |  |  | |
| **3** | A. |  |  | |
| **4** | C |  |  | |
| ***5*** | B |  |  | |
| ***6*** | A |  |  | |
| ***7*** | A |  |  | |
| ***8*** | B |  |  | |
| ***9*** | **Đặt câu với các thành ngữ:**  - *Yêu nước thương nòi*: Mỗi chúng ta cần phải biết giữ gìn truyền thống yêu nước thương nòi.  - *Quê cha đất tổ*: Bố tôi bảo rằng nơi ấy là nơi quê cha đất tổ nên dù đi đâu cũng phải tìm về. |  |  | |
| ***10*** | **Qua nội dung văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân**  - Nhận thức được tinh thần yêu nước, lòng tự hòa dân tộc là truyền thống vô cùng quý báu.  - Hành động cụ thể:  + Em cần gìn giữ và phát huy những truyền thống tốt đẹp ấy.  + Chăm lo học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động có ích để góp phần dựng xây quê hương giàu đẹp.  + Cần sáng suốt trước các âm mưu thế lực thù địch.  + Tuyên truyền cho mọi người nhận thức sâu sắc về tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc. |  | |  |

**BẢNG KIỂM BÀI VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÁC PHẦN** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **KẾT QUẢ** | |
| **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| **MỞ BÀI** | Giới thiệu được hoạt động xã hội sẽ kể |  |  |
| **THÂN BÀI** | Hoạt động được kể lại theo ngôi thứ nhất |  |  |
| Nêu được những thông tin cơ bản về hoạt động |  |  |
| Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí. |  |  |
| Sử dụng hợp lí yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm, hoặc kết hợp cả hai yếu tố này. |  |  |
| **KẾT BÀI** | - Khẳng định ý nghĩa của hoạt động  - Nêu được suy nghĩ, cảm nhận sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân. |  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS tham khảo bài của các nhóm khác để có thêm hiểu biết.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Tiết 105, 106**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**  **TỔ: VĂN - GDĐP** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **Môn: Ngữ văn 8**  **Năm học: 2024 - 2025**  Thời gian làm bài: 90 phút  *(Không kể thời gian phát đề)*  *(Đề gồm 02 trang)* |

**I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THU ĐIẾU**

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,**Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.  
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.  
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,**Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,**Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

***(Nguyến Khuyến)***

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 1**: Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Thơ tứ tuyệt. B. Thơ thất ngôn bát cú. C. Thơ cổ tích. D. Thơ bảy chữ.

**Câu 2**: Các cặp câu nào có sử dụng nghệ thuật đối?

A. Cặp 1,2 và 3,4. B. Cặp 1,2 và 7,8.

C. Cặp 3,4 và 5,6. D. Cặp 5,6 và 7,8.

**Câu 3**: Bố cục trong bài thơ gồm những phần nào?

A. Khai, thừa, chuyển, hợp. C. Đề, thực, luận, kết.

B. Khai, chuyển, thừa, hợp. D. Đề, luận, thực, kết.

**Câu 4**: Bài thơ trên được làm theo luật nào?

A. Luật bằng. B. Luật trắc.

**Câu 5:**Xác định nhịp thơ trong văn bản.

1. 2/2/2 và 4/3. B. 2/2/3 và 4/3. C. 3/4 và 4/3. D. Tất cả đáp án trên.

**Câu 6:** Trong bài thơ trên, câu 1 niêm với câu nào?

1. Câu 8. B. Câu 2. C. Câu 3. D. Câu 4.

**Câu 7**: Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong hai câu cuối bài thơ “Thu điếu”?

A. Tả cảnh ngụ tình. C. Tăng tiến.

B. Lấy động tả tĩnh. D. Hình ảnh ước lệ, tượng trưng.

**Câu 8**: Đáp án nào sau đây không phải giá trị nội dung của bài “Thu điếu”?

A. Bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Nguyễn Khuyến.

B. Viết về cảnh sắc mùa thu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bộc lộ tâm trạng thời thế và tài thơ Nôm của tác giả.

D. Châm biếm, đả kích bọn thực dân xâm lược.

**Câu 9.** Em có suy nghĩ gì về bức tranh thiên nhiên trong sáu câu thơ đầu?

**Câu 10.** Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu ít nhất ba biện pháp giữ gìn, phát triển cảnh đẹp nước ta trong cuộc sống hiện nay.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn phân tích một tác phẩm Văn học mà em yêu thích.

**------------- Hết -------------**

Ngày soạn: 4/3/2025

Ngày dạy: 20/3/2025

Tiết 107,108

**VIẾT BÀI VĂN GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH YÊU THÍCH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Viết được bài văn giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng về cuốn sách; trình bày mạch lạc, thuyết phục.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Có kĩ năng đọc sách, tổng hợp kiến thức đã đọc để viết thành bài văn giới thiệu một cuốn sách.

- Có kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm, thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách cảm nhận ý nghĩa của một cuốn sách.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu sách và trân trọng sách.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt tri thức nền của HS về sách và việc giới thiệu sách.

- Tạo hứng thú học tập cho các em.

**b. Nội dung:**

- Gv chiếu hình ảnh hoạt động giới thiệu sách của HS, yêu cầu HS theo dõi và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chiếu hình ảnh:



**Câu hỏi**: Hãy cho biết trong hình ảnh trên các bạn HS đang làm gì?

Để giới thiệu được một cuốn sách, em cần chuẩn bị những bước nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS theo dõi hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS theo dõi hình ảnh và trả lời các câu hỏi

**\* Sản phẩm dự kiến:**

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC/LUYỆN TẬP**

*(Dự kiến thời lượng: 75 phút)*

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được tri thức kiểu bài viết bài văn giới thiệu một cuốn sách.

**b. Nội dung:**

- Tri thức kiểu bài

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại tri thức kiểu bài (3 phút)  - Sau khi HS đọc và ghi nhớ, GV chiếu các câu hỏi: Hỏi nhanh – đáp nhanh  ***Câu 1: Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách là kiểu văn bản:***  *A- Văn bản nghị luận*  *B - Văn bản tự sự*  *C- Văn bản thông tin*  *D – A và B đúng.*  ***Câu 2: Mục đích viết văn bản giới thiệu một cuốn sách là: (chọn 1 từ trong ngoặc đơn điền vào dấu …)***  *Chia sẻ những … (hiểu biết/ cảm nhận), đánh giá của người viết về cuốn sách, … (khuyên nhủ/ khuyến khích) mọi người đọc sách.*  ***Câu 3: Chọn đáp án sai trong các câu sau:***  ***Yêu cầu đối với kiểu bài viết bài giới thiệu sách:***  *A – Giới thiệu thông tin chính về cuốn sách*  *B – Tóm tắt nội dung sách, nêu nhận xét về cuốn sách, khuyến khích mọi người đọc sách.*  *C – Trình bày chi tiết, đầy đủ tất cả nội dung cuốn sách.*  *D- Kết hợp phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ. Trình bày thông tin mạch lạc.*  ***Câu 4: Sắp xếp trình tự đúng của cấu trúc bài viết:***  *A – Tóm tắt ngắn gọn nội dung và trình bày nhận xét của người viết về giá trị cuốn sách…*  *B – Khẳng định giá trị cuốn sách, khuyến khích đề nghị mọi người nên đọc cuốn sách đó.*  *C – Nêu một số thông tin về tên sách, tên tác giả; nêu cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách để thu hút người đọc.*  ***Đáp án: C – A - B***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và ghi nhớ các thông tin, có thể viết ra giấy nháp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV chiếu các câu hỏi – HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, (có thể cho điểm) các câu trả lời của HS, nhấn mạnh một số nội dung quan trọng và chuyển sang phần tiếp theo. | **I. TRI THỨC VỀ KIỂU VĂN BẢN.**  **1. Khái niệm**  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài**  Giới thiệu thông tin chính về cuốn sách.  Tóm tắt nội dung cuốn sách.  Nêu nhận xét của người viết về cuốn sách, khuyến khích mọi người đọc sách.  Có thể kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.  Trình bày thông tin mạch lạc.  **Cấu trúc bài viết gồm ba phần:**  ***Phần 1****:* nêu một số thông tin về tên sách, tên tác giả; nêu cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách để thu hút người đọc.  ***Phần 2****:* tóm tắt ngắn gọn nội dung và trình bày nhận xét của người viết về giá trị của cuốn sách. Trích dẫn một vài chi tiết từ cuốn sách để làm rõ ý kiến.  ***Phần 3****:* khẳng định giá trị của cuốn sách, khuyến khích/ đề nghị mọi người nên đọc cuốn sách đó (gián tiếp hoặc trực tiếp). |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản .**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được văn bản mẫu

**b. Nội dung:**

- HS phân tích văn bản mẫu và trả lời các câu hỏi trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS đọc văn bản mẫu trong sgk, dùng bút chì gạch chân vào các dòng trong văn bản theo yêu cầu sau:  - Câu văn nào thể hiện ấn tượng của người viết với cuốn sách được giới thiệu?  - Câu văn nào nêu nhận xét của người viết về giá trị tác phẩm? Theo người viết, giá trị lớn nhất của cuốn sách là gì?  - Từ văn bản mẫu, em học được gì về cách giới thiệu một cuốn sách? Hoàn thành vào phiếu HT sau:   |  |  | | --- | --- | | **Phần 1** |  | | **Phần 2** |  | | **Phần 3** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS HĐ cá nhân: đọc văn bản mẫu, gạch chân vào văn bản bằng bút chì theo yêu cầu.  HS thảo luận cặp đôi điền kết quả vào phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV y/c HS báo cáo KQ thảo luận cặp đôi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt đáp án. | **II. HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN.**  **1. Văn bản mẫu: Câu chuyện về lòng yêu thương**  **2. Bố cục văn bản:**   |  |  | | --- | --- | | **Phần1** | Nêu được ấn tượng của người viết về cuốn sách “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” ; Giới thiệu được tên cuốn sách và tên tác giả. | | **Phần2** | Nêu nội dung chính của cuốn sách, nhấn mạnh được các giá trị của cuốn sách. Nêu được cảm nhận của người viết về cuốn sách. | | **Phần3** | Khẳng định được giá trị cuốn sách và khuyến khích mọi người nên đọc sách. | |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết .**

**Đề bài:** Trường em tổ chức cuộc thi giới thiệu sách với chủ đề “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Hãy viết bài giới thiệu về một cuốn sách mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được yêu cầu kiểu bài.

- Xác định được người đọc, người nghe, tên cuốn sách muốn giới thiệu.

- Biết cách khai thác thông tin cuốn sách, tóm tắt nội dung và rút ra được ý nghĩa của cuốn sách muốn giới thiệu.

**b. Nội dung:**

- HS thực hiện các nhiệm vụ trên phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\*NV1: Chuẩn bị trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc kĩ yêu cầu đề bài, thảo luận cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:  - Xác định yêu cầu của đề bài và kiểu bài:  - Người đọc, người nghe là ai?  -Họ mong muốn điều nghe được điều gì về cuốn sách mà em giới thiệu?  - Cuốn sách em giới thiệu phù hợp với đối tượng nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận và trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt đáp án:  Yêu cầu đề bài: Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách em yêu thích.  Kiểu bài: Giới thiệu cuốn sách yêu thích.  Người đọc, người nghe: GV và các bạn HS…  Cuốn sách phù hợp với nhiều đối tượng, đặc biệt phù hợp với các bạn HS.  **\*NV2: Tìm ý, lập dàn ý.**  **a**. **Mục tiêu:**  - Biết cách tìm ý, lập dàn ý theo yêu cầu kiểu bài  - Lựa chọn được nội dung phù hợp với yêu cầu của đề bài  **b. Nội dung:**  Hs hoạt động cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên phiếu HT.  **c. Sản phẩm:**  - Bài làm của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao phiếu HT cho HS hướng dẫn HS thực hiện ở nhà:   |  |  | | --- | --- | | Tên sách: |  | | Tên tác giả: |  | | Tên nhà xuất bản: |  | | Số lượng bản in, số lần tái bản (nếu có) |  | | Tóm tắt nội dung chủ đề/ nội dung/ thông điệp của cuốn sách: |  | | Ấn tượng hoặc cảm xúc sâu sắc về cuốn sách: |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Hs thực hiện chuẩn bị bài ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Giáo viên yêu cầu 1 số HS trình bày bài viết của mình, các HS khác dựa vào bảng kiểm nhận xét bài của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV chữa và chỉnh sửa bài cho HS ở tiết học thứ 2.  **\*NV3: Viết bài.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện ở nhà dựa trên phiếu HT sau:   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT SỐ 4** | | | **Phần 1** | Giới thiệu tên sách, tên tác giả.  Cảm nhận hoặc ấn tượng của em về cuốn sách. | | **Phần 2** | Tóm tắt ngắn gọn nội dung của cuốn sách.  Nêu nhận xét, đánh giá về giá trị của cuốn sách (nội dung, hình thức nghệ thuật). | | **Phần 3** | Khẳng định giá trị của cuốn sách.  Khích lệ độc giả đọc cuốn sách. | | Lưu ý | Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (tranh vẽ hoặc hình ảnh bìa sách). | | Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện ở nhà theo dàn ý đã làm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo kết quả ở tiết học thứ 2 của bài.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS tự chỉnh sửa bài cho mình và cho các bạn dựa theo bảng kiểm trong SGK  GV chấm, chữa bài cho HS.  **\*NV4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS xem lai bài viết:  -Bài viết có thôi thúc em tìm đọc cuốn sách này hay không ?  -Cần thông tin gì trong cuốn sách mà em chưa tìm thấy trong bài viết?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Ghi lại ít nhất ba bài học kinh nghiệm mà em rút ra được về cách viết bài thuyết minh giới thiệu sách  Thể hiện các bài học đó trên tấm thẻ và gửi đến các bạn trong lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-**Bài viết của HS đã chỉnh sửa  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, chốt kiến thức | **III. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH VIẾT.**  **Đề bài**: Trường em tổ chức cuộc thi giới thiệu sách với chủ đề “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Hãy viết bài giới thiệu về một cuốn sách mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  a. Xác định đề bài:  -Đề bài, kiểu bài  -Người đọc, người nghe.  -Nội dung cuốn sách  b. Thu thập tư liệu:  Tìm thông tin về tác giả và cuốn sách trên các trang web của nhà xuất bản, báo và tạp chí  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  a. Tìm ý  b. Lập dàn ý:  **Phần 1**  Tên sách, tên tác giả.  Cảm nhận hoặc ân tượng nổi bật vé cuốn sách,  => Có thể hoán đổi vị trí hai ý  **Phấn 2**  Tóm tắt nội dung sách.  Nhận xét về giá trị (nội dung, nghệ thuật) của cuốn sách.  **Phần 3**  Khẳng định giá trị của cuốn sách.  Khuyến khích mọi người nên đọc sách.  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý  **Bước 4 : Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự kiểm tra và điều chỉnh bài viết |

***Bảng kiếm kĩ năng viết bài giới thiệu một cuốn sách***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **C.đạt** |
| Phần1 | Giới thiệu tên sách, tên tác giả. |  |  |
| Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách. |  |  |
| Phần 2 | Tóm tắt ngắn gọn nội dung của cuốn sách. |  |  |
| Nêu nhận xét, đánh giá về giá trị của cuốn sách (nội dung, hình thức nghệ thuật). |  |  |
| Phần 3 | Khẳng định giá trị của cuốn sách. |  |  |
| Khích lệ độc giả đọc cuốn sách. |  |  |
| Hình thức | Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (tranh vẽ hoặc hình ảnh bìa sách). |  |  |
| Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. |  |  |

**C. Hoạt động VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ giáo viên giao

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu:

- Viết bài văn giới thiệu với các bạn cuốn sách GK ngữ văn 8 tập I (Chân trời sáng tạo).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, tìm hiểu, làm bài (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS viết bài gửi vào Zalo của lớp

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét:

Ý thức làm bài

Thời gian nộp bài

Nội dung bài viết.

Ngày soạn: 4/3/2025

Ngày dạy: 25/3/2025

Tiết 109,110

**TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU VỀ MỘT CUỐN SÁCH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

Biết trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện bài tập ở nhà

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

**3. Về phẩm chất:**

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy chiếu, máy tính sử dụng trong suốt giờ học

- Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo…

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- SGK, SBT Ngữ văn 8, vở ghi.

- Bài nói của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a**. **Mục tiêu**:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:**

GV chiếu video,HS quan sát, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về giá trị đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh nhận quà”:

Em hãy quan sát video sau và nhanh tay ghi ra giấy nháp:

1. Vấn đề nói đến trong video

2. Ghi ra các lợi ích của việc đọc sách.

Link: https://www.youtube.com/watch?v=n6QJleJ1Yf4

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS xem video suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày

- HS khác nhận xét bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét câu trả lời của học sinh -> dẫn dắt vào nội dung tiết học

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 75 phút)*

**TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU VỀ MỘT CUỐN SÁCH**

**Đề bài:Thuyết trình về cuốn sách mà bản thân yêu thích với các bạn để lan toả tình yêu sách.**

**Hoạt động 1:** *Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói*

**a) Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe;

- Xác định nội dung- giá trị của cuốn sách

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói có đúng vấn đề và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b) Nội dung:**

- GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS

- HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về giá trị đặt ra trong tiết học

**d) Tổ chức thực hiện**

***Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách mà em yêu thích***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà**  GV yêu cầu HS hoàn thành PHT   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Nội dung** | | Đề tài |  | | Mục đích nói |  | | Người nghe |  | | Không gian và Thời gian |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thành bảng  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang bước 2. | **Chủ đề:Thuyết trình về cuốn sách mà bản thân yêu thích với các bạn để lan toả tình yêu sách.**  **Bước 1: Xác định đề tài, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**  - Xác định được đề tài cần trình bày.  - Xác định mục đích nói và người nghe  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Khi nói cần lựa chọn không gian và xác định thời gian nói.  - Tìm hình ảnh, video, sơ đồ cho bài nói thuyết phục( có thể) |

**Hoạt động 2: *Tìm ý và lập dàn ý***

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GIAO HS VỀ NHÀ CHUẨN BỊ**  GV yêu cầu HS  - Dự kiến những phương tiện phi ngôn ngữ sẽ sử dụng để tăng sức thuyết phục cho bài nói  - Lập dàn ý dựa vào sơ đồ sau    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thành yêu cầu của GV  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang bước 3. | ***Bước 2:*** *Tìm ý và lập dàn ý*  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý:**  a. Tìm ý:  - Tên cuốn sách, thể loại, tên tác giả, tên nhà xuất bản, năm xuất bản, các giải thưởng đạt được (nếu có),.  -Một số đặc điểm về nội dung, hình thức nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của cuốn sách.  -Một vài chi tiết, hình ảnh, việc quan trọng, thú vị trong cuốn sách để làm bằng chứng minh hoạ cho bài nói.  -Nhận xét hoặc ấn tượng / cảm xúc về cuốn sách.  -Cách thức thể hiện bài giới thiệu sách ?  -Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài nói ?  b. Lập dàn ý:  **\*Phần 1**  -Tên sách, tên tác giả.  -Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách,  => Có thể hoán đổi vị trí hai ý trên.  **\*Phần 2**  -Tóm tắt nội dung sách.  -Nhận xét về giá trị (nội dung, nghệ thuật) của cuốn sách.  **\*Phần 3**  -Khẳng định giá trị của cuốn sách.  -Khuyến khích mọi người nên đọc sách.  \* Lưu ý:  - Chuẩn bị thêm các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi người nghe - chuẩn bị câu trả lời.  - Tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ. |

**Hoạt động 3:** *Luyện tập và trình bày*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp.  GV khuyến khích HS sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói tăng sức thuyết phục  - HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trình bày bài nói trước lớp  HS khác lắng nghe, ghi chép, có ý kiến phản hồi sau bài nói của bạn  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | ***Bước 3:*** *Luyện tập và trình bày*  **Bước 3. Luyện tập và trình bày**  ***a. Luyện tập***  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  (HS thực hiện trước tiết học)  ***b. Trình bày***  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (trình bày, giới thiệu về một cuốn sách).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Tương tác với người nghe qua điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… tự tin.  + Sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp bài nói. |

**Dùng bảng kiểm sau để đánh giá**

**Bảng kiểm kĩ năng trình bày giới thiệu một cuốn sách**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** |
| Mở đầu | Chào người nghe và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân. |  | |  |
| Giới thiệu cuốn sách: tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả, tên nhà xuất bản. |  | |  |
| Nêu cảm nhận/ ấn tượng nổi bật về cuốn sách. |  | |  |
| Nội dung chính | Tóm tắt ngắn gọn nội dung, chủ đề, thông điệp của cuốn sách. |  | |  |
| Trình bày nhận xét, đánh giá về giá trị của cuốn sách (nội dung, hình thức nghệ thuật). |  | |  |
| Kết thúc | Tóm tắt nội dung trình bày. |  | |  |
| Khích lệ người nghe tìm và đọc sách. |  |  |  |
| Càm ơn và chào két thúc. |  |  |  |
| Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe | Tương tác với người nghe trong quá trình nói. |  | |  |
| Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, đáp ứng yêu cầu bài nói. |  |  |  |
| Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  | |  |
| Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  | |  |

**Hoạt động 4: *Trao đổi, đánh giá***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trao đổi thảo luận về bài nói của bạn  + 3 ưu điểm về bài nói của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Dự kiến ý kiến phản biện của người nghe** | **Phản hồi của tôi** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS nhận xét, đánh giá bài nói của bạn * HS khác nhận xét, bổ sung   **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | ***Bước 4:******Trao đổi, đánh giá*** |

**C. Hoạt động Luyện tập** *(Dự kiến thời lượng: 4 phút)*

**a. Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Các câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm, HS giành quyền trả lời.

**Câu 1:** Văn bản nói Trình bày giới thiệu một cuốn sách thuộc loại văn bản gì ?(VB Thông tin)

**Câu 2:** Khi trình bày, giới thiệu một cuốn sách, phần 2 có nội dung gì ?

-Tóm tắt nội dung sách.

-Nhận xét về giá trị (nội dung, nghệ thuật) của cuốn sách.

**Câu 3:**Khi trình bày, giới thiệu một cuốn sách, phần 1 có nội dung gì ?

-Tên sách, tên tác giả.

-Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật vé cuốn sách.

**Câu 4:**Khi giới thiệu một cuốn sách, việc đưa hình ảnh bìa sách vào văn bản tạo nên hiệu quả gì? (Cảm nhận được nội dung chính của cuốn sách , tăng sức hút với người đọc.)

**Câu 5:**Khi trình bày, giới thiệu về một cuốn sách, phần nội dung chính là gì?

- Tóm tắt ngắn gọn nội dung, chủ đề, thông điệp của cuốn sách;

- Trình bày NX, đánh giá về giá trị của cuốn sách

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS tham gia trò chơi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Gv nhận xét, nhắc lại các kiến thức liên quan

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết vấn đề thực tế.

**b. Nội dung:** Nhiệm vụ giáo viên giao

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu:

- HS tìm hiểu, nêu ý kiến của mình về nội dung một câu chuyện trong cuốn Hạt giống tâm hồn.

- HS trình bày ý kiến của mình và ghi lại bằng 1 video để gửi giáo viên (thời hạn: 1 tuần)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS tiếp nhận nhiệm vụ, tìm hiểu, làm bài (ở nhà)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS quay video bài nói gửi cho giáo viên

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV nhận xét:

Ý thức làm bài

Thời gian nộp bài

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học, luyện nói nhiều lần và đọc, làm trước 6 câu hỏi phần Ôn tập SGK/ 65 để chuẩn bị cho tiết sau

Ngày soạn: 4/3/2025

Ngày dạy: 27/3/2025

Tiết 111

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nắm kiến thức về văn bản thông tin: Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, đặc điểm chức năng của các thành phần biệt lập.

- Nắm được quy trình viết văn bản giới thiệu một cuốn sách.

- Rèn kĩ năng trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi ***"***VÒNG QUAY MAY MẮN":

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS lựa chọn câu hỏi và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Câu trả lời đúng của HS

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi .

**Câu 1**: Chủ đề bài 8 có tên là gì ? (Cánh cửa mở ra thế giới)

**Câu 2**: Thể loại của chủ đề 8 ? (*Văn bản thông tin* )

**Câu 3**: *Kể tên các văn bản cùng thể loại chủ đề 8?* (Chuyến du hành về tuổi thơ, Mẹ vắng nhà, bộ phim...,Tình yêu sách)

**Câu 4:** Văn bản "Mẹ vắng nhà –bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh, có bao nhiêu đoạn, bố cục chia mấy phần *?*(7 đoạn, bố cục ba phần )

**Câu 5**: Các văn bản “Chuyến du hành về tuổi thơ, Mẹ vắng nhà –bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh, Tình yêu sách” phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ có gì giống nhau?*(Đều dùng hình ảnh minh hoạ*)

**Câu 6**: Cấu trúc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thường có mấy phần?(Ba phần )

**Câu 7**: Tình yêu sách của nhân vật “tôi” được thể hiện qua những việc làm nào ? (*Đọc ké sách của các anh lớn, giúp việc cô thủ thư để được đọc sách, mượn sách về nhà đọc suốt đêm.)*

**Câu 8**: Kể tên các thành phần biệt lập ? (*Thành phần tình thái, phụ chú, gọi-đáp.)*

**Câu 9**: Quy trình viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích ?(*Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết Bước 2: Tim ý và lập dàn ý Bước 3: Viết bài Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC/LUYỆN TẬP**

*(Dự kiến thời lượng: 35 phút)*

**Hoạt động 1: Phần đọc .**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.

-Tóm tắt các đặc điểm của những văn bản đã học

**b. Nội dung:**

- Câu hỏi 1,2 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Phiếu học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu học tập cho HS    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trả lời câu hỏi 1,2 vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sản phẩm của nhóm học tập.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. PHẦN ĐỌC .**  1.Trình bày đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.    2.Tóm tắt các đặc điểm của những văn bản đã học vào bảng sau (Làm vào vở): |

Tóm tắt các đặc điểm của những văn bản đã học

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện tóm tát** | ***Chuyến du hành về tuổi thơ*** | ***"Mẹ vắng nhà"- Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh*** | ***"Tốt-tô-chan bên cửa sổ": Khi trẻ con lớn lên trong tình thương*** |
| Mục đích viết | Giới thiệu cho bạn đọc nội dung và cảm nhận của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, từ đó, khuyến khích bạn đọc tìm đọc tác phẩm này. | Giới thiệu tài năng của đạo diễn và những nét đặc sắc của bộ phim về nội dung, diễn xuất, cảnh quay. | Giới thiệu cuốn sách và lan toả ý nghĩa của phương pháp giáo dục trẻ em rất tiến bộ của thầy hiệu truởng truờng Tô-mô. |
| Nội dung chính | Những dòng hồi tưởng của Mùi và những người bạn về trò chơi nghịch ngợm của cậu bé về tuổi thơ. | Kể về những ngày chiến tranh bọn trẻ sống xa mẹ. | Đó là những mong muốn khao khát của những đứa trẻ và sự lắng nghe thấu hiểu của thầy cô . |
| Cấu trúc | 3 phần | 3 phần | 3 phần |
| Cách thể hiện thông tin | -Thông tin cơ bản của VB đuợc thể hiện qua các chi tiết. Ngược lại, các chi tiết cũng góp phần thể hiện thông tin cơ bản.  -Thuyết minh kết hợp các pt biểu đạt khác góp phần thể hiện thông tin văn bản. | -Thông tin cơ bản của VB đuợc thể hiện qua các chi tiết. Ngược lại, các chi tiết cũng góp phần thể hiện thông tin cơ bản. | -Thông tin cơ bản của VB đuợc thể hiện qua các chi tiết. Ngược lại, các chi tiết cũng góp phần thể hiện thông tin cơ bản. |

**Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt .**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được củng cố kiến thức về: Thành phần biệt lập-Đặc điểm và chức năng

**b. Nội dung:**

- Bài tập 3 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu học tập cho HS   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thành phần biệt lập** | **Chức năng** | | a |  |  | | b |  |  | | c |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hành trên phiếu học tập nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả hoạt động nhóm HT  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**  3. Xác định thành phần biệt lập và nêu chức năng của chúng trong các trường hợp sau: |

**Hoạt động 3: Phần Viết .**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được thực hành viết văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

**b. Nội dung:**

- Bài tập 4 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Dàn ý, bài viết của HS ở nhà

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Lập dàn ý bài giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS lập dàn ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét, phản hồi  - GV chốt kiến thức. | **III. PHẦN VIẾT.**  4-Viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim như thế nào để hấp dẫn người đọc  Người ta từng nói rằng : “ Tình bạn chính là bông hoa đẹp nhất tô điểm cho cuộc đời mỗi người”. Cuộc sống ta thật thật buồn tẻ và trống vắng làm sao khi thiếu đi bạn bè. Cũng chính vì thế, nó đã trở thành nguồn cảm hứng vô biên cho những cây viết tài hoa. Trong đó có Nguyễn Nhật Ánh và người bạn “Tôi là Bêtô” của ông. “Tôi là Bêtô” là một cuốn sách hay không chỉ về tình bạn của Bêtô và Binô mà còn là những câu chuyện thường nhật hết sức bình thường nhưng lại độc đáo dưới lăng kính của một chú chó.  Một vài người hay nói rằng, con người là con người, chó mèo là chó mèo. Làm sao chó mèo có thể giống con người, có thể có tâm hồn và cảm xúc ? Nhưng tôi biết, chắc chắn trong một vài người ấy sẽ không có Nguyễn Nhật Ánh. Cái nhìn khác biệt của ông về chó mèo đã tạo nên những điểm sáng trong các cuốn sách của ông. Ông đã dùng cái cách mà bà hay kể chuyện cho cháu nghe để kể cho độc giả nghe những câu chuyện mà ông cho là lí thú.  Bêtô đã kể cho tôi nghe rằng, tên của cậu ta không phải là Bêtô mà là Bêbêtô, nhưng chính sự ưa ngắn gọn của người lớn đã khiến tên của cậu bị thu gọn lại. Nhưng cậu ta cũng nói rằng, cậu ta rất thích cái tên đó.  Bêtô đã kể cho tôi nghe rằng, cậu ta rất thích bà nội của chị Ni. Bà rất thương cậu, đồng tình với cậu : Một con chó không nghịch ngợm là một chú chó bỏ đi. Bêtô rất thích mỗi lần bà cùng thằng Laica đến nhà chơi, Laica và cậu sẽ cùng bày ra đủ trò nghịch ngợm. Nhưng một mùa đông đã cướp bà đi. Cậu thấy chị Ni và ba mẹ chị Ni khóc rất nhiều, để rồi bà vẫn sống trong trái tim họ.  Bêtô đã kể cho tôi nghe rằng, cậu ta và các người bạn khác đều ghét lão Hiếng. Lão ta là một người rất tàn độc với loài chó như Bêtô. Ngày mà lão chuyển đi là một trong những ngày đáng kỉ niệm ở nơi cậu ta sống. Hầu như, Bêtô chắc chắn lão Hiếng đã chết dù lão vẫn đang sống, còn bà thì vẫn đang sống dù bà đã không còn.  Bêtô đã kể cho tôi nghe rằng, cậu ta rất thích chơi với nhà hiền triết Binô. Cậu ta cho rằng trên đời chỉ có hơn 20 điều là điều thú vị để làm, nhưng người bạn thân của cậu ta lại cho rằng có hơn 326 điều. Một trong những điều ấy là thích leo lên cầu thang dù Binô rất sợ leo xuống cầu thang. Hai người bạn  Bêtô không kể cho tôi nghe rằng, tình bạn giữa cậu ta và Binô là tuyệt nhất. Tôi cho rằng như vậy vì những lời chiêm nghiệm của cậu ta : “ Đôi khi bạn yêu mến một ai đó đơn giản chỉ vì người đó thật lòng yêu mến bạn. Tâm hồn chúng ta được sinh ra là để chờ đáp lại niềm yêu mến đến từ một tâm hồn khác. Nó giống như chiếc ống sáo, sẵn sàng reo lên khi ngọn gió mùa hè thổi qua” Trái tim của Bêtô cũng giống như trái tim của Nguyễn Nhật Ánh, cũng giống như trái tim của tôi vào những ngày hạ rực lửa.  Bêtô không kể cho tôi nghe rằng, cậu ta đã đem lại cho con tim tôi những điều khiến tôi chưa từng thôi ngẫm nghĩ. Cậu ta hay nói về ước mơ. Cậu ta khuyên tôi nên sống ở hai tôi : Một tôi sống ở một cuộc đời tầm thường hèn nhát, một tôi sống ở chân trời với cảm xúc và bản lĩnh thực hiện ước mơ. Thực tế, tôi, hoặc những người khác chưa từng dám sống ở tôi thứ hai. Nhưng ít nhất, khi tôi gặp Bêtô, tôi đã không còn sống ở một cuộc đời tầm thường.  Gấp lại nơi chứa đựng sự tinh hoa của ngôn từ, bức tranh khắc họa về đời sống con người rõ nét hơn bao giờ hết : Con người chết rồi vẫn sống trong tim như cách bà sống trong tim Bêtô và Binô, cười đôi khi là một kiểu khóc và khóc đôi khi là một kiểu cười,… Từng chút một ý nghĩa đã được Nguyễn Nhật Ánh cô đọng lại bằng mắt nhìn của một chú chó, để rồi khi đóng trang sách cuối cùng lại, tôi vẫn còn ngồi thầm thì về một người đáng trân quý :  “- Mày thích màu nào nhất ?  - Tao thích màu trắng nhất.  - Vì nó sạch sẽ à ?  -Vì nó là màu lông của người bạn yêu quý nhất của tao”  (Bài làm của HS trường LTV) |

**Hoạt động 4: Nói và nghe .**

**a. Mục tiêu:**

- HS được rèn những kĩ năng trình bày, giới thiệu về một cuốn sách và chia sẻ với các bạn

**b. Nội dung:**

- Bài tập 5 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Dàn ý bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Kĩ năng trình bày, giới thiệu về một cuốn sách và chia sẻ với các bạn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Hoạt động cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sản phẩm của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. NÓI VÀ NGHE.**  5-Ghi vào thẻ những kĩ năng trình bày, giới thiệu về một cuốn sách và chia sẻ với các bạn  - Hiểu rõ về cuốn sách hoặc bộ phim được giới thiệu.  - Nâng cao kĩ năng thuyết trình  - Sử dụng các phương hỗ trợ như biểu đồ, tranh ảnh, ứng dụng công nghệ để bài giới thiệu ấn tượng, dễ hiểu và cuốn hút bạn đọc theo dõi. |

**c. Hoạt động VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- Câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm học tập:**

- Bài làm của HS

**Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-Theo em, vì sao việc đọc một cuốn sách được ví như “chuyến du hành vào vùng đất mới” ?  
**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

*-* Sản phẩm của HS

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Ngày soạn: 22/3/2025

Ngày dạy: 28/3/2025

Tiết 112

**TÊN BÀI DẠY:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực riêng biệt**

- Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học từ đầu năm đến nay.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói, nghe

**2. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- KHBD, bài kiểm tra HS

**2. Học sinh:** vở ghi, vở soạn

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ( 5 PHÚT)**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | \* Học sinh trả lời |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ BÀI ( 35 PHÚT)**

**a. Mục tiêu:** Giúp hs nhận ra ưu, nhược điểm của bài kiểm tra đã làm . Rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để nhận xét bài kiểm tra.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS:** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung. | **I. Tìm hiểu đề.:**  **1. Đề bài:** Hs sử dụng đề kiểm tra tập trung  **2. Đáp án + biểu điểm:**  Dựa vào đáp án ở đề kiểm tra.  **II. Nhận xét ưu nhược điểm:**  **1. Nhận xét:**  ***a) Ưu điểm: (***Căn cứ vào bài làm học sinh).  - Đa số HS làm đúng nội dung các câu hỏi mà trong đề bài đặt ra, hiểu bài và có nắm chắc kiến thức.  - Phần viết đoạn văn có sáng tạo.  ***b) Nh­ược điểm: (***Căn cứ vào bài làm học sinh).  - Một số bạn chưa học bài kĩ khi làm kiểm tra  - Một số học sinh còn viết sai lỗi chính tả.  - Một số bài viết đoạn văn sơ sài.  **III. Trả bài:**  - Tuyên dương các bài tốt.  - Nhắc nhở một số tồn tại |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG(5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng rút kinh nghiệm vào các bài kiểm tra tiếp theo

**b. Nội dung:** Hs thực hiện rút kinh nghiệm cho bản thân

**c. Sản phẩm học tập:** kinh nghiệm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy tự rút kinh nghiệm cho mình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét quá trình tương tác rút kinh nghiệm của học sinh | - Hs thực hành rút kinh nghệm cho bản thân trước lớp |

Thống kê tỉ lệ học sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Sĩ số** | **Trên trung bình** | **Dưới trung bình** |
| 8A | 38 | 35 | 3 |
| 8B | 38 | 37 | 1 |
| 8C | 38 | 31 | 7 |